

TẬP SAN

LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, DỊCH THUẬT, GIỚI THIỆU TÀI LIỆU

YẾU MỤC

- ★ SỰ THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG-DƯƠNG LÀ MỘT BƯỚC NGOẶT VĨ ĐẠI TRONG LỊCH SỬ CÁCH MẠNG CẬN ĐẠI VIỆT-NAM
NGUYỄN HỒNG PHONG

- ★ LÃNH TỰ CỦA ĐẢNG

VĂN TÂN

- ★ BẢN VẼ LIÊN MINH GIAI CẤP TRONG CÁCH MẠNG VIỆT-NAM TỪ SAU NĂM 1930

VĂN TẠO

- ★ BA MƯƠI NĂM THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG

LÀ VĂN LỎ

10

HÁNG I
1960

VIỆN SỬ HỌC VIỆT NAM

TẬP SAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

CHỦ NHIỆM : TRẦN HUY LIỆU

Tòa soạn và trị sự : VIỆN SỬ HỌC VIỆT NAM

16-18, Phố Hàn Thuyên, Hà-nội - Dãy số: 1083

Số 10 — Tháng 1 — 1960

MỤC LỤC

VIỆN SỬ HỌC VIỆT NAM — Vấn đề Đảng sử	1
NGUYỄN HỒNG PHONG — Sự thành lập Đảng Cộng sản Đông-dương là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng cận đại Việt-nam	6
VĂN TÂN — Lãnh tụ của Đảng	30
VĂN TẠO — Bàn về liên minh giai cấp trong cách mạng Việt-nam từ sau năm 1930	50
LÃ VĂN LÒ — Ba mươi năm thực hiện chính sách dân tộc của Đảng	68
TRẦN HUY LIỆU — Phần đầu để trở nên một đảng viên cộng sản (hồi ký)	77
★ Cuộc hội nghị quốc tế lần thứ 5 về lịch sử phong trào công nhân và cộng sản họp ở Buc-ca-rét từ 25-8-1959 đến 2-9-1959	91

ĐÍNH CHÍNH

TRONG tập san Nghiên cứu lịch sử số 9, bài « Sự phát triển của kinh tế hàng hóa và vấn đề hình thành của chủ nghĩa tư bản ở Việt-nam dưới thời phong kiến » của bạn Nguyễn Hồng Phong chỉ mới là phần đầu, và đã in thiếu chữ « Còn nữa » ở cuối bài. Vạy xin đính chính.

Chúc mừng năm mới

VIỆN SỬ HỌC VIỆT-NAM

VẤN ĐỀ ĐẢNG SỬ

TRONG không khí tung bừng chuẩn bị kỷ niệm ngày thành lập Đảng, vấn đề xây dựng lịch sử Đảng càng nhắc nhở chúng ta một cách cấp thiết. Đảng của chúng ta, Đảng Cộng sản Đông-dương trước kia và Đảng Lao động Việt-nam ngày nay, là đội tiền phong của giai cấp công nhân Việt-nam, đã lãnh đạo nhân dân hoàn thành cuộc Cách mạng tháng Tám vẻ vang và đương xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đồng thời đấu tranh thống nhất Tổ quốc. Nói đến Đảng, Đảng là niềm tin tưởng, là nguồn phấn khởi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Tuy vậy, biết Đảng, yêu quý Đảng, tha thiết với Đảng nếu chỉ ở trên một cơ sở hiểu biết sơ sài hay qua cảm tính thì vẫn chưa đủ. Vì biết Đảng, yêu quý Đảng, tha thiết với Đảng một cách sâu sắc phải là biết lịch sử Đảng, đánh giá sự nghiệp của Đảng một cách đúng mức, và gắn liền vận mạng Đảng với vận mạng của mình, của dân tộc, đặt tương lai của mình hòa nhập vào tương lai của Đảng. Tất cả hơi thở, ý nghĩ, hành động của mỗi người đảng viên chúng ta đều vì Đảng, vì nhân dân. Đảng quyết định cả một vận mạng của dân tộc, bước tiến lên của dân tộc, trong đó có mỗi người chúng ta. Như vậy, chúng ta càng thấy rõ lịch sử Đảng đối với chúng ta là muôn vàn tha thiết và lịch sử Đảng là một công dụng giáo dục rất hiệu nghiệm đối với mỗi người đảng viên, quần chúng lao động đương phấn đấu dưới lá cờ Đảng.

Nghị quyết của Đại hội Đảng năm 1951 đã đề ra việc biên soạn lịch sử Đảng. Trung ương đã cử ra một ban sưu tầm tài liệu Đảng. Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa trước đây và Viện

Sử học Việt-nam ngày nay, trong khi biên soạn lịch sử cận đại và hiện đại, cũng có một bộ phận nghiên cứu về lịch sử Đảng. Trường Nguyễn Ái Quốc cũng có một khoa nghiên cứu về lịch sử Đảng. Tóm lại, ý thức xây dựng một quyển lịch sử Đảng cũng như cơ sở để làm việc đó đều đã được chuẩn bị một phần nào. Thực ra, nếu chưa có một quyển lịch sử Đảng chính thức, chúng ta cũng đã có những bản dự thảo, những tập nghiên cứu sơ bộ về lịch sử Đảng để đáp ứng với những nhu cầu đòi hỏi của cán bộ, của học sinh tại nhà trường cũng như trong nhân dân. Có điều là : lịch sử Đảng không phải chỉ là những tập tài liệu chõng chất qua các thời kỳ, mà lịch sử Đảng còn phải là một tập tổng kết về đường lối chính trị của Đảng từ trước tới giờ. Cố nhiên là việc làm này không thể do một vài cá nhân hay một tập thể riêng biệt nào đảm nhiệm ; mà phải có một tập thể lớn và có thẩm quyền được cơ quan cao nhất của Đảng giao cho. Chúng tôi, những cán bộ công tác lịch sử, tha thiết mong Đại hội Đảng sắp tới sẽ thông qua việc này để thực hiện nghị quyết của Đại hội Đảng lần trước đã đề ra.

Về mặt quốc tế, theo chỗ chúng tôi biết, thì, trong mấy năm gần đây, vấn đề viết lịch sử Đảng đã được các Đảng anh em của chúng ta, Đảng Cộng sản và Đảng Công nhân các nước, nêu lên thành một vấn đề quan trọng và cấp thiết. Đã năm lần, Hội nghị quốc tế về lịch sử phong trào công nhân và cộng sản quốc tế đã họp bàn về vấn đề này. Nhất là trong hai cuộc hội nghị họp ở Béc-lanh (1958) và ở Bu-ya-rét (1959), các nhà nghiên cứu sử thuộc các viện Mác — Lê-nin, viện sử và ban lịch sử Đảng đã thảo luận rất nhiều về việc viết lịch sử phong trào đấu tranh thống nhất giai cấp công nhân và lịch sử các Đảng Cộng sản và Công nhân. Riêng về việc viết lịch sử Đảng, điểm quan trọng nhất là cuốn sách giáo khoa *Lịch sử Đảng Cộng sản Liên-xô* mới được viết lại và xuất bản năm 1959. Các nước khác trong phe xã hội chủ nghĩa cũng đang xúc tiến việc này. Ở Tiệp-khắc, lịch sử Đảng Cộng sản đã biên soạn xong và bắt đầu đưa in. Ở Ru-ma-ni, Bun-ga-ri, Ba-lan và Mông-cổ, việc biên soạn lịch sử Đảng cũng sắp hoàn thành. Ở Trung-quốc, Triều-liên và Cộng hòa dân chủ Đức, việc biên tập lịch sử Đảng cũng đang được tiến hành ráo riết. Ngay ở một số nước tư bản, các Đảng Cộng sản cũng đã chú ý việc biên soạn quyển lịch sử Đảng, như ở Pháp, Ý, Anh, Thụy-điển, Xi-ri, v.v... Do đó, Hội nghị quốc tế lần thứ 5 giữa đại biểu của viện Mác — Lê-nin, viện lịch sử hay ban lịch sử Đảng họp

cuối tháng 8 vừa rồi đã quyết nghị về vấn đề biên soạn lịch sử Đảng. Trong đó có câu: « *Nhiệm vụ căn bản của các viện và ban lịch sử các Đảng trong thời gian sắp tới là phải hoàn thành công việc chuẩn bị để đưa xuất bản những quyển sách giáo khoa lịch sử Đảng Cộng sản và Đảng Công nhân* ». Như vậy, việc biên soạn lịch sử Đảng chẳng phải chỉ là một công tác nội bộ, mà còn là một công tác có liên quan đến lịch sử đấu tranh của giai cấp công nhân thế giới và có một tầm quốc tế rộng rãi.

Như chúng ta đã biết, trong tình hình thế giới hiện nay, cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội ngày càng mạnh lớn và chủ nghĩa tư bản ngày càng suy yếu đang diễn ra mọi mặt, mà đặc biệt là trên mặt trận tư tưởng. Kẻ thù của chủ nghĩa xã hội đang âm mưu xuyên tạc chủ nghĩa Mác — Lê-nin bằng những luận điệu xét lại. Chúng cố ý gieo rắc sự nghi ngờ đối với Đảng, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng để phá hoại sự thống nhất của giai cấp công nhân, phá hoại phong trào đấu tranh cách mạng. Do đó, trong cuộc đấu tranh nhằm thống nhất giai cấp công nhân, nêu cao vai trò lãnh đạo của Đảng, tác dụng giáo dục của lịch sử phong trào công nhân và cộng sản quốc tế nói chung, lịch sử các Đảng Cộng sản và Công nhân nói riêng, trở nên vô cùng quan trọng và cấp thiết.

Đối với chúng ta, trong giai đoạn lịch sử hiện nay, hai nhiệm vụ cơ bản đề ra là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước, việc biên soạn lịch sử Đảng càng đòi hỏi tha thiết hơn lúc nào hết. Thật thế, từ những chiến sĩ đã từng đấu tranh lâu năm dưới lá cờ Đảng, đến những nhân sĩ tiến bộ vẫn cảm tình với Đảng, còn có gì cổ vũ mạnh mẽ hơn là được đọc lịch sử Đảng, thấy rõ đường lối chủ trương của Đảng, thấy Đảng là đảng của giai cấp công nhân mà cũng là đảng của dân tộc, thấy sự hy sinh vô bờ bến của các đảng viên nổi tiếng hay vô danh, thấy rõ vai trò vĩ đại của lãnh tụ Đảng để càng thêm gắn bó với Đảng, tin tưởng vào Đảng.

Đảng là đảng của giai cấp công nhân, là đảng Mác — Lê-nin, cho nên lịch sử Đảng cũng là lịch sử đảng Mác — Lê-nin vận dụng trong thực tiễn đấu tranh cách mạng ở Việt-nam. Tư tưởng chủ nghĩa Mác — Lê-nin thể hiện trong cương lĩnh của Đảng, trong chiến lược và sách lược của Đảng qua các thời kỳ. Đảng đã áp dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin trong một xứ thuộc địa nửa phong kiến. Cũng do đó, Đảng không những đã đoạt được nhiều thắng lợi trên con

đường đấu tranh cách mạng, mà còn bảo vệ được sự thống nhất của Đảng, ngăn ngừa những chủ nghĩa bè phái, làm nổi bật lên cái đặc điểm của Đảng là một đảng thống nhất từ trước đến nay.

Đảng là đảng của những người có một lý tưởng cao cả trên đỉnh chót của lý tưởng thời đại là xây dựng chủ nghĩa cộng sản : xây dựng chế độ cộng sản và con người cộng sản. Nếu như ở lịch sử Đảng, những người lao động học tập được bài học trong cuộc đấu tranh xây dựng nền dân chủ nhân dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội, thấm nhuần được chủ nghĩa cộng sản thì lịch sử Đảng còn có cái công dụng là đào luyện những con người mới của thời đại mới. Bao nhiêu những chịu đựng gian khổ, những tinh thần bất khuất, những hy sinh oanh liệt của những đảng viên ưu tú biểu hiện đức tính của con người cộng sản là một bài giáo dục chủ nghĩa cộng sản một cách trực tiếp và thấm thía nhất. Bao nhiêu những phẩm chất quý hóa của con người cộng sản đã được thể hiện ra trong cuộc đời đấu tranh cách mạng là những gương mẫu của một đạo đức mới, đạo đức cộng sản chủ nghĩa.

Lịch sử Đảng chẳng những giáo dục cho chúng ta những phẩm chất cao quý của người cộng sản, mà còn dạy cho chúng ta những bài học kinh nghiệm về đấu tranh cách mạng, về việc lãnh đạo nhân dân đánh đổ đế quốc và phong kiến, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Lịch sử Đảng, một khi tổng kết được, là một kho kinh nghiệm vô cùng quý báu về thành công cũng như về thất bại, về ưu điểm cũng như về khuyết điểm, về đúng đắn cũng như về sai lầm. Trong cuộc lãnh đạo cách mạng, Đảng đã nắm vững vũ khí tư tưởng chủ nghĩa Mác — Lê-nin, nắm vững được thực tiễn Việt-nam nên đạt được thắng lợi. Nhưng cũng có khi Đảng phạm những khuyết điểm và sai lầm do ở nhược điểm bản thân, do ở khách quan bất lợi hay do ở chỗ chưa thấm nhuần được chủ nghĩa Mác — Lê-nin để áp dụng vào thực tiễn Việt-nam. Tuy vậy, những khuyết điểm và sai lầm đó không làm tê liệt được Đảng, trái lại, là một bài học sâu rộng của Đảng để hằng hái tiến lên, sửa chữa sai lầm và giành thắng lợi mới. Do đó, lịch sử Đảng cũng không phải là một bài anh hùng ca một chiều, một điệu, mà là một bản tổng kết kinh nghiệm bằng xương máu với tinh thần phê bình và tự phê bình của người cộng sản. Cũng do đó, lịch sử Đảng còn có tác dụng như một kim chỉ nam, như một cầm nang cách mạng, như một bó đuốc soi đường cho mọi người chúng ta tiến bước.

Trong cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước hiện nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta có nhiều thuận lợi, nhưng cũng có không ít những khó khăn phức tạp. Mâu thuẫn giữa cái mới và cái cũ trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng như mâu thuẫn còn tồn tại của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ chưa hoàn thành đã hiện ra vô số những vấn đề phải giải quyết, những sự việc phải nghiên cứu. Lịch sử Đảng dạy cho chúng ta những phương pháp nhận xét sự vật, phân tích sự vật, nắm vững quy luật phát triển của lịch sử để giải quyết những khó khăn, nâng cao trình độ và khả năng cách mạng.

Như trên đã nói, lịch sử Đảng có một tầm quan trọng và cấp thiết như vậy thì việc xây dựng quyền lịch sử Đảng nhất định phải là một công việc quan trọng và cấp thiết. Theo ý kiến chúng tôi, trước hết là phải có một tổ chức chuyên trách về lịch sử Đảng. Có một tổ chức chuyên trách về lịch sử Đảng thì mới tập hợp được những bộ phận nghiên cứu lẻ tẻ theo một phương châm chung. Về việc này, chúng ta phải thành thực nhận rằng nó đã được đề ra, nhưng chưa được ráo riết thực hiện. Lẽ tất nhiên là: xây dựng lịch sử Đảng, ngoài một tổ chức chuyên trách, còn là công việc của toàn Đảng, phải đi theo đường lối quán chúng. Nhưng việc gì làm cũng phải có chỗ bắt đầu, mà chỗ bắt đầu hiện nay là việc có một tổ chức chuyên trách.

Về vấn đề này, chúng tôi đã có dịp phát biểu trên tập san *Nghiên cứu Văn Sử Địa*. Lần này, trong việc chuẩn bị kỷ niệm ngày thành lập Đảng và 30 năm đấu tranh của Đảng, chúng tôi càng cảm thấy tầm quan trọng và cấp thiết của việc xây dựng Đảng sử. Theo chỉ thị của Trung ương, nhiều đơn vị và các địa phương đang phát hiện được nhiều tài liệu, các cán bộ đã nhắc nhở nhiều đến lịch sử của Đảng. Nhưng, để xây dựng một bộ lịch sử Đảng thật đầy đủ, thật chính xác, với một bản tổng kết đường lối đấu tranh của Đảng, chúng tôi thấy rằng, dưới sự lãnh đạo của Trung ương, chúng ta phải tiến hành có kế hoạch hơn. Cố nhiên là: việc xây dựng lịch sử Đảng cũng như nhiều việc quan trọng khác, chúng ta không cầu toàn trách bị. Nhiều quyền Đảng sử của các nước anh em đến nay vẫn còn là một quyền sơ thảo hay là quyền giản sử (sử tóm tắt). Tuy vậy, chúng tôi xin nhắc lại một lần nữa là: trong công tác lâu dài và quan trọng, việc phải làm trước hết vẫn là vấn đề tổ chức.

VIỆN SỬ HỌC VIỆT NAM

SỰ THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG-DƯƠNG*

**LÀ MỘT BƯỚC NGOẶT VĨ ĐẠI
TRONG LỊCH SỬ CÁCH MẠNG CẬN ĐẠI V.N.**

NGUYỄN HỒNG PHONG

**Tình hình xã hội Việt-nam khi thực dân Pháp xâm lược
và vấn đề cách mạng
đặt ra trong lịch sử cận đại Việt-nam**

Trước Pháp xâm lược, xã hội Việt-nam vào nửa đầu thế kỷ thứ XIX lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng. Trạng thái khủng hoảng này có khác với trạng thái khủng hoảng của chế độ phong kiến Tây Âu khi cách mạng tư sản chín muồi trong lòng chế độ phong kiến. Vì như ở nước Pháp vào nửa sau thế kỷ thứ XVIII khi mà công thương nghiệp của chủ nghĩa tư bản đã rất phát triển, sức sản xuất mới đã phát triển đến mức độ nó không còn phù hợp với quan hệ sản xuất cũ nữa, chế độ phong kiến trở thành một trở lực ngăn trở sự phát triển của sức sản xuất, thì lúc ấy vấn đề đặt ra là phải thủ tiêu chế độ phong kiến mục nát để giải phóng sức sản xuất mới. Trên cơ sở mâu thuẫn kinh tế ấy đã hình thành những mâu thuẫn xã hội và chính trị giữa « giai tầng thứ ba » với giai cấp phong kiến. Những mâu thuẫn này ngày càng đấu tranh nhau quyết liệt và đây là nguyên nhân của sự khủng hoảng của chế độ phong kiến Pháp.

Tình hình xã hội Việt-nam dưới chế độ phong kiến quan liêu nhà Nguyễn có khác. Vào thế kỷ thứ XVIII, nền kinh tế hàng hóa nước ta đã khá phát triển, trong khi đó thì chế độ

phong kiến quan liêu lại đi đến chỗ rất mục nát, phản động và trở thành cái trở lực chính cho sự phát triển ấy. Cuộc khởi nghĩa nông dân Tây-sơn bùng nổ đánh lật đổ triều đình phong kiến quan liêu thối nát, tạo điều kiện cho kinh tế hàng hóa Việt-nam phát triển dễ dàng hơn; nhưng do những nhân tố ngẫu nhiên xảy ra trong lịch sử nước ta lúc ấy, khiến cho tình thế lại xoay chuyển ra thế khác, khiến cho lịch sử nước ta lẽ ra có thể tiến mạnh tới trước thì trong một thời gian lại tạm thời bị kim hãm lại, bế tắc lại. Đó là sự phản công của tập đoàn phong kiến quan liêu phản động, sự khôi phục lại chế độ phong kiến quan liêu nhà Nguyễn.

Vi thể những cải cách tiến bộ của triều đại Tây-sơn đang được thực hiện nhằm làm cho nông nghiệp và công thương nghiệp phát triển đã bị bỏ dở. Xã hội Việt-nam lại lâm vào tình trạng khủng hoảng, bế tắc vào nửa đầu thế kỷ thứ XIX. Dưới chế độ phong kiến cực kỳ thối nát, sâu mọt nhà Nguyễn, với chính sách bảo thủ, phản động đặc biệt của triều Nguyễn về chính trị, kinh tế cũng như xã hội, xã hội Việt-nam đã lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng. Nông dân đói khổ, thủ công nghiệp và thương nghiệp phát triển một cách khó khăn, ngoại thương sút kém. Nông dân khởi nghĩa liên miên hết năm này qua năm khác. Không một triều đại nào mà từ lúc mới lên cho đến mấy đời sau lại có tới hàng trăm cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra. Vấn đề thủ tiêu chế độ phong kiến quan liêu lại đặt ra quyết liệt dưới triều Nguyễn. Chỉ có thủ tiêu chế độ phong kiến quan liêu thì kinh tế hàng hóa Việt-nam mới phát triển lên được, chủ nghĩa tư bản, phương thức sản xuất tiến bộ so với phương thức sản xuất phong kiến, mới có thể nảy nở được.

Giữa lúc ấy thì chủ nghĩa tư bản Pháp xâm chiếm Việt-nam. Thực dân Pháp xâm chiếm Việt-nam lại càng làm cho tình hình xã hội Việt-nam bi thảm trầm trọng hơn. Vì rằng lúc mà chủ nghĩa tư bản xâm nhập vào Việt-nam cũng là lúc mà nó đang đi dần vào giai đoạn cuối cùng của nó, tức là giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, lúc mà giai cấp tư sản từ lâu đã trở thành giai cấp phản động rồi. Cho nên, tuy về mặt kinh tế sự xâm lược của chủ nghĩa tư bản Tây phương có làm cho chủ nghĩa tư bản thuộc địa tự phát nảy nở thì mặt khác nó lại chèn ép không cho phát triển lên. Đồng thời bọn thực dân Pháp lại ra sức duy trì chế độ phong kiến thối nát, duy trì phương thức bóc lột phong kiến đã lỗi thời. Thậm chí chúng còn phát triển việc chiếm hữu lớn về đất đai, phát triển

phương thức bóc lột phong kiến. Do đó mà giai cấp phong kiến hoàn toàn câu kết với thực dân Pháp để áp bức bóc lột nhân dân. Từ đây, vấn đề đặt ra của cách mạng Việt-nam là chống đế quốc và chống phong kiến. Đánh đuổi đế quốc mà không xóa bỏ chế độ phong kiến, đánh đổ giai cấp phong kiến thì không thể được, cũng như đánh đổ giai cấp phong kiến mà không đánh đổ đế quốc vậy. Vì rằng muốn đánh đổ đế quốc thì phải dựa vào lực lượng đông đảo nhân dân, mà tuyệt đại bộ phận là nông dân ; mà muốn động viên đông đảo nông dân tham gia phần để thì phải giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân, phải đánh vào giai cấp phong kiến, phải bảo đảm cho nông dân một tương lai không phải là kéo cày cho địa chủ, mà là một tương lai có ruộng cấy trâu cày. Mặt khác, vì đế quốc phong kiến dựa vào nhau mà tồn tại cho nên việc chống đế quốc và phong kiến phải tiến hành song song là hai việc có liên quan chặt chẽ với nhau không thể tách rời. Như thế là từ cuối thế kỷ thứ XIX sang đầu thế kỷ thứ XX, vấn đề cách mạng Việt-nam đã chứa nội dung dân tộc và dân chủ rồi. Cho đến sau Đại chiến thứ nhất, khi kinh tế tư bản bản xứ phát triển thì nội dung dân chủ của cách mạng Việt-nam lại chín muồi hơn nữa.

Phong trào cách mạng cuối thế kỷ thứ XIX đầu thế kỷ thứ XX và mâu thuẫn giữa quyền lãnh đạo cách mạng và nội dung cách mạng

Nội dung cách mạng thì như thế, nhưng ai là kẻ có khả năng lãnh đạo nhân dân thực hiện nội dung cách mạng ấy. Đây là một vấn đề lịch sử đặt ra một cách quyết liệt và đòi hỏi phải giải quyết. Vấn đề này đặt ra không phải trên mặt trận lý luận mà chính là trong thực tiễn của vận động cách mạng, qua những thử thách, qua những thành công và thất bại của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc mấy chục năm đầu thế kỷ thứ XX, trước khi Đảng Cộng sản Đông-dương thành lập.

Trước hết là phong trào « cần vương » cuối thế kỷ thứ XIX. Sau khi thực dân Pháp đã bình định được toàn cõi Việt-nam, triều đình Huế đã ký hòa ước bán nước, và vào mấy chục năm cuối của thế kỷ thứ XIX, giai cấp phong kiến, đứng về mặt giai cấp mà nói, không còn tinh thần dân tộc nữa, không còn yêu nước nữa. Nó đã « yèn vị » với chủ mới. Quyền lợi cơ bản của nó vẫn được duy trì, hơn thế nữa chế độ chính trị mục nát của nó lại được « sung thần công » của thực dân « văn minh » bảo hộ. Nhưng có một số người trí

thức xuất thân từ giai cấp phong kiến, đã thấy một phần nào sức mạnh của quần chúng, mang trong người truyền thống yêu nước, họ tiếp thu được sức sống do nông dân truyền cho nên vẫn anh dũng bền bỉ chống Pháp. Họ là những trí thức yêu nước, đại diện cho tinh thần dân tộc mà lúc bấy giờ tiêu biểu là nông dân chứ không còn đại diện cho giai cấp phong kiến nữa. Tuy nhiên cũng như những nhà « Cách mạng tháng Chạp » nước Nga (1) đầu thế kỷ thứ XIX, tuy muốn nhân danh nhân dân mà hành động, vì nhân dân, vì tổ quốc mà hành động, nhưng do giới hạn của thế giới quan giai cấp, họ không biết dựa vào nhân dân, không phát động được nông dân. Nên dù có nhiệt tình anh dũng như Phan Đình Phùng chẳng nữa, kết quả cũng vẫn bị thất bại trong cái « chiến khu » cô độc của mình.

Bước sang đầu thế kỷ thứ XX, cuộc vận động giải phóng dân tộc ở Việt-nam chuyển sang một giai đoạn mới. Vào thời gian trước Đại chiến thứ nhất, do ảnh hưởng của chính sách khai thác thuộc địa lần thứ nhất, chính sách này đã làm nảy sinh lớp thị dân đông đảo, tiền thân của giai cấp tư sản bản xứ, do ảnh hưởng của chiến tranh Nga Nhật, ảnh hưởng của Cách mạng Tân hợi, ảnh hưởng của tư tưởng Khang Lương, cho nên tuy rằng giai cấp tư sản dân tộc chưa hình thành, kinh tế tư bản bản xứ còn chưa có cơ sở, vậy mà ý thức hệ tư sản đã dần dần chi phối nội dung của phong trào giải phóng dân tộc hồi ấy. Đây có thể coi là sự *chuyển biến tư tưởng lần thứ nhất* trong phong trào cách mạng giải phóng dân tộc từ phạm trù tư tưởng phong kiến dưới là cơ « cần vương » sang phạm trù tư tưởng tư sản dưới là cơ « duy tân », « Đông du », mặc dù sự chuyển biến này vẫn chưa thực là dứt khoát và triệt để.

Tuy nhiên, nếu như về phương diện tư tưởng, phong trào « duy tân », « Đông du » có chỗ tiến bộ hơn phong trào « cần vương » thì về phương diện phương thức vận động cách mạng, phong trào « duy tân », « Đông du » cũng không tiến bộ hơn phong trào « cần vương » được mấy tí. Phong trào « duy tân » hay « Đông du » vẫn bộc lộ những nhược điểm lớn khiến cho nó không thể nào đi đến thành công được. Nhược điểm căn bản của phong trào này thể hiện ngay trong cương lĩnh của nó. Cương lĩnh của nó là một cương lĩnh không triệt để. Tinh không triệt để đó biểu lộ ở chỗ hoặc là không triệt để phản

(1) Quý tộc tiến bộ làm một cuộc khởi nghĩa chống Nga hoàng để mong thủ tiêu chế độ nông nô khắc nghiệt ở đầu thế kỷ XIX.

để, mà chỉ chủ trương khai minh dân trí có tính chất cải lương như phong trào « Đông-kinh nghĩa thực », hoặc tuy có triệt để phản đế nhưng lại không phản phong, không đặt vấn đề xóa bỏ phương thức bóc lột phong kiến như phong trào « Đông du » và sự hoạt động của Phan Bội Châu trong giai đoạn này. Nguyên nhân một phần là do ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến còn nặng trong các nhà hoạt động cách mạng ; phần khác là do giai cấp tư sản dân tộc lúc ấy vẫn chưa xuất hiện. Chính do ý thức hệ như trên chỉ đạo, cho nên các nhà lãnh đạo cách mạng trong phong trào này không chủ trương dựa vào lực lượng cơ bản nhất là lực lượng nông dân mà tiến hành vận động cách mạng. Hoặc là họ trông cậy vào sự viện trợ của nước ngoài là chính, hoặc là họ chỉ trông cậy chủ yếu vào hoạt động của một tổ chức cách mạng nhỏ hẹp, của một nhóm những phần tử lớp trên « tiêu biểu », « giác ngộ ». Ngay cho đến phong trào Hoàng Hoa Thám tuy có liên hệ với nông dân địa phương, nhưng do tư tưởng phong kiến của những người lãnh đạo phong trào, nên phong trào cũng chỉ vãn vện trong một vùng « Lương-sơn-bạc » nhỏ hẹp, không thể phát triển rộng ra trong toàn quốc. Tư tưởng dựa vào « chiến khu » để làm cách mạng của Hoàng Hoa Thám cũng không hơn gì của Phan Đình Phùng. Không phát động được đông đảo nhân dân, chủ yếu là nông dân, tham gia phong trào cho nên các phong trào đó đều lần lượt đi đến thất bại.

Khi Đại chiến thứ nhất bùng nổ và sau đó là công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp, tình hình xã hội Việt-nam có một sự thay đổi quan trọng. Một mặt giai cấp công nhân trong giai đoạn trước kia chỉ mới đang trong quá trình hình thành thì nay đã trở nên một lực lượng chính trị nổi bật trên vũ đài đấu tranh cho dân tộc và dân chủ. Đồng thời từ trong và sau Đại chiến thứ hai, một giai cấp mới cũng xuất hiện ở Việt-nam là giai cấp tư sản. Cho nên trong khoảng thời gian này, cùng với hoạt động cách mạng của giai cấp tư sản dân tộc non yếu mới ra đời, còn có hoạt động cách mạng bước đầu của giai cấp vô sản đang trưởng thành từ tự phát đến tự giác.

Giai cấp tư sản dân tộc Việt-nam so với giai cấp phong kiến nó là một giai cấp tiến bộ. Tuy nhiên do chỗ nó là một giai cấp non yếu « tiên thiên bất túc », lại có liên hệ nhiều với giai cấp phong kiến và quyền lợi của nó cũng có dính líu về mặt nào đó với đế quốc. Mặt khác khi nó ra đời thì trên

thế giới chủ nghĩa tư bản đang ở thời kỳ suy vong, giai cấp tư sản thế giới đã trở thành giai cấp phản động, đồng thời cách mạng xã hội chủ nghĩa đã thành công trên một phần sáu trái đất và phong trào công nhân quốc tế đang dâng lên như bão táp khắp nơi. Ở Việt-nam thì giai cấp vô sản đã xuất hiện và bước lên vũ đài của lịch sử với cái khi thế mạnh mẽ, kiên cường đặc biệt. Đó là những nguyên nhân khiến cho giai cấp tư sản dân tộc thiếu dũng khí cách mạng, thiếu tinh thần triệt để cách mạng trong phạm vi dân tộc và dân chủ, không nhìn thấy tiền đồ rõ rệt, không đại diện được cho đông đảo quần chúng nhân dân, chủ yếu là nông dân, do đó không đóng được vai trò lãnh đạo cách mạng dân tộc và dân chủ. Đó là nguyên nhân khiến cho giai cấp tư sản Việt-nam chỉ có tinh thần cải lương chứ không có tinh thần cách mạng trước khi nó được giai cấp vô sản lãnh đạo làm cách mạng. Trước tình trạng như vậy, một số những người tiểu tư sản trí thức Việt-nam chịu ảnh hưởng của ý thức hệ tư sản và do tiếp thu được truyền thống cách mạng của giai đoạn trước, nên có ý định thành lập một chính đảng cách mạng ở Việt-nam, tức Việt-nam Quốc dân đảng, để tiến hành cách mạng phản đế và chống chế độ quân chủ (cần chú ý là chống chế độ quân chủ chứ không phải là chống phong kiến nói chung; cương lĩnh của Quốc dân đảng không hề đặt vấn đề một cách rõ rệt, dứt khoát về việc xóa bỏ phương thức bóc lột phong kiến, chia ruộng đất cho nông dân lao động). Nhưng ý đồ của họ không thành công. Chẳng những công nhân, nông dân không tán thành họ, ủng hộ họ, đi theo sự lãnh đạo của họ, mà ngay giai cấp tư sản dân tộc cũng không ủng hộ họ và chịu sự lãnh đạo của họ nữa. Công nhân, thì như ta đã biết, lúc này đã trưởng thành về ý thức giai cấp, đã được giác ngộ chủ nghĩa xã hội, đã trở thành một giai cấp cách mạng nhất, nổi bật nhất trên vũ đài chính trị lúc ấy. Phong trào công nhân hồi này là một phong trào độc lập, nó không hề phụ thuộc vào một phong trào nào khác dưới sự lãnh đạo của giai cấp, tầng lớp khác. Bấy giờ giai cấp công nhân đang yêu cầu có chính đảng của mình: Đảng Cộng sản, chứ không phải là yêu cầu đi theo sự lãnh đạo của Quốc dân đảng. Mà ngay khi Quốc dân đảng thành lập thì đảng tiền bối của Đảng Cộng sản như Việt-nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội cũng đã thành lập và bước đầu lãnh đạo công nhân, nông dân và các tầng lớp khác đấu tranh rồi. Đó là nguyên nhân trực tiếp khiến giai cấp công nhân không đi theo sự lãnh đạo của Quốc dân

đảng. Còn nguyên nhân sâu xa thì như ta đã biết, giai cấp tư sản Việt-nam không phải là một giai cấp có tinh thần cách mạng, nó không đủ tư cách lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ, nó không vạch ra được một tiền đồ rõ rệt ngoài cái hình ảnh « dân chủ tư sản » lỗi thời mà nó học mót được của Âu châu. Còn nông dân thì như chúng ta đã biết, khi giai cấp vô sản đã xuất hiện trên vũ đài lịch sử rồi, tất nhiên nông dân thấy ngay kẻ lãnh đạo xứng đáng của mình và nhiệt thành, tin tưởng đi theo sự lãnh đạo của giai cấp công nhân không chút do dự gì. Mặt khác nông dân cũng thấy rõ Quốc dân đảng không hề đem quyền lợi ruộng đất cho mình. Quốc dân đảng chỉ chống quân chủ chứ không chống địa chủ, không xóa bỏ bóc lột phong kiến, không thực hiện người cày có ruộng. Cho nên nông dân không thể đi theo Quốc dân đảng. Ngay giai cấp mà họ (Quốc dân đảng) đại diện tuy có phần nào tán thành mục đích của họ, nhưng lại không tán thành phương pháp đấu tranh cách mạng của họ. Giai cấp tư sản chỉ dám nghĩ đến xin xỏ cải lương thôi chứ không dám nghĩ đến cách mạng. Cho nên nó không tham gia nhiệt thành vào hoạt động của Quốc dân đảng. Trước sự thất bại của Yên-bái khởi nghĩa, trước tinh thần ly sinh dững cãm của những người yêu nước như Nguyễn Thái Học, Kỳ Con hay Xứ Như, nó cũng chỉ thờ ơ lãnh đạm, chẳng động chút « từ tâm ». Do giới hạn của ý thức hệ tư sản và ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến còn rớt lại, những người lãnh tụ của Việt-nam Quốc dân đảng không chú ý — mà thực ra thì không có khả năng — gây cơ sở cách mạng rộng rãi trong quần chúng cơ bản. Cũng vấp vào nhược điểm và khuyết điểm của Đông du, Đông-kinh nghĩa thực, họ chỉ dựa vào tổ chức nhỏ hẹp của đảng, dựa vào những nhóm « hoạt động », dựa vào một số binh lính để tiến hành đấu tranh vũ trang. Vì vậy mà hành động của họ đi vào con đường phiêu lưu mạo hiểm. Đó là nguyên nhân thất bại của Việt-nam Quốc dân đảng trong khởi nghĩa Yên-bái. Quốc dân đảng là tổ chức cách mạng cuối cùng thuộc phong trào vận động giải phóng dân tộc ở thế hệ cũ, thế hệ mà những người lãnh đạo phong trào là thuộc tầng lớp trên của xã hội, và hoạt động của phong trào chủ yếu là không dựa vào lực lượng của quần chúng cơ bản trong nước. Một thế hệ mà trong cương lĩnh hoạt động cách mạng không hề vạch ra được một tiền đồ rõ rệt, sáng sủa, đúng đắn của tương lai nước nhà. Tiền đồ của họ vạch ra thì hoặc là một nước độc lập dưới chế độ phong kiến, hoặc là một nước độc lập dưới chế độ tư bản dân chủ

kiểu cũ. Quân chủ lập hiến hay cộng hòa đại nghị, Khang Lương hay tam dân chủ nghĩa cũng đều là dân chủ tư sản cả. Phong kiến thì đã hết thời rồi, mà dân chủ tư sản kiểu cũ thì cũng đã bị lịch sử vượt qua. Không thể lấy cái quá khứ ra làm tương lai, cho nên con đường của họ đi vào chỗ bế tắc. Họ chỉ giống nhau ở một chỗ là yêu nước, có tinh thần dân tộc, giống nhau ở khẩu hiệu độc lập dân tộc. Và đó cũng chính là cái phần đóng góp tích cực của họ vào lịch sử cách mạng cận đại Việt-nam, đó chính là cái phần họ đóng góp vào phong trào vận động cách mạng của giai cấp vô sản sau này : truyền thống yêu nước, tinh thần dân tộc và những kinh nghiệm thất bại.

Phong trào cách mạng thuộc thể hệ trên đây tuy có khác nhau về nhiều điểm nhưng đều có chỗ giống nhau là vướng vào một mâu thuẫn rất lớn, rất căn bản, đó là mâu thuẫn giữa *quyền lãnh đạo cách mạng và nội dung cách mạng*. Nội dung cách mạng trong thời bắt đầu của lịch sử cận đại Việt-nam, như đã nói ở trên, là dân tộc và dân chủ, mà quyền lãnh đạo cách mạng lại ở trong tay những lực lượng không tiêu biểu cho dân tộc, không có khả năng thực hiện dân chủ. Cho nên trong cương lĩnh hành động của các tổ chức cách mạng đó đều chứa đựng những nhược điểm lớn, rất căn bản. Hoặc là chỉ dân tộc mà không dân chủ như phong trào « cần vương »; hoặc là dân chủ phần nào mà không dân tộc như phong trào khai hóa dân trí đầu thế kỷ thứ XX hay phong trào cải lương sau này; hoặc là dân tộc mà không dân chủ triệt để (triệt để đây là trong phạm vi phản phong) như phong trào « Đông du » và hoạt động của Phan Bội Châu; hoặc là cả dân tộc lẫn dân chủ đều thực hiện nửa vời như chủ trương của Phan Chu Trinh; hoặc là dân tộc và dân chủ nhưng lại là dân tộc, dân chủ kiểu cũ, lỗi thời, đã bị lịch sử vượt qua rồi và ngay dân chủ cũng không triệt để như cương lĩnh của Quốc dân đảng. Không tiêu biểu cho dân tộc không giải quyết được vấn đề dân chủ, tất cả các lực lượng ấy đều không huy động được đông đảo nông dân — chiếm tuyệt đại bộ phận trong nhân dân — tham gia phong trào giải phóng dân tộc. Sta-lin đã từng nói : « Vấn đề dân tộc về thực chất là vấn đề nông dân... nông dân là đội quân cơ bản của phong trào dân tộc, không có đội quân nông dân ấy thì không có và không thể có một phong trào dân tộc lớn mạnh... » (1). Chính vì không huy động

(1) Sta-lin — Bàn về vấn đề dân tộc Nam-tu-lạp-phu.

được «đội quân nông dân» đồng đảo ấy, cho nên tất cả các phong trào giải phóng dân tộc ở trên không có cơ sở vững chắc, không có sức sống, không bền bỉ, liên tục.

Đây là cái chỗ bế tắc trong nội bộ phong trào, là nguyên nhân thất bại của phong trào, là nguyên nhân của những chỗ bi quan, tuyệt vọng, dao động trong tâm hồn của những người lãnh đạo phong trào khi gặp những khó khăn, sóng gió. Không thấy lực lượng, không thấy tương lai nên họ không thể nào có tinh thần lạc quan cách mạng được, không thể có một lòng tin sắt đá được.

Giai cấp vô sản xuất hiện và cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản từ tự phát đến tự giác

Trong lúc các phong trào cách mạng giải phóng dân tộc đang lâm vào tình trạng luẩn quẩn, bế tắc như vậy thì giai cấp công nhân xuất hiện trên vũ đài chính trị. Giai cấp công nhân Việt-nam đã từng xuất hiện trước khi giai cấp tư sản dân tộc hình thành. Ngay từ sau cuộc khai thác lần thứ nhất, vào những năm đầu của thế kỷ thứ XX, giai cấp công nhân Việt-nam đã đương hình thành dần. Cho đến sau Đại chiến thứ nhất, trong cuộc khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp, số lượng công nhân tăng lên vùn vụt. Từ năm 1919 số công nhân là trên 10 vạn, vậy mà chỉ mười năm sau, năm 1929, số công nhân lên tới 22 vạn, không kể những người vô sản thất nghiệp và những người nửa vô sản.

Cùng với số lượng công nhân tăng lên, chất lượng của công nhân cũng tăng theo. Giai cấp công nhân trưởng thành là vào những năm sau Cách mạng tháng Mười, nghĩa là nó trưởng thành vào lúc mà không những chủ nghĩa Mác đã xuất hiện và truyền bá trên thế giới, mà chủ nghĩa Mác còn thể hiện cụ thể trong thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. Đó cũng là một trong những lý do khiến cho giai cấp công nhân Việt-nam chuyển từ đấu tranh tự phát sang đấu tranh tự giác tương đối nhanh.

Cách mạng tháng Mười thành công đã có ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc ở Việt-nam, đến cách mạng Việt-nam. Trước Cách mạng tháng Mười, dân tộc bị áp bức ở các thuộc địa đã tìm đủ mọi thứ chủ nghĩa để hòng giải phóng cho dân tộc, đem lại hạnh phúc cho nhân dân, làm cho nước mình được giàu mạnh. Nhưng tất cả các thứ « chủ nghĩa », các thứ « chân lý » mà người ta tìm ra được vẫn

không ngoài khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản. Đây là chỗ bế tắc và hiện tượng đó cũng thể hiện ở Việt-nam vào giai đoạn trước Cách mạng tháng Mười. Cho nên khi Cách mạng tháng Mười Nga thành công thì nhân dân Việt-nam rất vui mừng, họ đã tìm thấy chân lý trong công cuộc vận động cách mạng của mình. Qua Cách mạng tháng Mười, nhân dân Việt-nam thấy không những chỉ có giai cấp vô sản mới giải quyết vấn đề độc lập dân tộc, thừa nhận quyền dân tộc tự quyết thể theo nguyện vọng của nhân dân các dân tộc thuộc địa, điều mà trước Cách mạng tháng Mười chưa hề thấy có trong lịch sử. Mặt khác, nhân dân Việt-nam còn thấy rằng người ta có thể kiến thiết một chế độ xã hội không cần kinh qua con đường phát triển của chủ nghĩa tư bản, người ta có thể xây dựng một chế độ xã hội mà nhân dân lao động làm chủ, không có đế quốc hay vua quan, không có tư bản hay địa chủ. Cho nên Cách mạng tháng Mười đã có ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng của nhân dân ta; nó gây ra cuộc *chuyển biến tư tưởng lần thứ hai*, và là một lần chuyển biến quyết định nhất, trong phong trào cách mạng Việt-nam: chuyển từ ý thức hệ tư sản sang ý thức hệ vô sản. Đây là một bước ngoặt trong lịch sử tư tưởng Việt-nam. Tư tưởng cách mạng dân chủ tư sản được thay thế bằng tư tưởng cách mạng mác-xít — lê-nin-nít. Tư tưởng này dần dần chiến thắng cái tàn tích của tư tưởng phong kiến và các hình thái tư tưởng tư sản, dần dần chiếm địa vị thống trị trong phong trào cách mạng cận đại Việt-nam.

Giai cấp công nhân Việt-nam đã trưởng thành trong hoàn cảnh như thế.

Giai cấp công nhân Việt-nam tuy nhỏ bé nhưng nó có những đặc điểm riêng biệt khiến cho nó và chỉ có nó là kẻ duy nhất có khả năng và xứng đáng lãnh đạo các giai cấp cách mạng khác trong công cuộc cách mạng dân tộc và dân chủ (1). Vì rằng giai cấp công nhân Việt-nam do chỗ nó bị ba tầng áp bức: đế quốc, phong kiến và tư sản, nên nó là giai cấp cách mạng nhất. Đồng thời do chỗ công nhân Việt-nam đều xuất thân từ tầng lớp nông dân bị phá sản mà ra cho nên nó có liên hệ chặt chẽ với nông dân. Về phía giai cấp nông dân thì qua thể nghiệm bản thân trong vận động cách mạng giải

(1) Tham khảo quyền *Cách mạng tháng Mười và cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam cho độc lập dân tộc, dân chủ nhân dân và chủ nghĩa xã hội* của đồng chí Trường Chinh. Sự thật xuất bản.

phóng dân tộc, qua những phong trào chống thuế, chống đi phu đi lính, họ cũng đã thấy rõ tất cả các giai cấp từng lãnh đạo cách mạng đều có những khuyết điểm và nhược điểm, đều hoặc không phải là giai cấp cách mạng hoặc là những giai cấp cách mạng không triệt để, và chỉ có đi với giai cấp công nhân thì họ mới có thể thoát khỏi được ách áp bức, bóc lột của đế quốc và phong kiến, mới có thể giành được ruộng đất và tự do. Cho nên ngay từ trong những vận động cách mạng bước đầu của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân đã liên kết không chút do dự với giai cấp công nhân, sẵn sàng tập hợp đông đảo quanh giai cấp công nhân, đầy nhiệt tâm và tin tưởng đi theo sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Do đó mà phong trào cách mạng do giai cấp công nhân lãnh đạo có một khí thế lớn mạnh, một cơ sở vững vàng chưa từng có, khiến cho đế quốc, phong kiến không có cách gì dập tắt được.

Ngoài ra, vai trò độc tôn của giai cấp công nhân Việt-nam trong việc lãnh đạo cách mạng Việt-nam từ khi nó ra đời và hoạt động cách mạng còn có một lý do khách quan là nó không gặp một kẻ cạnh tranh đáng kể nào. Như đã nói ở trên, sau khi thực dân Pháp đã « bình định » được thuộc địa thì giai cấp phong kiến đã dần hàng thực dân Pháp rồi. Từ đấy, giai cấp phong kiến không hề còn là giai cấp có thể lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc nữa. Vấn đề quyền lãnh đạo cách mạng chỉ có thể đặt ra đối với hai giai cấp này: giai cấp tư sản và giai cấp công nhân. Thực tế chứng minh rằng giai cấp tư sản không có khả năng lãnh đạo cách mạng dân tộc và dân chủ. Trừ bộ phận tư sản mại bản ôm chân đế quốc không kể, còn giai cấp tư sản dân tộc thì như ta đã biết, nó yếu ớt, bạc nhược cả về vật chất lẫn tinh thần. Đối với đế quốc nó chỉ dăn xin xỏ cải lương chứ không dám « cách mạng ». Đối với phong kiến thì do chỗ có liên hệ về quyền lợi phần nào nên nó không triệt để phản phong. Cho nên nó không thể có tinh thần dân tộc và dân chủ triệt để, nó không thể đóng vai trò lãnh đạo cách mạng dân tộc và dân chủ được.

Nói từ sau Cách mạng tháng Mười tư tưởng cách mạng ở Việt-nam chuyển từ phạm trù tư sản sang phạm trù vô sản, nói giai cấp vô sản Việt-nam khi bước lên vũ đài chính trị nó đã ngày càng giữ địa vị bá quyền lãnh đạo cách mạng, như thế tuyệt nhiên không phải là từ sau Đại chiến thứ nhất cho đến trước khi thành lập Đảng Cộng sản Đông-dương, từ

tuởng cách mạng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, tư tuởng cách mạng của giai cấp vô sản cứ thuận buồm xuôi gió mà dần dần chiếm địa vị ưu thắng, các thứ tư tuởng tư sản và phi vô sản khác cứ từ từ rút lui có trật tự trong phong trào cách mạng. Cũng như nói giai cấp vô sản Việt-nam là giai cấp tiên tiến nhất, cách mạng nhất thì như thế không có nghĩa là ngay từ khi giai cấp vô sản Việt-nam hình thành nó đã sẵn mang trong người tư tuởng xã hội chủ nghĩa, tư tuởng mác-xít — lê-nin-nít. Quá trình hình thành tư tuởng cách mạng của chủ nghĩa xã hội trong giai cấp công nhân Việt-nam, quá trình hình thành và chiếm địa vị ưu thắng của tư tuởng cách mạng của chủ nghĩa xã hội trên mặt trận tư tuởng của phong trào dân tộc và dân chủ đương thời cũng là quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào Việt-nam, truyền bá nhiều kinh nghiệm đấu tranh của phong trào công nhân quốc tế vào Việt-nam; là quá trình đấu tranh trên lý luận và bằng kinh nghiệm thực tiễn giữa tư tuởng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin với tư tuởng tư sản và các hình thái tư tuởng phi vô sản khác. Đó cũng là một quá trình trưởng thành của giai cấp công nhân từ tự phát đến tự giác, một quá trình đấu tranh kinh tế, chính trị và tư tuởng gay go, phức tạp, nhưng cuối cùng tư tuởng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã giành phần thắng.

Tư tuởng Mác — Lê-nin truyền bá vào Việt-nam bằng hai con đường, con đường từ Pháp sang và con đường từ Trung-quốc sang.

Nhà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, người mác-xít Việt-nam đầu tiên, cũng là người đầu tiên đem truyền chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào Việt-nam, giáo dục thế hệ chiến sĩ mác-xít — lê-nin-nít ở Việt-nam. Bằng đường hàng hải, những tài liệu sách vở nói về Đảng Cộng sản Pháp, những tác phẩm của Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin, Sta-lin như *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, *Làm gì*, *Bệnh ấu trĩ « tả khuynh »* trong phong trào cộng sản, *Nguyên lý chủ nghĩa cộng sản*, cùng với những báo mác-xít, báo tiến bộ ở Pháp cũng được đem vào và truyền bá ở Việt-nam như báo *Nhân đạo*, *Pa-ri-a*, *Việt-nam hồn*, *Phục quốc*. Đặc biệt quyển *Kết án chủ nghĩa thực dân Pháp* của cụ Nguyễn Ái Quốc đã có ảnh hưởng rất lớn trong giới thanh niên yêu nước, tiến bộ lúc ấy. Ngay năm 1925, tài liệu kinh điển mác-xít của Mác, Ăng-ghe-n : *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* lần đầu tiên được đăng trên báo *L'Annam* ở Sài-gòn. Đồng thời, từ Trung-quốc bằng con đường hàng hải Hương-cảng —

Quảng-châu -- Việt-nam, những tài liệu mác-xít cũng được gửi sang Việt-nam. Đó là những tài liệu giải thích một cách gọn gàng, dễ hiểu về chủ nghĩa cộng sản, Cách mạng tháng Mười, về nông hội, công hội, học sinh hội, những tài liệu này được anh em công nông chuyên tay đọc rất chăm chỉ.

Đặc biệt trong giai đoạn 1925 — 1929, giai đoạn phong trào công nhân chuyển dần từ tự phát đến tự giác, những tài liệu của Quốc tế cộng sản đưa vào Việt-nam đã có một tác dụng rất lớn lao đối với sự tiến triển của phong trào công nhân. Những nghị quyết của Đại hội thế giới phần để đồng minh, nhất là chương trình và luận cương về thuộc địa của Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ 6 đã góp phần quyết định vào việc xây dựng ý thức đấu tranh tự giác cho giai cấp công nhân, vào việc thành lập Đảng Cộng sản Đông-dương sau này.

Đồng thời với việc truyền bá tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa xã hội ở Việt-nam, cuộc đấu tranh tư tưởng giữa giai cấp vô sản và các giai cấp khác cũng diễn ra trên những điểm chủ yếu của vấn đề cách mạng dân tộc và dân chủ. Đó là cuộc đấu tranh giữa tư tưởng dân chủ tư sản, chủ yếu là tư tưởng « tam dân chủ nghĩa của Quốc dân đảng » và tư tưởng xã hội chủ nghĩa, giữa tư tưởng « dân tộc cải lương » của bọn Phạm Quỳnh, Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Văn Vĩnh và tư tưởng cách mạng của giai cấp vô sản.

Do sự truyền bá chủ nghĩa Mác — Lê-nin và do việc phê phán những tư tưởng tiêu cực, lạc hậu hoặc phản động của các thành phần trong giai cấp tư sản, cùng với kinh nghiệm thực tiễn của cuộc vận động cách mạng, do ảnh hưởng của phong trào công nhân quốc tế mà phong trào công nhân Việt-nam đã tiến từ tự phát đến tự giác. Có thể lấy thời gian từ năm 1925 khi công nhân Ba-sơn tham gia đấu tranh đòi thả nhà ái quốc Nguyễn An Ninh làm cái mốc biến chuyển quá độ. Trước năm 1925, công nhân chỉ đấu tranh về kinh tế, đấu tranh cho quyền lợi hàng ngày, chẳng hạn chống làm thêm giờ, chống cúp lương giảm lương, chống đánh đập, đòi tuần lễ làm sáu ngày, v.v... mà đấu tranh kinh tế và chỉ đấu tranh kinh tế thôi chưa phải là đấu tranh tự giác. « *Đấu tranh kinh tế là cuộc đấu tranh tập thể của công nhân chống bọn chủ để bán sức lao động của mình một cách có lợi hơn, để cải thiện điều kiện lao động và sinh sống của mình* » (1). « *Cuộc đấu tranh kinh tế « làm » cho giai cấp công nhân chỉ nghĩ đến thái độ của chính phủ đối*

(1) Lê-nin — *Làm gì*.

với giai cấp công nhân » (1). Trong đấu tranh kinh tế, giai cấp công nhân mới chỉ tuyên chiến với chủ xưởng chứ chưa tuyên chiến với chính phủ của bọn áp bức, bóc lột, tuyên chiến với chế độ áp bức, bóc lột. Lúc này giai cấp công nhân mới chỉ đứng trên lập trường của giai cấp mình mà đấu tranh cho quyền lợi trước mắt của mình chứ chưa đứng trên lập trường của giai cấp tiên phong để đấu tranh cho quyền lợi lâu dài của mình, cũng là quyền lợi của toàn thể nhân dân lao động. « Ý thức của giai cấp công nhân không thể là một ý thức chính trị chân chính, nếu công nhân không quen chống lại mọi sự quá lạm, mọi sự biểu hiện độc đoán, áp bức, tàn bạo — mặc dù giai cấp nào là nạn nhân chẳng nữa — và chống lại theo quan điểm xã hội dân chủ chứ không phải theo quan điểm nào khác » (2). Vì vậy cho nên « ý thức chính trị về giai cấp chỉ có thể đem từ bên ngoài vào cho người công nhân, nghĩa là từ bên ngoài cuộc đấu tranh kinh tế, từ bên ngoài phạm vi quan hệ giữa chủ và thợ. Người ta chỉ có thể tìm được nhận thức ấy trong lĩnh vực duy nhất là lĩnh vực những mối quan hệ giữa tất cả các giai cấp, các tầng lớp nhân dân với nhà nước và chính phủ, lĩnh vực những mối quan hệ giữa tất cả các giai cấp với nhau » (3). Đây chính là đặc điểm nổi bật của phong trào công nhân từ sau năm 1925, nhất là từ năm 1927. Khi tư tưởng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã thấm vào các chiến sĩ cách mạng trong các tổ chức tiền bối của Đảng Cộng sản Đông-dương, khi tư tưởng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã đi sâu vào giai cấp công nhân, khi chi bộ đầu tiên của Đảng Cộng sản ra đời, tức Đông-dương Cộng sản đảng thì vấn đề đặt ra chủ yếu không phải là lãnh đạo công nhân đấu tranh cho quyền lợi hàng ngày, mà là lãnh đạo các tầng lớp nhân dân, chủ yếu là công nông, tiến hành cách mạng phản đế và phản phong. Trong bản Tuyên ngôn của Đông-dương Cộng sản đảng lúc ấy đã nêu lên những vấn đề chính trị quan trọng như ủng hộ Nga-xô, liên hiệp công nhân trên thế giới, phản đối chiến tranh đế quốc, đập đổ Nam triều phong kiến, thành lập chuyên chính công nông, v.v... Từ đây giai cấp công nhân chính thức nắm quyền lãnh đạo cách mạng Việt-nam, và lúc nào giai cấp công nhân cũng đứng trên cương vị giai cấp tiên phong mà hành động. Từ đây những cuộc đấu tranh kinh tế của giai cấp công nhân được tiến hành đồng thời với đấu tranh chính trị và tư tưởng, nó nhằm phục vụ cho đấu tranh

(1, 2, 3) Lê-nin — Làm gì.

chính trị, nó được tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông-dương. Từ đây trở đi đấu tranh chính trị trở thành hình thức đấu tranh chủ yếu, chi phối hết thảy.

Đến đây, những nhân tố, những điều kiện của sự xuất hiện một đảng mác-xít — lê-nin-nít của giai cấp vô sản Việt-nam đã rất chín muồi rồi. Cho nên việc thành lập Đảng Cộng sản Đông-dương vào đầu năm 1930 là một sự kiện lịch sử tất yếu. Sự truyền bá chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào Việt-nam cùng với những kinh nghiệm của phong trào công nhân quốc tế, sự chuyển biến của phong trào công nhân Việt-nam từ đấu tranh tự phát đến đấu tranh tự giác, đồng thời với sự xuất hiện các tổ chức tiền bối của Đảng Cộng sản Đông-dương và yêu cầu của cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc đang phát triển sôi nổi qua phong trào giải phóng dân tộc và tự do dân chủ trong những năm 1925 — 1927, qua phong trào đấu tranh kinh tế và chính trị của giai cấp công nhân vào những năm 1928 — 1929; tất cả những cái đó đã đặt ra vấn đề là cần phải có một đảng thống nhất của giai cấp công nhân để lãnh đạo giai cấp và dân tộc tiến hành cách mạng phản đế, phản phong. Trong những năm 1925 — 1929, tổ chức tiền bối của Đảng Cộng sản Đông-dương đã ra đời như Việt-nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Đảng này đã tổ chức công nhân, nông dân, thợ thủ công, thanh niên học sinh, v.v..., lãnh đạo họ đấu tranh và giáo dục họ chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội. Vào những năm 1929 — 1930, những năm bắt đầu của cuộc kinh tế khủng hoảng trầm trọng sau Đại chiến thứ nhất, những năm của cao trào dân tộc và dân chủ, các tổ chức Đảng đầu tiên được thành lập như Đông-dương Cộng sản đảng ở miền Bắc, Đông-dương Cộng sản liên đoàn ở miền Trung và An-nam Cộng sản liên đoàn ở miền Nam và sự thống nhất ba tổ chức này thành Đảng Cộng sản Đông-dương trong « Hội nghị hợp nhất » năm 1930 ở Hồng-kông. Đó là sự biến chuyển chất lượng, là bước nhảy vọt, kết quả của quá trình vận động cách mạng của giai cấp công nhân kết hợp với chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác — Lê-nin mà có.

Sự thành lập của Đảng Cộng sản Đông-dương là một bước ngoặt vĩ đại có tính chất quyết định trong lịch sử cách mạng cận đại Việt-nam

Như thế việc thành lập Đảng Cộng sản Đông-dương ở Việt-nam năm 1930 hoàn toàn là một hiện tượng tất yếu, thuận theo quy luật của lịch sử, và có những nguyên nhân nội tại

trong phong trào cách mạng Việt-nam chứ tuyệt nhiên không phải là một hiện tượng « nhập cảng » Cách mạng tháng Mười, « nhập cảng » chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào Việt-nam như bọn học giả phản động, tay sai của thực dân đế quốc, thường xuyên lặc.

Sự thành lập Đảng Cộng sản Đông-dương, như ta đã biết, là một sự chuyển biến cách mạng, chuyển biến nhảy vọt trong phong trào giải phóng dân tộc và tự do dân chủ cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Tuy nhiên lại cũng có thể nói rằng sự thành lập Đảng Cộng sản Đông-dương là sự kết tinh của phong trào giải phóng dân tộc, là biểu hiện tinh liên tục của phong trào giải phóng dân tộc Việt-nam cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Đảng Cộng sản một mặt thì là cách mạng, một mặt cũng là kế thừa phong trào giải phóng dân tộc 60 năm trước. Phân tích điểm này sẽ có ý nghĩa rất quan trọng để phân nào tìm hiểu đặc điểm của Đảng ta.

Như chúng ta đều biết, đặc điểm nổi bật của phong trào giải phóng dân tộc nước ta là nó rất liên tục. Trước khi Đảng Cộng sản Đông-dương thành lập thì tinh liên tục ấy không biểu hiện trong nội bộ một phong trào — mỗi phong trào thường chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn rồi bị dập tắt, nhường chỗ cho phong trào khác — mà biểu hiện ở sự kế tiếp nhau hoặc xen kẽ nhau của các phong trào. Phong trào này tắt, phong trào kia bùng lên, cứ thế công cuộc vận động giải phóng không bao giờ ngừng. Dù cương lĩnh có khác nhau, nhưng các phong trào đó đều là phong trào yêu nước. Dù nó có nhiều nhược điểm, sai lầm, dù nó có thất bại nhưng nó cũng góp phần tạo nên một truyền thống bất khuất đặc biệt của dân tộc ta, truyền thống này đã có từ lâu đời. Các phong trào đó đều đi đến thất bại, vấn đề giải phóng dân tộc vẫn chưa được đặt ra đúng đắn, vẫn chưa được giải quyết. Giai cấp vô sản Việt-nam xuất hiện và bước lên vũ đài lịch sử là kẻ kế tục phong trào giải phóng dân tộc, đảm nhiệm việc giải quyết vấn đề tồn tại của lịch sử. Tất nhiên giai cấp vô sản không giải quyết vấn đề này giống như các giai cấp, tầng lớp trước. Nhưng về mặt độc lập dân tộc — cái nổi bật nhất lúc bấy giờ — thì giai cấp vô sản cũng là người kế thừa thế hệ trước. Kế thừa một cách kiên quyết nhất, sáng suốt nhất trong vấn đề giải phóng dân tộc. Do chỗ vấn đề độc lập dân tộc là vấn bao trùm lên tất cả, nổi bật lên trước mắt, cho nên tất cả các phong trào cách mạng, kể cả phong trào của giai cấp vô sản, đều chú trọng giải quyết vấn đề ấy. Vì vậy có thể nói giai cấp vô sản trước hết là kẻ kế thừa

trư tú nhất của phong trào yêu nước. Chỗ khác ở đây là tất cả các thể hệ trước không chuyển được từ chủ nghĩa yêu nước sang chủ nghĩa xã hội, từ chủ nghĩa yêu nước mà tìm thấy chủ nghĩa xã hội, còn giai cấp vô sản thì từ chủ nghĩa yêu nước đã tìm thấy chủ nghĩa xã hội. Đây là chỗ khác nhau do tính chất giai cấp, lập trường giai cấp sinh ra.

Nhà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc kính yêu của dân tộc ta có thể là một phần ảnh điển hình tiêu biểu cho tinh liên tục của phong trào cách mạng Việt-nam, là tiêu biểu cho sự chuyển biến tư tưởng của phong trào cách mạng Việt-nam từ ý thức hệ cũ sang ý thức hệ vô sản. Trước khi xuất dương, cụ Nguyễn Ái Quốc là người yêu nước thuộc thể hệ cũ. Từ hồi nhỏ cụ đã từng tham gia phong trào văn thân và ở tuổi trưởng thành cụ đã được chứng kiến các phong trào yêu nước trong những năm đầu của thế kỷ thứ XX. Cụ đã thấy được hai điều : tinh thần cách mạng, tinh thần bất khuất của nhân dân Việt-nam rất cao ; nhưng các phong trào cách mạng lại không thành công, không có cơ sở, không động viên được nhân dân. Cho nên cụ đã quyết tâm đi tìm chân lý để cứu nước. Đó là lý do mà người thanh niên Nguyễn Ái Quốc đã xuất dương. Khi xuất dương, cụ Nguyễn Ái Quốc chỉ có một tư tưởng duy nhất : tìm chân lý để giải phóng dân tộc, đem lại tự do và hạnh phúc cho nhân dân. Lúc ấy cụ mới là người yêu nước chứ chưa phải là người xã hội chủ nghĩa.

Tôi khi tiếp xúc với phong trào công nhân Pháp, khi được hấp thu chủ nghĩa Mác — Lê-nin, và đặc biệt khi Cách mạng tháng Mười Nga thành công, nhà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc mới tìm ra được chân lý là muốn giải phóng được dân tộc thì phải kết hợp phong trào giải phóng dân tộc với phong trào công nhân trên thế giới, chỉ có giai cấp vô sản mới lãnh đạo công cuộc giải phóng dân tộc đi đến thành công. Hành động tiêu biểu của cụ Nguyễn Ái Quốc là việc cụ bỏ phiếu tán thành chủ trương phe tả của Đảng Xã hội Pháp trong quyết định gia nhập Quốc tế cộng sản. Cụ tán thành Quốc tế cộng sản trước hết là vì Quốc tế cộng sản giải quyết vấn đề giải phóng thuộc địa. Tán thành đường lối của Quốc tế cộng sản như thế có nghĩa là tán thành vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản và đảng cộng sản trong cách mạng, tán thành chủ nghĩa xã hội. Như thế là từ chủ nghĩa yêu nước, nhà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã tìm được chủ nghĩa xã hội, đã chuyển sang chủ nghĩa xã hội. Từ chỗ là người yêu nước thuộc thể hệ cũ, cụ đã chuyển thành người xã hội chủ nghĩa, người của thể hệ vô sản. Khi

đã là người xã hội chủ nghĩa rồi thì cụ vẫn là người yêu nước vĩ đại nhất, nhiệt thành sâu sắc nhất, là người kiên trì đấu tranh cho độc lập dân tộc của nước mình, mà cả của các nước bị áp bức khác nữa. Lòng yêu nước của Người kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản cho nên nó rất sáng suốt và mãnh liệt. Nói tiêu sử của cụ là tấm gương phản ánh sự phát triển liên tục, không ngừng của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, sự chuyển biến tư tưởng trong phong trào đó, có nghĩa là như thế. Về sau khi phong trào công nhân Việt-nam đã phát triển đến cao độ, khi chính đảng của giai cấp công nhân đã thành lập thì sự chuyển biến này còn diễn ra trong nhiều chiến sĩ cách mạng khác nữa. Chính cụ Nguyễn Ái Quốc là người đào tạo nhiều thanh niên cách mạng của phong trào yêu nước cũ trở thành những chiến sĩ cộng sản. Và về sau này một số chiến sĩ cách mạng của Quốc dân đảng cũng như của các tổ chức yêu nước khác trước phong trào vô sản, từ chỗ họ là những người yêu nước, họ đã thấy được chỉ có đảng cộng sản, chỉ có giai cấp vô sản mới có thể lãnh đạo nhân dân chống đế quốc, phong kiến thắng lợi, cho nên họ đã tìm đến chủ nghĩa xã hội, đi theo chủ nghĩa xã hội, gia nhập Đảng Cộng sản Đông-dương.

Sự biến chuyển tư tưởng trên đây trong phong trào cách mạng Việt-nam đầu thế kỷ thứ XX không phải là sự biến chuyển ngẫu nhiên, có tính chất cá biệt, mà chính là nó phản ánh quy luật biến chuyển của cách mạng Việt-nam, quy luật chung của thời đại thế kỷ thứ XX, thời đại đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản.

Trong điều kiện lịch sử của nước ta ở thế kỷ XX muốn chống đế quốc, muốn giải phóng dân tộc thì không thể nào không chống phong kiến. Vì phong kiến đế quốc câu kết chặt chẽ với nhau, dựa vào nhau mà tồn tại, cho nên một người yêu nước. muốn thực hiện lý tưởng giải phóng dân tộc của mình không thể không tán thành phản phong.

Nếu muốn thực hiện được lý tưởng độc lập dân tộc thì không thể không đấu tranh cho dân chủ nhân dân. Muốn thực hiện được nhiệm vụ cách mạng ấy phải có một giai cấp cách mạng nhất lãnh đạo, và phải huy động được đông đảo lực lượng nhân dân — chủ yếu là nông dân — tham gia. Giai cấp tư sản không phải là giai cấp cách mạng nhất và đã hết vai trò lịch sử rồi, nó không thể tập hợp được nông dân, lại càng không tập hợp được công nhân làm cách mạng phản đế phản phong. Do đó người yêu nước tán thành cách mạng dân tộc

và dân chủ không thể không tán thành sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, tán thành sự lãnh đạo của đảng cộng sản khi giai cấp vô sản đã bước lên vũ đài chính trị, khi đảng cộng sản đã xuất hiện. Cũng như ngày nay một người yêu nước là một người muốn cho nhân dân hạnh phúc, nước nhà giàu mạnh thì không thể không tán thành tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trước kia trong phong trào cách mạng dân tộc và dân chủ, những người cách mạng nào không chuyển biến được sang lập trường của chủ nghĩa Mác, không đi theo với sự lãnh đạo của Đảng thì đều bị phong trào sa thải hoặc là trở thành phần tử cải lương, đầu hàng, phản bội hay những phần tử cầu an, tiêu cực, bí quan, thất vọng, chờ thời. Đến như nhà yêu nước Phan Bội Châu chỉ vì không chuyển được sang lập trường của chủ nghĩa Mác, chỉ vì không đứng dưới lá cờ của đảng cộng sản cho nên về cuối đời mình ông đã hoàn toàn bị quan, bế tắc :

Những tưởng anh em cùng bốn biển

Ài ngờ trắng gió nhốt ba gian

và đi đến cái triết lý an ủi tuổi già « Pháp Việt đề huề », cái triết lý mà xưa kia ông rất thù ghét.

Ngày nay quy luật chuyển biến tư tưởng trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa cũng như vậy. Nếu ngày nay có người yêu nước mà không tán thành tiến lên chủ nghĩa xã hội thì cũng sẽ bị lịch sử sa thải, bỏ rơi lại sau như xưa kia nó đã bỏ rơi những người muốn độc lập dân tộc mà không tán thành sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, không tán thành đảng cộng sản.

Đảng Cộng sản Đông-dương thành lập đã giải quyết được những vấn đề mà lịch sử cách mạng Việt-nam đề ra từ đầu thế kỷ thứ XX mà các phong trào cách mạng trước kia không giải quyết được. Trước hết là vấn đề quyền lãnh đạo cách mạng. Như ta đã biết, tất cả những phong trào trước đều có mâu thuẫn là nội dung cách mạng mâu thuẫn với quyền lãnh đạo cách mạng. Mâu thuẫn ấy bây giờ đã được giải quyết. Giai cấp vô sản, giai cấp cách mạng nhất, là giai cấp lãnh đạo cách mạng, cũng là giai cấp đại biểu xứng đáng cho dân tộc. Đi theo giai cấp vô sản không những nông dân được ruộng đất, mà giai cấp tư sản dân tộc cũng thoát khỏi được sự chèn ép của chủ nghĩa đế quốc. Do mâu thuẫn trên đây được giải quyết, thì mâu thuẫn thứ hai, cũng được giải quyết : là cách mạng dân tộc dân chủ thì phải được đồng đảo các tầng lớp nhân dân, chủ yếu là công nông thạm gia, chứ không thể chỉ là

hoạt động của một đảng, một nhóm người nào. Ngay từ sau khi Đảng Cộng sản Đông-dương thành lập, giai cấp nông dân đã tập hợp đông đảo dưới lá cờ của Đảng. Dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, giai cấp nông dân đã làm cuộc diên tập cướp chính quyền rất oanh liệt năm 1930 ở Nghệ-an. Từ đó, giai cấp nông dân luôn luôn cùng giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng, tiến hành đấu tranh cách mạng. Ngoài ra các tầng lớp, tiểu tư sản, trí thức và một phần tư sản dân tộc nữa cũng chịu sự lãnh đạo của Đảng, đi theo ngọn cờ của Đảng trong cách mạng dân tộc và dân chủ.

Một điểm quan trọng nữa là khi Đảng Cộng sản Đông-dương thành lập thì vấn đề cương lĩnh của cách mạng Việt-nam cũng được vạch ra một cách đúng đắn, con đường cách mạng Việt-nam được chỉ ra một cách rõ ràng, tiền đồ của cuộc cách mạng hiện ra rất tươi đẹp trước mắt mọi người. Điều đó có một ý nghĩa rất quan trọng. Trong phong trào vận động cách mạng trước kia có một khuyết điểm lớn là không hề vạch ra được một tiền đồ rõ rệt, đúng đắn, không hề có một đường lối vận động cách mạng khoa học. Vấn đề đặt ra trước mắt mọi người là đánh đuổi đế quốc Pháp rồi thì đi đến đâu ? Trở về chế độ phong kiến chăng ? hay là xây dựng một chế độ áp bức bóc lột mới : chế độ tư bản, một chế độ đã đưa đến hậu quả là xâm lược thuộc địa và đàn áp phong trào thuộc địa. Các nhà lãnh đạo cách mạng thuộc thế hệ trước không giải quyết được vấn đề này, họ đều mắc một khuyết điểm là lấy những chế độ xã hội lỗi thời đã thuộc về quá khứ ra làm tương lai cho dân tộc. Ngay đến cương lĩnh của Quốc dân đảng là cương lĩnh tương đối tiến bộ cũng vẫn không vạch ra được một chế độ xã hội tương lai tiến bộ. Chế độ mà cương lĩnh Quốc dân đảng vạch ra, dù có chỗ « tiết chế tư bản » nhưng căn bản vẫn là chế độ dân chủ tư sản kiểu cũ, mà lại là dân chủ tư sản không toàn vẹn vì phương thức bóc lột phong kiến vẫn chưa bị hoàn toàn xóa bỏ. Vấn đề còn tồn tại đó của lịch sử đã được Đảng Cộng sản Đông-dương, đại biểu cho giai cấp vô sản Việt-nam, giải quyết.

Ngay sau khi Đảng Cộng sản Đông-dương thành lập, Đảng đã công bố bản cương lĩnh chính trị do đồng chí Trần Phú, lúc ấy là Tổng bí thư của Đảng, đứng đầu thảo ra. Bản cương lĩnh ấy là thành quả huy hoàng của việc kết hợp chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác — Lê-nin với thực tiễn của cách mạng Việt-nam. Nó chứng tỏ rằng chỉ có chính đảng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chỉ có chính đảng của giai cấp công nhân

mới có thể vạch ra được con đường đúng nhất cho cách mạng Việt-nam tiến tới. Cho đến nay đã trải qua 29 năm với rất nhiều biến chuyển của lịch sử quan trọng đã xảy ra, những điểm căn bản của bản luận cương chính trị vẫn tuyệt đối đúng.

Bản cương lĩnh viết : « Trong lúc đầu, cuộc cách mạng Đông-dương sẽ là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền, bởi vì cách mạng chưa có thể trực tiếp giải quyết được những vấn đề tổ chức xã hội chủ nghĩa, sức kinh tế trong xứ còn rất yếu, các di tích phong kiến còn nhiều sức mạnh... Vì những điều kiện ấy cho nên thời kỳ bấy giờ cách mạng có tính chất thổ địa và phản đế ».

« Tư sản dân quyền cách mạng là thời kỳ dự bị để làm cách mạng xã hội chủ nghĩa ».

« Trong cuộc cách mạng tư sản dân quyền, vô sản giai cấp và nông dân là hai động lực chính nhưng vô sản giai cấp có nắm quyền lãnh đạo thì cách mạng mới thắng lợi được. Sự cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là một mặt phải tranh đấu để đánh đổ các di tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối liên tư bản và để thực hành thổ địa cách mạng cho đến triệt để, một mặt nữa là tranh đấu để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông-dương hoàn toàn độc lập. Hai mặt tranh đấu ấy có liên lạc với nhau, vì có đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa, mới phá được giai cấp địa chủ và làm cách mạng thổ địa thắng lợi, mà có phá tan được chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa ».

Như thế là bản luận cương đã vạch rõ cách mạng Việt-nam có hai giai đoạn : giai đoạn đầu thực hiện nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, rồi giai đoạn sau chuyển sang thực hiện chủ nghĩa xã hội. Bản cương lĩnh cũng khẳng định dứt khoát vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản trong cách mạng Việt-nam ở giai đoạn tư sản dân chủ cũng như giai đoạn xã hội chủ nghĩa.

Đó chính là sự ứng dụng sáng tạo học thuyết thiên tài của Lê-nin về cách mạng dân chủ tư sản chuyển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa trong Cách mạng Nga lần thứ nhất : 1905-1907. Học thuyết mà Lê-nin đã từng phát biểu trong tác phẩm nổi tiếng của người : Hai chiến thuật của Đảng xã hội — dân chủ và trong nhiều tác phẩm khác nữa.

Đồng thời bản cương lĩnh cũng nhấn mạnh về vai trò của công nông liên minh trong cách mạng, đó là một vấn đề rất cơ bản của lý luận cách mạng vô sản của chủ nghĩa Mác —

Lê-nin. Ngoài ra, sự nhấn mạnh vào sự tương quan khăng khít giữa hai nhiệm vụ phản phong, phản đế có ý nghĩa rất quan trọng về lý luận cũng như về thực tiễn trong quá trình vận động cách mạng, có ý nghĩa về chiến lược cũng như về chỉ đạo chiến thuật cách mạng.

Từ đây trở đi, phong trào cách mạng Việt-nam bước vào một giai đoạn mới, giai đoạn cách mạng dân tộc và dân chủ dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản. Từ năm 1930 trở đi, hình thái vận động của cách mạng Việt-nam cũng khác hẳn giai đoạn trước. Những điểm khác này nói lên tính ưu việt của giai cấp vô sản, của Đảng Cộng sản Đông-dương trong cương vị lãnh đạo cách mạng dân tộc của mình so với tất cả các lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt-nam trong giai đoạn trước. Những điểm khác đó là: thứ nhất, từ năm 1930 trở đi *chỉ có một phong trào cách mạng duy nhất*, đó là phong trào cách mạng dân tộc dân chủ do Đảng Cộng sản Đông-dương lãnh đạo. Tất cả các cuộc đấu tranh cho dân tộc và dân chủ trong nước đều là dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông-dương. Quốc dân đảng thì sau khi Yên-bái khởi nghĩa thất bại, đã bị tan vỡ hoàn toàn. Còn « Quốc dân đảng » sau này thì chỉ là một tổ chức phản động, chống cách mạng chứ không phải là một đảng cách mạng nữa. Bọn cải lương và bọn tờ-rốt-kit về sau này cũng có hoạt động nhưng nó không gây được một ảnh hưởng nào đáng kể, nó không được các tầng lớp nhân dân ủng hộ. Hai là, từ năm 1930 phong trào cách mạng tuy có lúc cao trào, có lúc thoái trào nhưng thủy chung nó *vẫn liên tục*, không bao giờ đứt đoạn và càng ngày càng dâng cao, *xu hướng của nó là xu hướng tiến lên*. Đảng Cộng sản Đông-dương vừa thành lập thì Xô-viết Nghệ Tĩnh bùng nổ. Tiếp sau là thời kỳ khủng bố trắng vô cùng tàn khốc của đế quốc phong kiến vào những năm 1931, 1932, 1933. Cơ sở Đảng tan vỡ rất nhiều. Các nhà tù chật ních những chiến sĩ cộng sản. Vậy mà tiếp sau phong trào lại dâng lên sâu và rộng hơn trước. Đây là một đặc điểm nổi bật của phong trào cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Chỉ có một đảng mác-xít — lê-nin-nít chân chính mới có thể ngay lúc mới ra đời mà đã chịu đựng nổi một thử thách nặng nề như thế. Ba là, từ năm 1930 trở đi phong trào cách mạng Việt-nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã *huy động được rất đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia*. Ngoài công nhân và nông dân ra, các tầng lớp nhân dân khác nữa như tiểu tư sản thành thị, tư sản dân tộc và trong thời gian Đại chiến

thứ hai còn có cả những thành phần địa chủ phản đế trong lớp trung và tiểu địa chủ tham gia phong trào giải phóng dân tộc nữa. Điều đó không những chứng tỏ chính sách của Đảng là đúng, chiến lược chiến thuật của Đảng là đúng mà về khách quan còn chứng tỏ giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất xứng đáng tiêu biểu cho quyền lợi của dân tộc. Và điểm cuối cùng là từ năm 1930 trở đi phong trào cách mạng Việt-nam diễn biến cụ thể dưới những hình thức đấu tranh rất là phong phú : đấu tranh bí mật và đấu tranh công khai ; đấu tranh hợp pháp và đấu tranh « bất hợp pháp » ; đấu tranh kinh tế, chính trị và tư tưởng ; đình công, bãi công, bãi thị, bãi khóa, biểu tình, lập chiến khu, xây dựng quân đội, đấu tranh vũ trang, v.v.... Các hình thức đấu tranh ấy xen lẫn nhau, tiếp theo nhau như những làn sóng ào ạt tiến công vào chế độ thực dân, phong kiến làm cho nó rã rời, suy yếu đi. Cho đến lúc nó đã cực kỳ thối nát, một ruộng từ trong ruộng rồi thì hình thức cao nhất của đấu tranh vũ trang tức cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám đã như một cơn lốc nhỏ bật chế độ thực dân phong kiến, kết thúc hơn tám mươi năm của chế độ thực dân và hơn một nghìn năm của chế độ phong kiến, mở nên trang sử mới cho lịch sử nước nhà. Tất cả các hình thức đấu tranh phong phú trên đây đều do đông đảo các tầng lớp nhân dân tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tuyệt nhiên đó không phải là các hình thức đấu tranh tự phát. Các hình thức đấu tranh ấy đều do Đảng chỉ vạch ra, đều được tiến hành theo đường lối chính sách của Đảng từng thời kỳ một, đều nhằm mục đích đấu tranh nhất định do Đảng đề ra. Đây cũng là một đặc trưng nổi bật của phong trào cách mạng từ năm 1930 mà các phong trào trước không đạt tới được.

Chỉ có dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và chính đảng của nó tức Đảng Cộng sản Đông-dương với lý luận Mác — Lê-nin soi đường thì phong trào cách mạng Việt-nam mới có được những đặc trưng trên đây.

Tất cả những điểm đã trình bày ở trên chứng tỏ rằng năm 1930, năm thành lập Đảng Cộng sản Đông-dương, chính là năm đánh dấu bước nhảy vọt của phong trào cách mạng Việt-nam, là một bước ngoặt thực sự trong phong trào cách mạng Việt-nam. Đó tuyệt nhiên không phải là một cái mốc nhân tạo do chủ quan các « nhà nghiên cứu lịch sử » đặt ra, mà nó chính thực là một cái mốc của sự biến chuyển vĩ đại của lịch sử. Cái mốc ấy kết thúc một quá trình trước nó và mở ra một quá trình mới với những đặc trưng riêng biệt.

KẾT LUẬN

Tóm lại, năm 1930 là một năm chuyển biến lớn trong vận động cách mạng Việt-nam. Đó không phải là cái mốc nhân tạo mà là một thực tế khách quan. Chỉ từ năm 1930, khi Đảng Cộng sản Đông-dương thành lập thì cách mạng Việt-nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo mới có một *cương lĩnh đúng đắn, có tiền đề rõ rệt*, huy động đông đảo các *tầng lớp nhân dân rộng rãi* tham gia, với tinh thần *đoàn kết rộng rãi nhất trí*; từ đây phong trào mới đi sâu vào *lớp quần chúng cơ bản là công nhân và nông dân*, từ đây cuộc vận động cách mạng *phát triển rất liên tục, bền bỉ* với sức chiến đấu rất *mãnh liệt, dẻo dai*, với khí thế lạc quan tràn trề, với lòng tin sắt đá ở thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Từ khi có Đảng đến nay, chỉ chưa đầy 30 năm, mà Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân làm những việc phi thường: Cách mạng tháng Tám, kháng chiến, cải cách ruộng đất, và hiện nay Đảng đang lãnh đạo nhân dân miền Bắc tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà. Từ năm 1930 đến nay, lịch sử Việt-nam chuyển biến với một tốc độ phi thường, lịch sử Việt-nam đã đi bằng đôi hải bảy dặm. Đánh đổ đế quốc xâm lược, làm cho nước Việt-nam được độc lập, đánh đổ chế độ phong kiến hàng nghìn năm biến nước Việt-nam thành một nước dân chủ, làm cho nông dân có ruộng đất, rồi lại đang xóa bỏ phương thức bóc lột của chủ nghĩa tư bản, kiến thiết chủ nghĩa xã hội để xây dựng một chế độ « thiên đường trên trái đất », ngần ấy sự biến chuyển chỉ diễn ra trong 30 năm.

Cho nên nhân dân Việt-nam lúc này biết ơn Đảng một cách sâu sắc hơn bao giờ hết. Chưa bao giờ nhân dân Việt-nam tin tưởng, biết ơn Đảng như bây giờ, đoàn kết nhất trí xung quanh Đảng như bây giờ. Tinh cảm ấy, ý thức ấy sẽ là cái động lực tinh thần mạnh mẽ thúc đẩy nhân dân ta vững bước tiến sang giai đoạn cách mạng mới một cách thắng lợi: giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa vĩ đại.

Lãnh tụ của Đảng

VĂN TÂN

CÁCH mạng là sự nghiệp của quần chúng. Đó là một sự thật lịch sử không những đã được chứng minh trên lịch sử cách mạng Việt-nam, mà còn được chứng minh trên lịch sử cách mạng của tất cả các nước trên thế giới. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nhưng là một sự nghiệp được tổ chức chặt chẽ, hẳn hoi. Không được tổ chức chặt chẽ, hẳn hoi, thì cách mạng không thể tiến hành thắng lợi được. Đây cũng lại là một sự thật lịch sử nữa, và sự thật lịch sử này cũng được chứng minh bất cứ ở đâu. Nói sự nghiệp cách mạng được tổ chức chặt chẽ, hẳn hoi là nói đến sự lãnh đạo, đến Đảng, đến vai trò của lãnh tụ. Nếu quần chúng không thể thiếu Đảng được, thì Đảng cũng không thể thiếu lãnh tụ được. Thông qua Đảng, lãnh tụ là người hướng dẫn quần chúng hành động, đấu tranh. Lãnh tụ là người sáng suốt đặc biệt đã được rèn luyện nhiều trong thực tế đấu tranh, và kinh qua các thực tế đấu tranh đã rút ra được quy luật phát triển của sự vật, rồi lại biết vận dụng quy luật này vào công tác chỉ đạo quần chúng làm cách mạng. Lãnh tụ và quần chúng là hai bộ phận không thể tách rời nhau trong vận động cách mạng. Không có quần chúng, thì không có lực lượng cách mạng, nhưng nếu không có lãnh tụ, thì bản thân quần chúng cũng không thể tự đưa cách mạng đến thành công, và, khi cách mạng đã thành công, cũng không thể tổ chức được bộ máy nhà nước mới, cũng như thể không kiến thiết được nền kinh tế mới và nền văn hóa mới.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là một phạm trù cách mạng đặc biệt. Nhiệm vụ của nó hết sức nặng nề, không phải chỉ đánh đổ chế độ tư bản chủ nghĩa, mà còn phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới mẻ không có giai cấp, không có chế độ người bóc lột người. Cách mạng xã hội chủ nghĩa vì vậy lại càng cần có Đảng, lãnh đạo, càng cần có lãnh tụ diu dắt.

Quan hệ giữa quần chúng và lãnh tụ là quan hệ hữu cơ. Lịch sử mỗi một cuộc vận động cách mạng, mỗi một phong trào cách mạng ở một phương diện nhất định là lịch sử mối quan hệ hữu cơ này. Mỗi

cuộc vận động cách mạng, mỗi phong trào cách mạng đều có lãnh tụ. Phong trào cách mạng vô sản thế giới từng có các lãnh tụ như Các Mác, Ăng-ghe-n, sau có Lê-nin, Sta-lin. Hiện nay, cách mạng ở các nước trên thế giới có các lãnh tụ nổi tiếng như Tô-rê lãnh tụ phong trào Pháp, Tô-gô-li-át-li lãnh tụ phong trào Ý, Vin-hem Pích lãnh tụ phong trào Đức, Kim Nhật Thành lãnh tụ Đảng Lao động Triều-tiên, Hốt-gia lãnh tụ Đảng Lao động An-ba-ni, Ai-dích lănh tụ Đảng Cộng sản In-đô-nê-di-a.

Đứng đầu Đảng Cộng sản Liên-xô vĩ đại, Khor-rút-sốp là một lãnh tụ thiên tài được hàng trăm triệu quần chúng nhân dân thế giới yêu mến và tin nhiệm. Sau Đảng Cộng sản Liên-xô phải kể ngay Đảng Cộng sản Trung-quốc mà lãnh tụ tối cao là Chủ tịch Mao Trạch Đông vĩ đại, nhà lý luận cách mạng thiên tài đã phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin ở hoàn cảnh các nước phương Đông.

Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh tụ tối cao của Đảng Lao động Việt-nam, của dân tộc Việt-nam là nhà lãnh đạo cách mạng cực kỳ đặc biệt với những đường nét ít thấy ở lãnh tụ cách mạng các nước khác trên thế giới.

Tầng lớp xã hội xuất thân của Chủ tịch Hồ Chí Minh là lớp nho sĩ nghèo, nhưng thiết tha yêu nước; suốt quá trình phát triển của lịch sử dân tộc, mỗi khi đất nước bị xâm lăng, tầng lớp nho sĩ ấy luôn luôn biểu thị thái độ bất khuất của mình. Hồi thế kỷ XV, đại biểu của tầng lớp nho sĩ ấy là Nguyễn Trãi, hồi cuối thế kỷ XIX là Phan Đình Phùng. Phan Đình Phùng thất bại trong sự nghiệp cứu quốc cần vương không phải vì Cụ thiếu tinh thần yêu nước và thiếu ý chí chiến đấu đến cùng, mà chủ yếu là vì tầng lớp giai cấp Cụ đã hết sứ mệnh lịch sử rồi. Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là người kế thừa và phát triển tinh thần yêu nước và thái độ bất khuất của nho sĩ Việt-nam. Phong thái Chủ tịch Hồ Chí Minh cho đến ngày nay vẫn phảng phất dư hưởng của phong thái nho sĩ yêu nước Việt-nam. Ở núi rừng Việt-bắc trong cuộc kháng chiến trường kỳ, khi Người cất giọng ngâm:

籌劃更深漸得閒
Trù hoạch canh thám tiệm đắc nhàn,
秋風秋雨報秋寒
Thu phong thu vũ báo thu hàn.
忽聞秋笛山頭響
Hốt văn thu địch sơn đầu hưởng,
遊擊歸來酒未殘
Du kích quy lai tửu vị tàn. (1)

(1) Bài này do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm ra vào mùa thu (âm lịch) năm 1948 khi phong trào chiến tranh du kích đang trên đà phát triển. Tạm dịch ra tiếng Việt như sau:

Đêm khuya mưu tính kế hoạch vừa mới tạm được nghỉ,
Gió thu mưa thu báo hiệu cái lạnh của thu đã đến.
Bỗng nghe thầy tiếng sáo vang lên ở đầu núi,
Du kích đã về rồi mà rượu vẫn chưa xong.

là lúc Người biểu thị cái phong thái của nho sĩ yêu nước tự ngàn xưa để lại. Từ biệt Tổ quốc ra đi, Người đã ra đi với cái quyết tâm xem xét tình hình nước ngoài để rồi trở về « giúp đồng bào ». Lòng yêu nước nồng nhiệt của Người khiến cho Người, trong thời gian hoạt động trên đất Pháp, đi với chính đảng đồng tình với cuộc vận động giải phóng của dân tộc Việt-nam — Đảng Xã hội Pháp khi còn tiến bộ. Cũng chính lòng thiết tha yêu nước nói trên đã quyết định thái độ của Người khi Đảng Xã hội phân hóa ở Đại hội thành Tua năm 1920; Người bỏ phiếu cho Đệ tam Quốc tế chủ yếu là vì Người thấy Đệ tam Quốc tế sứt sảng với vận mệnh các dân tộc bị áp bức trên thế giới trong đó có vận mệnh dân tộc Việt-nam. Trong quá trình tham gia đấu tranh ở Pháp, Người đã được phong trào công nhân Pháp đào luyện, và Người đã tiếp thu được truyền thống cách mạng của phong trào công nhân Pháp. Khi tham gia lãnh đạo phong trào cách mạng ở các nước phương Đông với tư cách là ủy viên của Đông phương bộ phụ trách Đông Nam Á vụ, Người lại được phong trào công nhân quốc tế đào luyện, và Người đã tiếp thu được truyền thống cách mạng chân chính của phong trào công nhân các nước.

Các sự tình trên đã hòa hợp với nhau, nhào nặn với nhau để tạo nên cơ sở vật chất và tinh thần của thiên tài Hồ Chí Minh và đạo đức siêu việt Hồ Chí Minh. Nghiên cứu đặc điểm đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phải xuất phát từ cơ sở vật chất và tinh thần ấy, thì mới hiểu được các đặc điểm một cách đầy đủ, rõ ràng — mới lần được cái dây nhân quả ràng buộc các hiện tượng, các sự kiện phong phú và kỳ lạ trong đời hoạt động của vị Chủ tịch vĩ đại của nước Việt-nam Dân chủ Cộng hòa.

Chúng ta không so sánh giản đơn Chủ tịch Hồ Chí Minh với các vị lãnh tụ khác trên thế giới, nhưng chúng ta thấy rằng giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và các vị lãnh tụ khác có những điểm giống nhau, và cũng có những điểm khác nhau (đương nhiên là các điểm giống nhau cũng như các điểm khác nhau đều do những điều kiện lịch sử cụ thể khác nhau quy định).

Xét lịch sử cách mạng của giai cấp công nhân thế giới, ta thấy Các Mác và Ăng-ghe-n là hai vị lãnh tụ vĩ đại đã có công phát triển phong trào công nhân Âu châu, đã sáng lập ra Đệ nhất Quốc tế, Bộ Tham mưu đầu tiên của giai cấp vô sản các nước, đã dựng ra chủ nghĩa xã hội khoa học, ra triết học duy vật lịch sử và triết học duy vật biện chứng làm kim chỉ nam cho tư tưởng và hành động của người cách mạng. Nhưng Các Mác đã nhắm mắt giữa sự đau khổ và sự nghèo nàn, giữa lúc phong trào cách mạng của công nhân châu Âu đang xuống, mặc dầu lúc sinh thời « *Mác tin một cách sâu sắc rằng sớm hay muộn quần chúng công nhân sẽ hiểu Người và rút ra ở học thuyết của Người những lực lượng cần thiết để lật đổ xã hội tư bản và công tác sáng suốt để sáng tạo một xã hội mới* » (1). Cũng như Các Mác, Ăng-ghe-n

(1) Lời của Friedrich Lessner trong tác phẩm *Trước và sau năm 1848 (Hồi ký của một chiến sĩ cộng sản già)* — Avant et après 1848 (Souvenir

là một lãnh tụ đầu tiên của phong trào công nhân thế giới, Người cũng sống một đời bốn ba như Các Mác, nhưng Người có cái may mắn hơn Các Mác là đã hoàn thành được bộ *Tư bản luận* vĩ đại, và cuối năm 1894 Người đã xuất bản *Tư bản luận* tập III, sau mười năm cật lực biên soạn. Nhưng Ăng-ghe-n cũng ngừng thở trước khi trông thấy thành quả cách mạng mà Người đã dày công gieo giống suốt đời.

Lê-nin là người đã sáng lập ra Đảng Bôn-sê-vích, và là người đã xây dựng nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới. Lê-nin đã rèn luyện và giáo dục Đảng Bôn-sê-vích, tạo cho Đảng những điều kiện cần thiết để lãnh đạo cách mạng cho đến thắng lợi. Cách mạng Tháng Mười đi đến thắng lợi vĩ đại một phần rất quan trọng là nhờ công lao của Lê-nin. Lê-nin đã có những cống hiến vĩ đại không những đối với cách mạng Nga, không những đối với sự nghiệp xây dựng và củng cố nhà nước Cộng hòa xô-viết xã hội chủ nghĩa, mà còn đối với cách mạng thế giới nữa. Công lao của Lê-nin đối với cách mạng thật là mệnh mông như biển cả. Lê-nin đã tiến hành lãnh đạo cách mạng trong thời kỳ bí mật đầy gian lao, nguy hiểm. Lê-nin cũng bị tù đầy và cũng sống cuộc đời trốn tránh ở nước ngoài. Nhưng Lê-nin đã nhìn thấy thành quả các hoạt động cách mạng của Người. Từ khi sáng lập ra Đảng Bôn-sê-vích cho đến lúc trái tim Người ngừng đập, lúc nào Lê-nin cũng là lãnh tụ tối cao của Đảng Cộng sản Liên-xô. Đó cũng là một sự kiện lịch sử đặc biệt may mắn trong lịch sử Cách mạng Nga. Nhưng Lê-nin chỉ sáng lập ra Đảng Bôn-sê-vích, Người không phải là người dựng ra Đảng Xã hội Dân chủ Nga. Lê-nin chỉ gia nhập Đảng Xã hội Dân chủ Nga và hoạt động như một trong số nhiều lãnh tụ của Đảng Xã hội Dân chủ Nga. Lê-nin cũng không phải là người tổ chức ra đoàn thể đầu tiên của công nhân Nga. Liên đoàn công nhân miền Nam Nga đã thành lập ở Ô-đét-xa năm 1875 khi Lê-nin mới lên năm tuổi, Liên đoàn công nhân Nga ở miền Bắc thành lập ở Pê-téc-bua năm 1878 khi Lê-nin còn là một học sinh thơ ấu. Hai đoàn thể công nhân này có hai nhân vật lãnh đạo, một là người thợ mộc Khan-tu-rin, một là người thợ nguội Ốp-noóc-ski.

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc của chúng ta là người Việt-nam đầu tiên gia nhập chính đảng của giai cấp công nhân Pháp — Đảng Xã hội khi đảng này còn tiền bộ. Người cũng là người Việt-nam đầu tiên gia nhập Đảng Cộng sản Pháp năm 1921. Người là người Việt-nam đầu tiên nhìn thấy con đường chủ nghĩa xã hội là con đường duy nhất có đầy đủ điều kiện giải phóng dân tộc Việt-nam khỏi xích xiềng của đế quốc Pháp, và có đủ khả năng tạo cho nhân dân Việt-nam một đời sống bình đẳng, tự do, đầy hạnh phúc. Sự tình này trong một hạn độ nhất định đã tác động đến khuynh hướng chính trị của dân tộc Việt-nam. Dân tộc

d'un vieux communiste) của Friedrich Lessner. Nguyên văn chữ Pháp là : « Marx était profondément vaincu que tôt ou tard les masses ouvrières le comprendraient et puiseraient dans sa doctrine les forces nécessaires pour renverser la société bourgeoise et travailler avec lucidité à la création d'une société nouvelle ».

Việt-nam qua mấy ngàn năm lịch sử luôn luôn tỏ ra là một dân tộc yêu lẽ phải, trọng công bằng, tha thiết với tự do. Từ năm 1930 — năm thành lập Đảng — cho đến nay, sở dĩ Đảng ta giành được độc quyền lãnh đạo cách mạng một phần cũng vì nhân dân ta đã quyết chọn con đường chủ nghĩa xã hội, và thấy rằng chỉ có con đường này mới có khả năng đưa nhân dân đến tự do. Nhờ vậy nước Việt-nam ngày nay là nước đầu tiên ở miền Đông Nam châu Á đã làm cách mạng phản đế phản phong do giai cấp công nhân lãnh đạo, và hiện đang xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi ở miền Bắc. Tình hình là như vậy. Nhưng nếu tách tình hình này khỏi việc đồng chí Nguyễn Ái Quốc chọn con đường chủ nghĩa xã-hội khi Người hoạt động ở trên đất Pháp thì cũng không xuôi. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc không những là người Việt-nam đầu tiên giác ngộ chủ nghĩa Mác, nhìn thấy khả năng vô biên của chủ nghĩa Mác, Người còn là người Việt-nam đầu tiên sáng lập ra một đoàn thể cách mạng đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội ở Việt-nam : Việt-nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội thành lập ở Quảng-châu năm 1924. Việt-nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội là tiền thân của các tổ chức cộng sản đã hoạt động ở Việt-nam khoảng cuối năm 1929 và đầu năm 1930. Sau khi thống nhất các tổ chức cộng sản ở Việt-nam, đồng chí Nguyễn Ái Quốc không ngừng rèn luyện Đảng, giáo dục Đảng, diu dắt Đảng đi đúng đường lối cách mạng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Người đã dẫn đầu Đảng trong công tác lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám thắng lợi và trường kỳ kháng chiến thành công. Ngày nay Người lại dẫn đầu Đảng lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Ngay từ lúc hiện lên ở chân trời cách mạng — năm 1913 — đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã tỏ ra là một nhà cách mạng chân chính, rồi từ khi lập ra đoàn thể cách mạng đầu tiên ở Việt-nam cho đến ngày nay, ngày Đảng đã cầm quyền, Đảng lãnh đạo công tác xây dựng bộ máy nhà nước cách mạng, Người luôn luôn là lãnh tụ tối cao của Đảng. Đời hoạt động của Người đi qua Đảng như một tia sáng rọi qua một tấm pha lê, thông suốt từ đầu cho đến cuối và tỏa ra ở khắp mọi nơi. Việc Người sáng lập ra Đảng, không ngừng giáo dục Đảng, diu dắt Đảng suốt 35 năm liên tiếp là một sự kiện vô cùng quý giá trong lịch sử cách mạng Việt-nam. Đó là một may mắn cho cách mạng Việt-nam. Lịch sử cách mạng các nước cho đến ngày nay hầu như chưa có sự kiện nào tương tự như thế.

Chúng ta đã nói cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Trong quá trình đấu tranh cách mạng, quần chúng đã đào tạo ra lãnh tụ để đưa đường chỉ lối cho mình làm cách mạng. Nói quần chúng đào tạo ra lãnh tụ là nói trong quá trình tiến hành đấu tranh cách mạng, quần chúng làm cho các nhân vật tru tú, xuất sắc của phong trào nhìn thấy nguyện vọng của quần chúng và khả năng của quần chúng, biết vận dụng triệt để khả năng của quần chúng để thỏa mãn nguyện vọng chân chính của quần chúng trong từng thời kỳ cách mạng cụ thể một. Quần chúng chỉ thừa nhận là lãnh tụ những nhà cách mạng hiểu được nguyện vọng của họ, nắm được khả năng của họ, biết căn cứ vào quy luật

phát triển phổ biến của xã hội và quy luật đặc thù của từng hoàn cảnh cụ thể mà đưa đường chỉ lối cho họ đấu tranh, khi tiến những lúc có thể tiến, khi thoái những lúc cần phải thoái, nhằm giành thắng lợi cho từng thời kỳ cách mạng và thắng lợi cách mạng cuối cùng. Trong trường cách mạng, quy luật đảo thải thường diễn biến khá gắt gao. Các nhân vật lãnh đạo ngày đầu của phong trào, khi phong trào phát triển nhiều khi không giữ được vai trò lãnh đạo nữa, nhất là khi phong trào phải rẽ qua một bước ngoặt để bước sang một giai đoạn mới.

Ở Trung-quốc, Lý Đại Chiêu là người đầu tiên đã tiếp xúc với chủ nghĩa Mác. Cuối năm 1918, Lý Đại Chiêu đã dũng cảm tuyên truyền cho Cách mạng Tháng Mười. Lý Đại Chiêu đã vạch ra một cách sắc bén rằng kết quả của Đại chiến thứ nhất là chủ nghĩa tư bản thối nát, là sự thất bại của chủ nghĩa tư bản, là thắng lợi của nhân dân, là thắng lợi của chủ nghĩa dân chủ. Lý Đại Chiêu đã công hiến nhiều cho cách mạng Trung-quốc. Người cách mạng Trung-quốc không thể không biết ơn Lý Đại Chiêu. Nhưng khi phong trào cách mạng Trung-quốc đã phát triển, thì Lý Đại Chiêu không phải là chiến sĩ số một của chủ nghĩa Mác — Lê-nin ở nước láng giềng vĩ đại của chúng ta nữa. Ngày 1 tháng 7 1921, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng Cộng sản Trung-quốc họp ở Thượng-hải. Trong số đại biểu dự Đại hội lịch sử ấy có các đồng chí Mao Trạch Đông, Đặng Tất Vũ, Hà Thúc Hạnh, Trần Đàm Thu v.v... Ở Đại hội này, người được cử ra đảm-nhiệm công tác lãnh đạo Trung ương không phải là vị lãnh tụ vĩ đại Mao Trạch Đông, mà lại là Trần Độc Tú. Trần Độc Tú đã nắm quyền lãnh đạo Đảng trong một thời gian là sáu năm trời, nhưng khi phong trào cách mạng Trung-quốc lên cao, thì chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh, cụ thể là chủ nghĩa đầu hàng của Trần Độc Tú đã làm cho cách mạng Trung-quốc bị tổn thất nặng nề. Cho nên đến ngày 7 tháng 8 1927 tại Hội nghị Trung ương họp ở Cửu-giang trong tỉnh Giang-tây, Trần Độc Tú bị phê phán nghiêm khắc và bị tước quyền lãnh đạo. Tháng 11 1929, Trần Độc Tú bị khai trừ ra khỏi Đảng Cộng sản Trung-quốc, vì y đã câu kết với các phần tử tở-rốt-kít hoạt động chống lại Đảng, làm hại nhiều đến phong trào cách mạng. Ngay từ khi tổ chức ra Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Hồ-nam và thành lập Đoàn Thanh niên xã hội chủ nghĩa, đồng chí Mao Trạch Đông đã tỏ ra là một nhà lãnh đạo cách mạng thiên tài, nhưng phải đến đầu năm 1935, sau Hội nghị Tuân-ngĩa, Chủ tịch Mao Trạch Đông mới được đưa lên nhiệm vụ lãnh đạo tối cao của Đảng Cộng sản Trung-quốc, và từ đó phong trào cách mạng Trung-quốc mới phát triển thuận lợi không ngừng, và đến ngày 1 tháng 10 1949 mới đi đến thắng lợi lịch sử vĩ đại: thành lập nhà nước Cộng hòa nhân dân trên toàn bộ lục địa nước Trung-hoa rộng lớn.

Mác và Ăng-ghe-n là những vị sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học, hai vị đã xây dựng và lãnh đạo Đệ nhất Quốc tế. Mùa xuân năm 1847, hai vị gia nhập Liên đoàn cộng sản, một tổ chức cách mạng bí mật đã có từ trước ở nhiều nước châu Âu. Hoạt động trong tổ chức

cách mạng này, Mác và Ăng-ghe-nhê tỏ ra là những nhà lý luận thiên tài, và những nhà hành động xuất sắc. Vì vậy đến Tháng 11-1847 khi dự Đại hội thứ hai của Liên đoàn cộng sản, Mác và Ăng-ghe-nhê được cử ra thảo bản *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* vĩ đại được công bố hồi Tháng 2-1848 và từ đó được coi là hai vị lãnh tụ của Liên đoàn. Mác và Ăng-ghe-nhê là hai vị lãnh tụ vĩ đại của phong trào công nhân quốc tế, hai vị đã được rèn luyện nhiều trong phong trào công nhân quốc tế và đã trở thành những nhân vật lãnh đạo kiệt xuất của phong trào.

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc của chúng ta cũng là vị lãnh tụ cách mạng được rèn luyện trong phong trào công nhân quốc tế. Người đã hoạt động và lớn lên trong phong trào công nhân Pháp, trong phong trào cách mạng ở Liên-xô, trong phong trào cách mạng ở các nước phương Đông. Người đã khai sinh ra Việt-nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Người đã thống nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Đông-dương. Người là lãnh tụ của Đảng ngay từ khi Đảng chưa chính thức ra đời.

Các Mác, do chỗ Người là lãnh tụ của Liên đoàn Cộng sản, do chỗ Người rất thân mật với quần chúng đoàn viên, Người được các đoàn viên gọi là « Cha Mác » (le père Marx) khi Người chưa đầy 30 tuổi (1848). Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu của chúng ta ngay từ khi người 55 tuổi — năm 1945 —, Người đã được mọi người tôn là Cha của Đảng, là Bác của tất cả mọi người, người già cũng như người trẻ, chủ yếu là vì Người là vị lãnh tụ tối cao của Đảng, xuất hiện trước khi Đảng chính thức ra đời, và từ khi Đảng ra đời vẫn mãi mãi là lãnh tụ tối cao của Đảng. Ba mươi lăm năm nay, Người dìu dắt phong trào phản đế phản phong ở Việt-nam dưới quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân, nếu kể cả thời gian ở Pháp, ở Nga, thì Người đã tham gia và lãnh đạo cuộc vận động giải phóng dân tộc ở Việt-nam cho đến nay đã gần nửa thế kỷ. Nửa thế kỷ lúc nào cũng tuyệt đối trung thành với cách mạng, lúc nào cũng hy sinh cho cách mạng, lúc nào cũng đứng hàng đầu của mặt trận cách mạng, lúc nào cũng sáng suốt, lúc nào cũng được quần chúng yêu và tin nhiệm, yêu và tin nhiệm đến mức được tôn lên là Cha, là Bác của tất cả mọi người, đó quả là một hiện tượng hiếm có trong lịch sử cách mạng thế giới vậy. Sự tình này đã tạo nên ở Chủ tịch Hồ Chí Minh một uy tín cao vời vợi và sáng vằng vặc. Công tác lãnh đạo cách mạng của Đảng nhờ vậy trong một hạn độ nhất định đã tiến hành được thuận lợi dễ dàng. Nhân dân Việt-nam vốn có truyền thống đoàn kết để đấu tranh chống quân thù. Dưới chế độ áp bức tàn tệ, dã man của thực dân Pháp, không đoàn kết thì không làm sao có được lực lượng để đánh quân thù. Dưới thời phong kiến trước kia, không đoàn kết thì không sao đánh bại được các cuộc xâm lược của phong kiến Trung-hoa. Đoàn kết là sức mạnh, đó là bài học mà nhân dân Việt-nam đã học được từ lâu. Truyền thống đoàn kết của nhân dân đã phản ánh rõ rệt vào Đảng. Đầu năm 1930 khi Đảng còn là ba nhóm cộng sản, ở Hội nghị Hương-cảng, đại biểu của Đông-dương Cộng sản đảng và An-nam Cộng sản đảng đã tuân theo đề nghị của lãnh

tự Nguyễn Ái Quốc mà hợp nhất hai tổ chức cộng sản thành ra Đảng Cộng sản Việt-nam (sau mới đổi ra Đảng Cộng sản Đông-dương). Đông-dương Cộng sản liên-đoàn tuy không cử đại biểu dự Hội nghị Hương-cảng — hội nghị thống nhất Đảng —, nhưng trước lời phê bình và đề nghị đoàn kết của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, cũng hăng hái gia nhập Đảng Cộng sản Việt-nam. Đó là biểu hiện đoàn kết nhất trí đầu tiên ở Đảng ta. Từ đó cho đến nay, Đảng luôn luôn đoàn kết nhất trí, lúc khó khăn cũng như lúc thắng lợi, lúc nào Đảng cũng đoàn kết nhất trí. Hiện tượng thiếu đoàn kết nhất trí của Đảng nếu có chỉ có ở một địa phương cụ thể nào trong một hoàn cảnh cụ thể nào. Còn đứng về toàn thể mà nói, thì trước kia cũng như bây giờ, lúc nào Đảng cũng đoàn kết nhất trí. Tình hình Đảng luôn luôn đoàn kết nhất trí có tác dụng quyết định tới sự tiến triển của phong trào cách mạng. Phong trào cách mạng Việt-nam sở dĩ luôn luôn phát triển không ngừng, sở dĩ vượt được tất cả các khó khăn chủ yếu là nhờ sự đoàn kết nhất trí trong Đảng lúc nào cũng vững như đá tảng. Đảng đoàn kết nhất trí là vì Đảng kế thừa và phát huy được truyền thống đoàn kết của nhân dân. Nhưng nếu như tách rời tình hình đoàn kết nhất trí trong Đảng khỏi uy tín của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thì cũng không xong. Đoàn kết nhất trí là bài học mà Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn dạy mọi người trong và ngoài Đảng. Các hoạt động của Người trong gần nửa thế kỷ nay có thể nói là các hoạt động nhằm đoàn kết các lực lượng bị áp bức để đấu tranh đánh đổ các lực lượng đi áp bức. Hội Liên hiệp thuộc địa ở Pa-ri sau Đại chiến 1914-1918, Hội Dân tộc bị áp bức ở Quảng-châu năm 1925 đều thành lập trên tư tưởng đoàn kết các lực lượng bị áp bức. Đầu năm 1930 với chủ trương thống nhất các tổ chức cộng sản, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã dạy cho toàn Đảng bài học đoàn kết đầu tiên. Từ đó cho đến nay, Người luôn luôn vun xới đoàn kết, phát triển đoàn kết không những ở trong Đảng, mà cả ở ngoài Đảng nữa. Năm 1946, Hội Liên hiệp Quốc dân Việt-nam (Liên Việt) đã ra đời với chính sách đại đoàn kết của Người. Lời khuyên của Người đối với toàn Đảng cũng như đối với toàn dân lúc nào cũng là lời khuyên đoàn kết để có lực lượng đấu tranh thắng lợi. Một vị lãnh tụ vĩ đại như Chủ tịch Hồ Chí Minh, với uy tín lớn lao của Người, với chính sách đoàn kết của Người, nhất định phải tác động lớn đến khối đoàn kết nhất trí đặc biệt ở Đảng ta.

Xét lịch sử Chủ tịch Hồ Chí Minh, ta thấy Người bắt đầu từ bỏ gia đình thân yêu, từ biệt Tổ quốc đang quần quai đau khổ dưới gót giày của thực dân Pháp, xách khăn gói xuống tàu của hãng « Vận tải hợp nhất » làm phụ bếp cho chủ tàu vào khoảng giữa năm 1913. Từ đó đến nay đã 47 năm. Trong khoảng thời gian dài gần nửa thế kỷ này, vị lãnh tụ kính yêu của chúng ta đã qua nhiều gian lao, nhiều nguy hiểm, Người đã qua nhiều nhà tù. Không những lúc nào Người cũng tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng, mà luôn luôn Người còn tỏ ra rất mực sáng suốt. Giữa những tình hình rất phức tạp, Người luôn luôn biết chọn một con đường đúng nhất để tiến lên.

Năm 1913, năm Người xách khăn gói xuống tàu là năm đen tối vào bậc nhất của lịch sử Việt-nam. Năm đó phong trào nông dân do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo đã bị phá. Trước đó không lâu, các phong trào Đông du, cuộc đấu độc binh sĩ Pháp ở Hà-nội, cuộc vận động của Đông-kinh nghĩa thực, phong trào chống đi phu nộp thuế ở Trung-kỳ đều bị thực dân Pháp đánh bại. Trong tình hình ảm đạm của đất nước như thế, nếu người ta không chán nản, thì cũng rất dễ sinh ra phân vân, bối rối. Nhưng đồng chí Nguyễn Ái Quốc của chúng ta lúc ấy mới 22 tuổi, vẫn tìm thấy một lối đi. Người không theo Phan Chu Trinh, vì «Cụ Phan Chu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương» (1). Người «khâm phục» Phan Bội Châu, nhưng Người không theo con đường của Phan Bội Châu vì «Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp. Điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác gì «đưa hổ cửa trước rước beo cửa sau»» (2). Người «khâm phục» Hoàng Hoa Thám, nhưng Người không theo Hoàng Hoa Thám, vì nhà cách mạng này «còn nặng cốt cách phong kiến» (3). Người âm thầm, lặng lẽ xuống tàu đi châu Âu để «xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào..... sẽ trở về giúp đồng bào.....» (4).

Phải nhận rằng đây là sự sáng suốt đặc biệt. Nhờ có sự sáng suốt đặc biệt này, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy chủ nghĩa xã hội và đã thấy ở chủ nghĩa xã hội một đường đi khả dĩ giải phóng được dân tộc Việt-nam, đưa cách mạng Việt-nam đến thắng lợi. Sự sáng suốt đó không phải tự nhiên mà có. Tình hình nước Việt-nam hồi cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX là những nguyên nhân chủ yếu khiến đồng chí Nguyễn Ái Quốc tìm ra cái hướng như trên. Phong trào khởi nghĩa cần vương của văn thân đã chấm dứt với sự thất bại của nghĩa quân Phan Đình Phùng, các cuộc thí nghiệm của phong trào Đông du, Đông-kinh nghĩa thực, cuộc đấu độc binh sĩ Pháp, phong trào chống nộp thuế, đi phu ở Trung-kỳ, cuối cùng đến phong trào nông dân Yên-thế đều kết thúc bằng sự thất bại. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã đứng trước tình hình ấy, và Người thấy rằng chỉ còn có cách «đi ra ngoài xem nước Pháp và các nước khác» để «sau khi xem xét họ làm như thế nào..... sẽ trở về giúp đồng bào».

Năm 1920 tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp họp ở thành Tua, đồng chí Nguyễn Ái Quốc lại tỏ ra sáng suốt, trước hai ngã đường đã biết chọn một đường đi đúng nhất : Người đã bỏ phiếu tán thành Đệ tam Quốc tế. Tư tưởng yêu nước chân chính của Người và truyền thống cách mạng của phong trào công nhân Pháp là những nguyên nhân chủ yếu khiến cho đồng chí Nguyễn Ái Quốc biết chọn Đệ tam Quốc tế để «gửi vàng».

(1, 2, 3) Xem *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* của Trần Dân Tiên. Những tiếng «khâm phục» người này người khác cũng là của ông Trần Dân Tiên (trang 12).

(4) Tài liệu đã dẫn, trang 13.

Năm 1925 khi làm nhiệm vụ ủy viên Đông phương bộ của Quốc tế cộng sản, đồng chí Nguyễn Ái Quốc một mặt ra sức phát triển phong trào cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc ở các nước Đông Nam châu Á, một mặt ra sức nhen nhóm lực lượng cách mạng ở Việt-nam. Lúc này là lúc chưa thể thành lập ngay một đảng cộng sản ở Việt-nam, một nước công nghiệp chưa phát triển, giai cấp công nhân vừa ít và vừa yếu. Nhìn thấy động lực cách mạng chủ yếu ở Việt-nam lúc này là đám thanh niên thuộc giai cấp tiểu tư sản, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã đề ra cho cách mạng nhiệm vụ là phải tổ chức những phần tử tiên tiến trong đám thanh niên đó thành một đoàn thể cách mạng; dựa vào lực lượng đoàn thể cách mạng này sẽ phát động một phong trào cách mạng có khuynh hướng vô sản ở Việt-nam, sau đó mới có cơ sở tiến hành công tác lập ra đảng cộng sản được. Năm 1924, Thanh niên cách mạng đồng chí hội được thành lập ở Quảng-châu là ví như vậy. Với sự nỗ lực của Việt-nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, từ năm 1927 đến cuối năm 1928, một phong trào đấu tranh khá sôi nổi của công nhân đã nổ ra ở nhiều tỉnh Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ và cả ở Cao-miên nữa. Trong quá trình tuyên truyền, vận động công nhân đấu tranh, các đảng viên Thanh niên đã đem chủ nghĩa cộng sản ra gieo rắc ở các nơi trong nước. Tình trạng này đã thực sự tạo điều kiện cho các tổ chức cộng sản ra đời vào cuối năm 1929. Khi các tổ chức cộng sản ra đời, một tình trạng phức tạp lại diễn ra: ở Bắc-kỳ có Đông-dương Cộng sản đảng, ở Trung-kỳ có Đông-dương Cộng sản liên đoàn, ở Nam-kỳ có An-nam Cộng sản đảng. Ba Đảng Cộng sản ở ba xứ đều đấu tranh dưới cờ của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đều tự nhận mình là đại biểu chân chính của giai cấp công nhân, đều cố tranh thủ sự thừa nhận của Quốc tế cộng sản, nhưng ba đảng lại đã kịch nhau kịch liệt. Giữa Đông-dương Cộng sản đảng và An-nam Cộng sản đảng, sự xung đột lại càng gay gắt. Tuy ba đảng đều nỗ lực đi sâu vào quần chúng, tuyên truyền, vận động, tổ chức quần chúng đấu tranh, nhưng sự xung đột giữa ba đảng gây tổn thất cho phong trào cách mạng ở Việt-nam không ít. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc nhìn thấy tình hình nguy hại ấy. Nhân danh là ủy viên Đông phương bộ phụ trách Đông Nam Á vụ, Người đã triệu tập một cuộc hội nghị ở Hương-cảng để bàn việc thống nhất ba tổ chức cộng sản ở Đông-dương. Kết quả là ba đảng đã thống nhất thành một chính đảng duy nhất của giai cấp công nhân Đông-dương. Đây là một sự kiện lịch sử vô cùng quan trọng. Sự thành lập chính đảng duy nhất của giai cấp công nhân không những tạo điều kiện cho giai cấp công nhân thống nhất lực lượng giai cấp, lãnh đạo được nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác, mà còn làm cho giai cấp công nhân có khả năng lãnh đạo lực lượng cả dân tộc đứng tiến hành thuận lợi cuộc cách mạng phản đế phản phong.

Cách mạng Tháng Tám vừa thành công, nước Việt-nam Dân chủ Cộng hòa vừa thành lập, thì thực dân Pháp nấp sau lưng quân đội Anh đánh chiếm Nam-bộ rồi tiến ra đánh chiếm miền Nam Trung-bộ.

Từ vĩ tuyến 16 trở ra, quân đội Tưởng Giới Thạch đồng lõa với bọn Việt-nam Quốc dân đảng ra sức tiến hành các âm mưu phá hoại. Để hòa hoãn tình hình, đảng có thi giờ nghỉ ngơi, dưỡng sức, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với đại diện Pháp là Xanh-tơ-ny Hiệp định sơ bộ 6-3. Đây là một nước cờ cao đến cực độ, nhưng không phải ai cũng có thể đi được nước cờ đó. Năm 1946, ngoài Chủ tịch Hồ Chí Minh, không một người Việt-nam nào khác dám ký hay có thể ký được Hiệp định 6-3 mà không bị phản đối dữ dội hay không gây ra chia rẽ nội bộ lung tung.

Năm 1918, Cách mạng Nga cũng đứng trước một tình thế khó khăn, phức tạp. Quân đội Đức đang tiến nhanh trên đất Nga và đang trực tiếp uy hiếp Pê-tơ-rô-gờ-rát, Lê-nin chủ trương ký hòa ước với Đức để tranh thủ thời gian củng cố chính quyền xô-viết, và khôi phục lại nền kinh tế đang đổ nát, rã rời. Lê-nin chủ trương ký hòa ước Bơ-rét Li-tốp, dù có phải nhượng bộ Đức cũng cam lòng. Và hòa ước Bơ-rét Li-tốp đã được ký giữa Nga và Đức. Năm 1918 chỉ có Lê-nin mới có đủ uy tín thuyết phục đa số Đảng Bôn-sê-vích ký hòa ước ấy. Những sự việc xảy ra sau đó ở nước Đức và ở châu Âu đã chứng minh hùng hồn rằng Lê-nin là một lãnh tụ thiên tài đã dự đoán được trước những việc xảy ra. Ở Việt-nam, những sự việc xảy ra sau Hiệp định 6-3 cũng chứng minh sự nhìn xa thấy rộng của vị Chủ tịch vĩ đại nước Việt-nam Dân chủ Cộng hòa.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, như tất cả mọi người đều biết, là vị lãnh tụ của giai cấp công nhân, không những của giai cấp công nhân Việt-nam, mà còn của giai cấp công nhân quốc tế nữa. Người đã hiến thân cho phong trào công nhân Việt-nam, cho phong trào công nhân quốc tế, cho chủ nghĩa cộng sản. Đời hoạt động của Người chứng minh rằng Người là của giai cấp công nhân. Các cống hiến của Người cho phong trào công nhân, phong trào công nhân Việt-nam cũng như phong trào công nhân quốc tế, làm cho mọi người thấy rằng Người thật xứng đáng là lãnh tụ tối cao của giai cấp công nhân Việt-nam, của Đảng Cộng sản Đông-dương trước kia và của Đảng Lao động Việt-nam ngày nay. Đó là một sự thật mà có lẽ không ai lấy làm lạ cả. Điều làm cho người ta lấy làm lạ là vị lãnh tụ vĩ đại của giai cấp công nhân ấy đồng thời lại là lãnh tụ tối cao của dân tộc Việt-nam nữa. Trừ một số ít Việt gian cố tình xuyên tạc sự thật, còn tuyệt đại đa số dân tộc Việt-nam đã thừa nhận sự thật ấy. Người các nước khác, các dân tộc các nước khác cũng thừa nhận sự thật ấy. Đi sâu vào đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta mới thấy Người quả là lãnh tụ tối cao của dân tộc. Năm 1913 khi xách khăn gói ra đi là Người ra đi với cái hoài bão có ngày trở về nước «giúp đồng bào». Cái tên Nguyễn Ái Quốc mà Người tự đặt cho mình trong thời gian ở Pháp đã nói nhiều về tấm lòng ưu ái của Người đối với giang sơn Tổ quốc Việt-nam. Năm 1919, Hội nghị Hòa bình họp ở Véc-xây. Nhân dịp này, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã tập hợp người Việt-nam ở Pa-ri và ở các tỉnh khác trên đất Pháp vào một tổ chức rồi. Người lấy danh

nghĩa tổ chức này đưa cho Hội nghị Véc-xây một bản nguyện vọng của dân tộc Việt-nam, trong có mấy khẩu hiệu sau đây :

1. Việt-nam tự trị.
2. Tự do hội họp, tự do tin ngưỡng, tự do báo chí, đại xá chính trị phạm.
3. Quyền lợi bình đẳng giữa người Pháp và người Việt-nam.
4. Bãi bỏ việc bắt dân mua rượu, thuế phiên ; bãi bỏ thuế muối và sưu dịch.

Bản nguyện vọng không phải chỉ đưa cho các đoàn đại biểu các nước Đồng minh, mà còn đưa cho tất cả các nghị sĩ của Hạ nghị viện Pháp nữa. Tiếng nói của dân tộc Việt-nam ở Pháp và ở trên thế giới đã vang lên. Đó là tiếng nói đòi tự do, bình đẳng và tự trị đầu tiên của dân tộc Việt-nam. Và tiếng nói đó đã phát ra tự đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Sau đó đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã bót số tiền rất ít ỏi do Người kiếm được để nuôi thân, để thuê in bản nguyện vọng kia thành truyền đơn rồi đem phát cho nhân dân Pháp. Do đó tiếng nói của dân tộc Việt-nam lại đi sâu thêm vào nhân dân Pháp. Trong thời gian ở Pháp, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã vào Đảng Xã hội Pháp. Khi người ta hỏi lý do, Người đã trả lời : « *Chỉ vì đây là tổ chức duy nhất ở Pháp bênh vực nước tôi, là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại Cách mạng Pháp* » (1). Năm 1920 tại Đại hội Tua, vị lãnh tụ kính yêu của chúng ta bỏ phiếu cho Đệ tam Quốc tế. Việc này cũng không ngoài cái lý do đã khiến Người gia nhập Đảng Xã hội Pháp. Chính Người đã tự nói ra lý do đó khi trả lời cô Rô-dơ, nữ thư ký tốc ký của Đại hội : « *Tôi không hiểu chị nói thế nào là chiến lược chiến thuật vô sản và nhiều điểm khác. Nhưng tôi hiểu rõ một điều : Đệ tam Quốc tế rất chú ý đến vấn đề giải phóng thuộc địa. Đệ tam quốc tế nói sẽ giúp đỡ các dân tộc bị áp bức giành lại tự do và độc lập của họ. Còn Đệ nhị Quốc tế không hề nhắc đến vận mạng các thuộc địa. Vì vậy tôi đã bỏ phiếu tán thành Đệ tam Quốc tế. Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho tổ quốc tôi, đây là tất cả những điều tôi muốn, đây là tất cả những điều tôi hiểu* » (2).

Thật rõ như ban ngày, thái độ và tư tưởng đồng chí Nguyễn Ái Quốc khi người ở Pháp. Người tin theo chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác — Lê-nin dĩ nhiên là vì cái lý tưởng cao cả giải phóng loài người của nó, nhưng phải nói rằng Người tin theo chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác — Lê-nin trước hết chính vì đó là con đường duy nhất có khả năng giải phóng dân tộc Việt-nam. Khả năng giải phóng dân tộc Việt-nam của chủ nghĩa xã hội dẫn Người đến chủ nghĩa xã hội, rồi sau đó Người mới thấy khả năng của chủ nghĩa xã hội giải phóng loài người khỏi mọi chế độ áp bức bóc lột. Nhưng khi thấy cái lý tưởng cao cả của chủ nghĩa xã hội thì Người lại càng quyết tâm hiến thân

(1) Xem *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* của Trần Dân Tiên, trang 44-45.

(2) Tài liệu đã dẫn, trang 48.

cho sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân. Đối với Người, đưa cách mạng Việt-nam tiến theo con đường của chủ nghĩa Mác — Lê-nin là một việc « nhất cử lưỡng tiện », vừa giải phóng được dân tộc vừa giải phóng được loài người.

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã đấu tranh nhiều cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Trên vũ đài chính trị Việt-nam, sau khi Phan Bội Châu đã hết sứ mệnh lịch sử, thì đồng chí Nguyễn Ái Quốc là người Việt-nam duy nhất đã kế thừa và phát triển phong trào giải phóng dân tộc được nhen nhóm lên từ trước. Phong trào giải phóng dân tộc do Người phát động và lãnh đạo sở dĩ đi đến thắng lợi vĩ đại — đánh bại được phát-xít Nhật — Pháp, trường kỳ kháng chiến thành công —, chủ yếu là vì Người đã đưa phong trào đó tiến theo con đường của chủ nghĩa xã hội do giai cấp công nhân lãnh đạo. Không tiến theo con đường này, thì cách mạng Việt-nam vị tất đã thắng lợi như ngày nay, và nước Việt-nam càng vị tất có cái vinh dự ở trong khối xã hội chủ nghĩa như ngày nay. Nước Việt-nam trong những năm 1945, 1946, 1947, 1948, 1949 là một nước cô lập, bị quấy rối và phá hoại ở bên trong : thực dân Pháp ráo riết tiến hành âm mưu đánh chiếm lại nước Việt-nam, đế quốc Mỹ lăm le muốn thay thế thực dân Pháp và tích cực ủng hộ các lực lượng phản động, bọn Tưởng Giới Thạch nhìn cách mạng Việt-nam bằng con mắt hằn thù và công khai nài đỡ bọn Việt-nam Quốc dân đảng phá hoại. Không động viên được toàn bộ dân tộc đứng lên, không đoàn kết được toàn bộ lực lượng dân tộc thành một mặt trận thống nhất, thì không thể bảo vệ được đất nước, không thể đưa kháng chiến trường kỳ đến thành công. Trong thời gian nói trên, chỉ có Đảng mà lãnh tụ tối cao là Chủ tịch Hồ Chí Minh là có đủ khả năng, đủ điều kiện đoàn kết dân tộc và lãnh đạo dân tộc đấu tranh. Những nhân vật tiêu biểu như cụ Huỳnh Thúc Kháng, linh mục Phạm Bá Trực, cụ Bùi Bằng Đoàn, v.v... sở dĩ một lòng, một dạ đi theo Đảng, theo Hồ Chủ tịch là vì các vị đó thấy rằng chỉ có Đảng và Hồ Chủ tịch mới có thể thực hiện được nguyện vọng thiết tha của dân tộc là độc lập cho Tổ quốc mà thôi.

Một mặt Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa là lãnh tụ tối cao của giai cấp công nhân, vừa là lãnh tụ của toàn thể dân tộc, một mặt khác Người lại là hiện thân của chủ nghĩa quốc tế vô sản và tình dân tộc được kết hợp đến một trình độ rất cao.

Như chúng ta đều biết, trong thời gian tiến hành đấu tranh cách mạng, Các Mác và Ăng-ghe-n đã chiến đấu cho sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân. Hai vị đều là người Đức, nhưng hai vị không chỉ chiến đấu cho giai cấp vô sản Đức, hai vị đã chiến đấu thực sự cho giai cấp vô sản Pháp, giai cấp vô sản Anh, giai cấp vô sản Bỉ, giai cấp vô sản Âu châu. Nói về Mác và Ăng-ghe-n, nhà cách mạng xã hội chủ nghĩa Pháp là Pôn La-phác-gơ (Paul Lafargue) đã viết : « Hai vị là những công dân của thế giới » (Ils étaient des citoyens du monde). Chính Mác cũng tự viết : « Tôi là một công dân của thế giới, ở đâu thì tôi làm việc đấy » (Je suis un citoyen du monde et je travaille là où

je me trouve). Ở điểm này, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng giống Mác và Ăng-ghe-n: Người đã từng chiến đấu cho giai cấp vô sản Pháp, và với tư cách là ủy viên Đồng phương bộ. Người đã từng chiến đấu cho phong trào cách mạng của các nước phương Đông.

Đề phục vụ thuận lợi cho mục tiêu đấu tranh cách mạng của mình — đấu tranh vì chủ nghĩa xã hội, vì giai cấp công nhân thế giới — Mác và Ăng-ghe-n đã học nhiều ngoại ngữ. Chính Mác đã viết : « *Một ngoại ngữ là một vũ khí trong cuộc đấu tranh cho sự sống* ». Mác đọc thông thạo tất cả các tiếng Âu châu và viết giỏi ba thứ tiếng : tiếng Đức, tiếng Pháp và tiếng Anh đến mức những người biết ba thứ tiếng đó phải ngạc nhiên.

Ăng-ghe-n cũng là người biết nhiều ngoại ngữ. Người có thói quen rất duyên dáng là biên thư cho ai thì dùng tiếng mẹ đẻ của người ấy.

Trong quá trình tiến hành vận động cách mạng ở Pháp, ở Anh, ở Nga, ở Trung-quốc, v.v... đồng chí Nguyễn Ái Quốc cũng học được nhiều ngoại ngữ. Người đã đọc thông viết thạo nhiều thứ tiếng. Người là một trong những người Việt-nam biết nhiều ngoại ngữ. Năm 1945, sau Cách mạng Tháng Tám, trong một cuộc hội họp báo chí đầu tiên ở Hà-nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm cho các nhà báo phải ngạc nhiên và khâm phục : sau khi tuyên bố ý kiến bằng tiếng Việt-nam, Người đã dùng tiếng Trung-quốc để nói với các nhà báo Trung-quốc, dùng tiếng Anh để nói với các nhà báo Anh — Mỹ, dùng tiếng Pháp để nói với các nhà báo Pháp. Vì Chủ tịch kính yêu của chúng ta biết nhiều ngoại ngữ. Nhu cầu của vận động cách mạng khiến Người phải học và biết nhiều ngoại ngữ. Đây là điều không có gì làm cho chúng ta phải ngạc nhiên. Nhưng chúng ta không thể không ngạc nhiên, khi thấy nhà cách mạng thế giới biết nhiều thứ tiếng ấy — Chủ tịch Hồ Chí Minh — lại đồng thời là người Việt-nam sử dụng rất tài tình ngữ ngôn dân tộc, sau ba mươi năm bôn ba lưu lạc ở các nước ngoài. Thật ít người Việt-nam nói một thứ ngữ ngôn dân tộc giản dị, dễ hiểu và súc tích như ngữ ngôn dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh nắm rất vững ca dao tục ngữ Việt-nam. Người đã vận dụng tài tình ca dao tục ngữ vào tiếng nói hàng ngày cũng như vào công việc trước tác. Ngữ ngôn Việt-nam của Người vì vậy là thứ ngữ ngôn rất dân tộc. Đó là thứ ngữ ngôn của đông đảo quần chúng nhân dân, nói ra ai cũng hiểu và ai cũng thích. Chủ tịch Hồ Chí Minh không những đã vận dụng nhiều ca dao tục ngữ, mà Người còn đặt ra ca dao tục ngữ để động viên và giáo dục nhân dân và cán bộ nữa. Trong chúng ta có lẽ không ai là không nhớ những câu như « Người người thi đua, ngành ngành thi đua ; Ta nhất định thắng, địch nhất định thua » hoặc như « Đầy túi quần thông cáo, đầy túi áo chỉ thị » do Người đặt ra để động viên và giáo dục.

Trong thời gian hoạt động cách mạng ở các nước, đồng chí Nguyễn Ái Quốc có thể nói như Các Mác : « Ở đâu thì tôi làm việc đấy ». Thật sự đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã hành động đúng như vậy. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc « ở đâu thì làm việc đấy » trong một thời

gian ba mươi năm. Sự tình này khiến cho Người rất am hiểu tình hình và phong tục các nước. Mỗi khi hoạt động cách mạng ở nước nào, Người có những hành động, cử chỉ thích hợp với tình hình và phong tục nước ấy. Ở nước ngoài, Người đã biểu hiện cốt cách của một công dân thế giới. Người lại quan tâm nhiều đến vận mệnh nhân dân các nước, và đã đấu tranh nhiều cho lợi ích nhân dân các nước. Tư tưởng của Người là tư tưởng của chủ nghĩa quốc tế vô sản đã được tôi luyện trong trường đấu tranh cách mạng. Nhưng khi trở về đất nước Việt-nam, thì Chủ tịch Hồ Chí Minh lại là người Việt-nam rất mực Việt-nam; trong nhiều trường hợp, Người còn Việt-nam hơn cả nhiều người Việt-nam khác nữa. Ở cử chỉ hành động, ở cách ăn mặc, ở nói năng, ở sinh hoạt, Người đã biểu hiện rõ rệt tính dân tộc Việt-nam. Ở Người, chủ nghĩa quốc tế vô sản và tính dân tộc, cái nọ đã hòa lẫn với cái kia và tạo nên một tác phong đặc biệt là tác phong Hồ Chí Minh. Tác phong này là biểu hiện phải có của một người vừa là lãnh tụ tối cao của giai cấp công nhân vừa là lãnh tụ tối cao của dân tộc: Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Ở bên trên, chúng ta đã thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh như một công dân thế giới thấm nhuần sâu sắc tinh thần chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, chúng ta lại thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh là người Việt-nam số 1 rất mực Việt-nam. Để cho đầy đủ, chúng ta cần phải nói thêm rằng: Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là lãnh tụ của các dân tộc bị áp bức nữa. Điềm qua lịch sử của Người, chúng ta thấy Người luôn luôn tha thiết với vận mệnh các dân tộc bị áp bức. Trong thời gian ở Pháp Người rất chú ý đến vấn đề các dân tộc bị áp bức, nhất là vấn đề thuộc địa. Khi Hội nghị Hòa bình họp ở Véc-xây, chính Người đã đứng ra vận động người Triều-tiên, người Ái-nhĩ-lan và người các dân tộc bị áp bức khác đề cùng với họ gửi nguyện vọng lên Hội nghị Véc-xây. Hồi ấy ở Pa-ri các chiến sĩ xã hội chủ nghĩa thường tổ chức ra các cuộc mít-tinh thảo luận các vấn đề chính trị. Một buổi, những người dự mít-tinh thảo luận vấn đề Ái-nhĩ-lan và vấn đề Triều-tiên. Trong dịp này, vị lãnh tụ của chúng ta lên diễn đàn và phát biểu ý kiến như sau: « Cũng là một dân tộc bị áp bức, tôi hoàn toàn đồng tình với những người bạn Ái-nhĩ-lan và Triều-tiên, và đồng tình với hội nghị kết án bọn thực dân Anh, Nhật. Nhưng tôi hỏi các ngài có nên kết án những bọn thực dân khác không? Có nên bênh vực nhân dân bị áp bức khác không? » (1). Vị lãnh tụ của chúng ta còn liên hệ với những nhà cách mạng An-giê-ri, Tuy-ni-di, Ma-rốc, Man-gát, v.v... trên đất Pháp và Người đã cùng với họ tổ chức ra ở Pa-ri Hội Liên hiệp thuộc địa nhằm tập hợp lực lượng nhân dân các thuộc địa đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa. Để tuyên truyền mục đích và tôn chỉ Hội Liên hiệp thuộc địa, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã cùng với một số người khác sáng lập ra báo *Người cùng khổ* (La Paria) mà Người vừa làm chủ nhiệm, chủ bút, vừa chữa bài, làm thủ quỹ, liên lạc và bán báo.

(1) Trần Dân Tiên. Tài liệu đã dẫn, trang 39.

Năm 1925 với tư cách là ủy viên Đông phương bộ của Quốc tế cộng sản, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã có nhiều điều kiện hơn để giúp đỡ phong trào cách mạng tại các nước bị áp bức. Người đã trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng ở các nước Đông Nam châu Á. Trong thời gian này, Người còn tham gia Hội Dân tộc bị áp bức ở Quảng-châu. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến nhiều cho phong trào giải phóng dân tộc tại các thuộc địa, nhất là phong trào giải phóng tại các nước Đông Nam châu Á. Nhân dân các thuộc địa, nhất là nhân dân các nước Đông Nam châu Á, cũng không quên Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm các nước Ấn-độ, Miến-điện, In-đô-nê-di-a, Người được nhân dân các nước này đặc biệt hoan nghênh một phần chính là vì các cống hiến của Người cho sự nghiệp giải phóng các dân tộc bị áp bức. Tổng thống Pô-ra-xát, Thủ tướng Nê-ru, nguyên Thủ tướng U-Nu, Tổng thống Xu-các-nô kính trọng Chủ tịch Hồ Chí Minh, có vị lại tôn Người là anh, một phần là vì các vị ấy thấy ở Người một nhà lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam châu Á, đã cống hiến không ít cho tự do và độc lập của các dân tộc ấy. Ngày nay khi Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi điện mừng một vị tổng thống, một vị thủ tướng hay một vị quốc vương ở một nước nào đó ở Á — Phi, thì không phải Người chỉ làm một công việc ngoại giao thường lệ, mà còn là dịp để Người biểu thị cảm tình của Người đối với vận mệnh các dân tộc vừa thoát khỏi xích xiềng hay đang đứng lên đấu tranh để vứt bỏ xích xiềng.

Một nét tư tưởng và tác phong nữa của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà chúng ta phải nói là chủ nghĩa nhân đạo của Người. Chủ nghĩa nhân đạo này đầu tiên là chủ nghĩa nhân đạo của tầng lớp nho sĩ nghèo yêu nước, yêu nhân dân, gần gũi nhân dân mà Người là dòng dõi. Đến khi Người hiểu chủ nghĩa xã hội, thì chủ nghĩa nhân đạo của tầng lớp nho sĩ mà Người kế thừa có dịp phát triển đề cùng với những tư tưởng tự do, bác ái của chủ nghĩa xã hội biến thành một hình thái rất cao của chủ nghĩa nhân đạo, tức chủ nghĩa nhân đạo cộng sản ở Việt-nam. Tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh là những tư tưởng thấm nhuần chủ nghĩa nhân đạo cộng sản đến một trình độ rất cao làm cho Người có một lòng yêu và một tình thương bao la như biển cả. Năm 1945 sau Cách mạng Tháng Tám vừa mới trở về Hà-nội, Người đã chú ý ngay đến nạn đói đang làm khổ và làm chết chóc nhân dân. Ngày 3 tháng 9 năm 1945 trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ nước Việt-nam Dân chủ Cộng hòa, vấn đề mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập đến trước hết, và nói nhiều nhất là nạn đói : « Hơn hai triệu đồng bào chúng ta đã chết đói vì chính sách độc ác này (chính sách cướp bóc của Pháp, Nhật), vừa rồi nạn lụt đã phá hoại tám tỉnh sản xuất lúa gạo. Điều đó càng làm cho tình hình trầm trọng hơn. Những người thoát chết đói nay cũng bị đói. Chúng ta phải làm thế nào cho họ sống.

« Tôi đề nghị với Chính phủ là phát động một chiến dịch tăng gia sản xuất.

« Trong khi chờ đợi ngô, khoai và những thứ lương thực phụ khác, phải ba bốn tháng mới có, tôi đề nghị mở một cuộc lạc quyền. Mười ngày một lần, tất cả đồng bào chúng ta nhịn ăn một bữa. Gạo tiết kiệm được sẽ góp lại và phát cho người nghèo ».

Vài ngày sau, cuộc vận động quyền gạo khai mạc ở Nhà hát lớn Hà-nội. Vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt-nam Dân chủ Cộng hòa đã nhịn ăn và tự đem phần gạo ra quyền trước nhất trước đồng đảo quần chúng nhân dân. Rồi các đội lạc quyền được lập ra. Người ta thấy các phụ lão kéo xe, nam nữ thanh niên đẩy xe trang hoàng bằng những biểu ngữ kêu gọi mọi người bớt gạo giúp nhân dân đang đói. Các đội lạc quyền tung ra khắp nơi, đội thì đi quanh thành phố, đội thì đi xuống các xóm làng. Khắp nơi đâu đâu cũng quyền gạo. Mười ngày một lần, cán bộ công nhân viên, nhân dân thuộc đủ các tầng lớp đều bớt gạo đưa cho các đội lạc quyền. Hàng vạn tấn gạo đã quyền được như thế. Nhờ vậy nạn đói đã vượt được một cách tương đối dễ dàng.

Cuối năm 1945 và đầu năm 1946, nhân dân ta thắng được nạn đói một phần là vì cán bộ, nhân dân ta biết yêu thương, đùm bọc nhau, nhưng một phần khác là nhờ sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh và sự quan tâm tha thiết của Người đối với đời sống của con người vậy.

Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa về Hà-nội, thì một võ quan ngoại quốc đến chào Người. Vị võ quan này bận áo bằng vải dù, ông thú thật rằng ông không có áo nào khác. Lập tức vị Chủ tịch của nước Việt-nam Dân chủ Cộng hòa cởi cái áo khoác ngoài độc nhất của Người để tặng vị võ quan ấy. Và từ đấy, ngày cũng như đêm, vị Chủ tịch kính yêu của chúng ta chỉ bận có một chiếc sơ-mi.

Cuối năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm viện Tể bần được lập ra từ thời Pháp thuộc, khi ra về mắt Người đầm đìa những lệ : Người đau xót cho số phận của một số người bị thực dân Pháp nhốt lại đây để chịu đói, chứ không phải để được cứu đói !

Muốn hiểu rõ tình thương yêu bao la của Chủ tịch Hồ Chí Minh còn phải biết sự quan tâm vô cùng tha thiết của Người đối với trẻ em nữa.

Các lãnh tụ của giai cấp công nhân thường quan tâm đến trẻ em. Lê-nin là người rất yêu trẻ. Chủ tịch Mao Trạch Đông cũng rất yêu trẻ. Các Mác cũng là vị lãnh tụ cực kỳ yêu trẻ. Nhà lãnh đạo cách mạng Đức Vin-hem Líp-ních (Wilhelm Liebknecht) kể chuyện rằng : Các Mác thường chơi hàng giờ với trẻ em. Các Mác bị trẻ em lôi kéo như-sắt bị đá nam châm hút. Nhiều lần đi qua khu phố nghèo, Mác bỏ bạn bè để chạy lại vuốt ve mái tóc một trẻ em nghèo, rồi dúm vào tay em một vài đồng tiền. Hồi ấy ở Luân-đôn nhiều kẻ giả vờ nghèo khó để đi ăn mày. Mác rất ghét những kẻ ăn xin giả hiệu này. Người cho giả nghèo giả khổ đi ăn xin là bók lột tình thương của người ta. Nhưng nếu kẻ ăn mày lại dắt một trẻ em đang khóc lại xin Người, thì dù biết là bị lừa, Mác vẫn bỏ tiền ra cho.

Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng ta cũng là vị lãnh tụ rất mực quan tâm đến trẻ em. Trẻ em là xã hội tương lai, không quan tâm sao được. Trung thu năm 1945, trung thu đầu tiên của nước Việt-nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết thư hỏi thăm trẻ em rất ân cần và chúc trẻ em. Sau đó Người luôn luôn săn sóc trẻ em, và trẻ em cũng rất mực kính mến Người và gọi Người là Bác. Năm 1946 trong thời gian ở Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh không quên chơi với trẻ em của kiều bào và trẻ em người Pháp, Người cũng được trẻ em kính mến. Năm 1959 trong dịp đi thăm các nước Cộng hòa trong Liên-xô ở miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh không bỏ lỡ dịp nào để đi thăm các trẻ em, và đến đâu Người cũng được trẻ em kính mến. Bác Hồ hầu như không còn là Bác của riêng trẻ em Việt-nam, mà là Bác của chung trẻ em nhiều nước khác.

Đề hiểu rõ tính chất chủ nghĩa nhân đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta cần biết thái độ của Người đối với lao động, đối với sản xuất. Trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ nước Việt-nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh không phải chỉ nói đến nạn đói, mà người còn nói đến lao động, đến sản xuất nữa. Câu « Tôi đề nghị với Chính phủ là phát động một chiến dịch tăng gia sản xuất » của Người trong phiên họp Hội đồng Chính phủ nói trên đã nói lên thái độ của Người đối với lao động. Khẩu hiệu « Không một tấc đất bỏ hoang » và khẩu hiệu « Tắc đất tắc vàng » là những khẩu hiệu do Người đưa ra sau Cách mạng Tháng Tám. Trong kháng chiến, Người thường tự trồng thuốc lá để hút, rau để ăn. Ngày ngày những giờ nghỉ việc, Người lại tự cuộc vườn trồng cây, bón cây, xới đất và tưới cây. Ngày nay ở giữa thủ đô Hà-nội, vị Chủ tịch của chúng ta vẫn có một vườn rau và lại cả một ao cá do Người tự trồng nom, săn sóc lấy.

Thái độ của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với lao động đã tác động mạnh vào cán bộ, nhân dân. Ngày nay ta thấy cán bộ lẫn mình vào lao động, nhân dân lẫn mình vào lao động, một phần cũng vì cán bộ và nhân dân thấy vị Chủ tịch kính yêu của họ yêu lao động, và đã tự mình lao động.

Ở vị lãnh tụ tối cao của Đảng, của dân tộc, còn một điểm nữa chúng ta cần phải nói. Đó là sự hy sinh toàn diện và triệt để của Người cho sự nghiệp cách mạng. Nửa thế kỷ Người hoạt động cho sự nghiệp cách mạng là nửa thế kỷ những hy sinh lớn nhỏ liên tiếp của Người. Kẻ thù của cách mạng có thể nguyện rửa chủ nghĩa cộng sản, nhưng chúng vẫn phải kính trọng những hy sinh rất lớn của Người. Người hy sinh liên tục đến mức ở Người nhiều thói quen đã bắt nguồn từ sự hy sinh. Cái thói quen mà ta gọi là giản dị trong ăn mặc của Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là một trong những thói quen như thế. Chúng ta hẳn nhớ rằng Người chỉ có một cái áo khoác ngoài khi mới trở về Hà-nội (1945) nhưng Người đã đưa tặng ngay người bạn chiến đấu ngoại quốc để người đó trở về xứ sở, rồi ngày ngày Người chỉ bận một chiếc sơ-mi. Đối với người khác thì đây là sự không

chịu được, nhưng đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, thì việc ngày ngày chỉ bận một chiếc sơ-mi không có điều gì phiền phức đến không chịu nổi, vì Người đã quen chịu đựng sự thiếu thốn nhiều rồi. Vì quen chịu đựng sự thiếu thốn – và thói quen này đã trở thành đức giản dị – cho nên năm 1959 khi đi thăm nhiều nước Cộng hòa trong Liên-xô và trên đường về thăm nhiều nơi ở Trung-quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ đi một đôi dép cao-su và chỉ mang một chiếc va-li nhỏ trong chứa một bộ ka-ki, vài cái quần áo lót. Tập bút ký *Cuộc nghỉ hè hai vạn ba nghìn cây số* của Ph. K. A. bắt đầu đăng trên báo *Nhân dân* từ ngày 18 tháng 9 năm 1959 có viết một đoạn về sự chuẩn bị hành lý cho Chủ tịch Hồ Chí Minh đi nghỉ hè và đi du lịch như sau : « Hành lý của Bác gồm có : một bộ áo ka-ki (một bộ Bác đang mặc), hai bộ áo cánh, hai bộ áo lót, bốn cái mũ-boa, ba hộp thuốc lá, năm quyển sách. Không có bút-tất, vì mùa nóng Bác không đi tất. Không có giấy, vì Bác thích đi dép cao-su. Tất cả vụn vụn nằm trong một chiếc va-li nhỏ ». Xét đời và sinh hoạt hàng ngày của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ta thấy Người đã hy sinh tất cả cho cách mạng. Ở Người không có hạnh phúc riêng. Người chỉ có một hạnh phúc, đó là hạnh phúc của nhân dân, của nhân loại. Người không có gia đình. Hay nói cách khác đi, Người chỉ có một đại gia đình, đó là cái khối những nước xã hội chủ nghĩa. Trong cái đại gia đình này, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại có một gia đình con. Đó là nước Việt-nam Dân chủ Cộng hòa trong đó Người là anh cả, là Cha, là Bác, còn tất cả là em, là cô, là chú, là cháu, v.v... Việc Chủ tịch Hồ Chí Minh hy sinh toàn diện và triệt để cho sự nghiệp cách mạng làm cho nhân dân Việt-nam càng thêm tin tưởng vào Người. Nhân dân Việt-nam vốn có truyền thống tôn trọng đạo đức. Trong lịch sử những nhân vật hy sinh cho dân tộc đều được mọi người sùng kính. Một vị lãnh tụ hy sinh toàn diện và triệt để như Chủ tịch Hồ Chí Minh đương nhiên phải được nhân dân tôn kính và tin tưởng. Sự tôn kính và tin tưởng này đã đến mức tuyệt đối, không bờ bến, vô điều kiện. Do đó, có việc người khác làm thì không được, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh làm thì mọi người phấn khởi, tin theo. Có nơi phong trào thi đua đang đi đệt, chỉ cần Chủ tịch Hồ Chí Minh đi qua nơi đó là phong trào thi đua sôi nổi lên ngay. Tên Hồ Chí Minh đã thành một sức động viên rất mạnh. Trong thời kháng chiến nhiều chiến sĩ vừa hô tên Người vừa lao vào đồn địch.

Như chúng ta đều biết, đầu năm 1946, trong một tình thế rất khó khăn cho nước Việt-nam Dân chủ Cộng hòa vừa thành lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Hiệp định 6-3. Do nơi cảm thù sâu sắc thực dân Pháp, nhân dân không hoan nghênh Hiệp định 6-3. Trước đông đảo quần chúng nhân dân tại Nhà hát lớn Hà-nội, vị Chủ tịch của chúng ta đã vạch ra những nguyên nhân trong nước ngoài nước khiến cho Người phải ký hiệp định nói trên. Cuối cùng Người tuyên bố một câu khiến cho nhiều người rơi lệ : « *Hồ Chí Minh không và sẽ không bao giờ là một người bán nước* ».

Một người suốt đời hy sinh cho sự nghiệp giải phóng đất nước phải thế là không bao giờ bán nước ! Thật là xót xa, tủi nhục biết bao nhiêu ! Tuy không hiểu hết sự lắt léo của việc đời, quần chúng

nhân dân thấy vị Chủ tịch kính yêu của họ tuyên bố như thế, họ đều biết rằng trong một tình thế không được Người mới ký Hiệp định 6-3.

Ngày 19-12-1946, chiến tranh toàn quốc bùng nổ ở Việt-nam. Sáng ngày 20 tháng 12, tại Đại bản doanh ở ngoại thành Hà-nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân kháng chiến. Trong bài chúc Tết đồng bào năm 1947, Người tuyên bố : « *Ta nhất định thắng, địch nhất định thua* ». Hưởng ứng lời kêu gọi của Người, tất cả mọi người nô nức đứng lên lao mình vào cuộc kháng chiến trường kỳ với một tin tưởng không có sức gì lay chuyển nổi : « *Ta nhất định thắng, địch nhất định thua* ».

Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thành ra một lời tiên tri. Cuộc kháng chiến trường kỳ quả nhiên đã kết thúc bằng sự thắng lợi của nước Việt-nam Dân chủ Cộng hòa và sự đại bại của bọn xâm lược Pháp. Trước kia mọi người theo Chủ tịch Hồ Chí Minh kéo nhau đến núi rừng Việt-bắc để kháng chiến trường kỳ, bây giờ mọi người lại theo vị Chủ tịch kính yêu từ núi rừng Việt-bắc trở về Hà-nội để đi vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên khoảng đất từ vĩ tuyến 17 đến Mực-Nam quan, với một tấm lòng đầy phấn khởi và tin tưởng.

*
* *

Trải hơn 2.000 năm lịch sử, dân tộc Việt-nam đã sản xuất ra không ít anh hùng cứu quốc : Hai bà Trưng, Lý Bôn, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi, Nguyễn Huệ là những anh hùng cứu quốc của dân tộc chúng ta. Dân tộc Việt-nam sống còn và phát triển cho đến ngày nay chủ yếu là vì đã biết đáp lời kêu gọi của các vị anh hùng kia đứng lên đấu tranh bảo vệ giang sơn Tổ quốc, và xây dựng đất nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh giống các vị anh hùng kia ở chỗ Người cũng là một anh hùng cứu quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh lại khác các vị anh hùng kia ở chỗ Người không chỉ là anh hùng dân tộc, mà còn là lãnh tụ của giai cấp công nhân Việt-nam và thế giới. Sự nghiệp của Người là tập đại thành các sự nghiệp anh hùng trong lịch sử được kế tục và phát triển trong điều kiện cách mạng vô sản trên phạm vi thế giới. Người là kết tinh truyền thống yêu nước của trí thức Việt-nam kết hợp với phong trào công nhân Pháp và phong trào công nhân quốc tế. Sự nghiệp anh hùng của Người là sự nghiệp của một anh hùng tập thể chỉ biết đến lợi ích của nhân dân, vì nhân dân mà đấu tranh không biết mỏi cho một xã hội thật tự do, thật bình đẳng, đầy hạnh phúc và vĩnh viễn đoạn tuyệt với mọi chế độ áp bức, bóc lột con người.

Nước Việt-nam của chúng ta, Đảng của giai cấp công nhân Việt-nam chúng ta thật may mắn và vinh dự có Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh là tin tưởng của chúng ta, là sự kiêu hãnh của chúng ta. Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, nước Việt-nam, Đảng của giai cấp công nhân Việt-nam đã lớn thêm ra, đã mạnh thêm ra và đã đẹp thêm ra.

Ngày 1 tháng 1 năm 1960

BÀN VỀ LIÊN MINH GIAI CẤP TRONG CÁCH MẠNG VIỆT NAM

TỪ SAU NĂM 1930 ⁽¹⁾

VĂN TẠO

VỀ liên minh giai cấp trong cách mạng Việt-nam, cụ thể là mặt trận dân tộc và mặt trận dân chủ, đã được một số bạn đề ra thảo luận trên tập san Nghiên cứu lịch sử và một vài tờ báo khác. Trong đó còn có những điểm chưa nhất trí. Chúng tôi đăng bài sau đây của đồng chí Văn Tạo trong mục « Ý kiến trao đổi » để góp phần vào cuộc thảo luận chung. Đề nghị các bạn có ý kiến gì khác cùng nhau thảo luận cho vấn đề được sáng tỏ thêm.

Tòa soạn Tập san
Nghiên cứu Lịch sử

TRONG lịch sử phát triển xã hội, các cuộc cách mạng thường do một giai cấp lãnh đạo, nhưng chưa có một cuộc cách mạng nào do một giai cấp tiến hành mà giành được thắng lợi. Cho nên liên minh giai cấp trong cách mạng là một tất yếu lịch sử mà cách mạng tư sản cũng như cách mạng vô sản đều phải tiến hành. Nhưng sự khác nhau là ở chỗ, trong cách mạng tư sản, liên minh giai cấp thường diễn ra một cách tự phát, giai cấp lãnh đạo liên minh chỉ đại diện quyền lợi cho các giai cấp trong khối liên minh một cách nhất thời, có khi phải dùng đến những thủ đoạn lừa bịp để liên minh và sẽ phản bội quyền lợi các giai cấp trong liên minh một khi cách mạng đã giành được thắng lợi. Trái lại, giai cấp vô sản nhờ nắm được quy luật phát triển

(1) Sau khi bài « Tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của Mặt trận dân tộc thống nhất Việt-nam » của chúng tôi đăng trong tập san Nghiên cứu lịch sử số 1, chúng tôi có nhận được nhiều ý kiến của bạn đọc gửi đến ; có điểm đồng ý, có điểm không đồng ý. Có ý kiến đã được công bố, như bài của đồng chí Hoàng Hồ đăng trong tập san Nghiên cứu lịch sử số 5. Có ý kiến mới trao đổi trong cuộc tọa đàm, học tập v.v...

Vì số người trao đổi ý kiến thì nhiều nên trong bài này chúng tôi không tiện nêu tên. Mong các đồng chí miễn thứ.

của xã hội, đã tự giác và chủ động xây dựng được đường lối liên minh giai cấp đúng đắn. Dựa vào cương lĩnh tối đa và cương lĩnh tối thiểu của từng giai đoạn cách mạng, giai cấp vô sản công khai tuyên bố mục tiêu phấn đấu lâu dài và trước mắt của mình, thành thực liên minh với các giai cấp khác để đấu tranh đem lại quyền lợi chung cho dân tộc, trong đó có quyền lợi riêng của giai cấp. Đó cũng là những đặc điểm của liên minh giai cấp trong cách mạng Việt-nam từ sau năm 1930.

Năm 1930, khi Đảng của giai cấp vô sản vừa ra đời thì một liên minh giai cấp đặc biệt xuất hiện, đó là liên minh công nông, biểu hiện rõ rệt trong phong trào Xô-viết Nghệ Tĩnh. Lúc đó, cuộc khủng hoảng kinh tế 1930 — 1933 đang thời kỳ trầm trọng, sự suy nhược hoàn toàn của phe phong kiến kháng Pháp, sự tụt vớt của phong trào tư sản và tiểu tư sản trong cuộc khởi nghĩa tháng 2 của Việt-nam Quốc dân đảng làm cho quần chúng cách mạng (chủ yếu là nông dân) chỉ còn trông chờ vào sự lãnh đạo của giai cấp vô sản. Đồng thời, sự thống nhất của phong trào vô sản Việt-nam biểu hiện trong ngày lịch sử 6-1-1930 cùng với cương lĩnh cách mạng dân tộc dân chủ (tháng 10-1930) cũng đem lại cho quần chúng cách mạng một niềm tin mãnh liệt. Công nông liên minh đầu tiên được kiến lập trong hoàn cảnh đó, đã có một tác dụng mạnh mẽ.

Từ đó đến nay, qua 30 năm, dựa trên cơ sở công nông liên minh, Đảng của giai cấp vô sản Việt-nam đã kết hợp được mọi phong trào cách mạng: phong trào giải phóng dân tộc, phong trào dân chủ chống phát-xít, phong trào dân chủ chống phong kiến ở nông thôn giành ruộng đất và hiện nay phong trào xã hội chủ nghĩa đang lên cao ở miền Bắc, thành một dòng nước lũ cách mạng. Mỗi phong trào cách mạng đó đòi hỏi một đường lối liên minh giai cấp khác nhau; nhưng trong một thời kỳ nhất định, các đường lối liên minh giai cấp đó lại phải kết hợp thành một thể thống nhất, đó là các mặt trận cách mạng thống nhất ở Việt-nam. Về hình thức và tên gọi thì nhiều, nhưng thực chất các mặt trận cách mạng thống nhất ở Việt-nam có thể quy vào ba phạm trù: Mặt trận phản đế phản phong hay còn gọi là Mặt trận dân tộc dân chủ, Mặt trận dân chủ chống phát-xít và Mặt trận yêu nước, xã hội chủ nghĩa (tức Mặt trận Tổ quốc ở miền Bắc hiện tại). Các mặt trận này đều là những khối liên minh giai cấp rộng rãi, lấy liên minh công nông làm cơ sở và đều là những thể thống nhất có mẫu thuẫn nên đều lấy đoàn kết đấu tranh giữa các mặt đối lập làm phương châm phát triển. Đó cũng là những đặc điểm của các liên minh giai cấp thuộc-phạm trù vô sản.

Nghiên cứu các khối liên minh, điều chủ yếu là phải dựa vào các quan hệ hữu cơ và biện chứng kể trên.

Trước khi đi vào vấn đề này, chúng tôi thấy cần phải đi qua quá trình xây dựng của khối liên minh công nông Việt-nam để thấy được đặc điểm của nó có ảnh hưởng đến việc thực hiện các sách lược của Đảng trong công tác mặt trận sau này và tìm mối quan hệ giữa liên minh công nông với mặt trận dân tộc thống nhất.

Khi chủ nghĩa đế quốc Pháp xâm chiếm Việt-nam, chúng duy trì bộ máy phong kiến làm công cụ nô dịch, áp bức nhân dân Việt-nam. Chủ nghĩa đế quốc làm cho giai cấp công nhân Việt-nam nảy sinh và phát triển

mau chóng ở thành thị, thì đồng thời chính sách bán cùng hóa nông thôn của chúng cũng tạo nên tầng lớp vô sản nông thôn đông đảo. Những thủ đoạn bóc lột của đế quốc xâm nhập vào nông thôn cùng với việc xen lẫn các hình thức bóc lột phong kiến vào nhà máy, hầm mỏ, tạo thành một phương thức bóc lột thâm độc chưa từng có trong lịch sử Việt-nam. Hai thế lực áp bức đế quốc, phong kiến đối với công nông không những kết hợp chặt chẽ với nhau về uy quyền mà còn xen kẽ sâu sắc về thủ đoạn bóc lột, làm cho hai giai cấp công, nông không những chỉ thấy kẻ thù chung của mình bằng xương bằng thịt, mà còn thấy cả sự cấu kết hữu cơ của chúng trong mọi lãnh vực nô dịch, cả về vật chất lẫn tinh thần.

Điểm thứ hai, giai cấp công nhân công nghiệp Việt-nam vừa thoát thai từ nông dân ra không khỏi mang ý thức hệ tiểu tư sản vào nhà máy. Sinh hoạt tinh thần và vật chất của họ chưa đến nỗi cách xa nhau như công, nông ở các nước công nghiệp tiến tiến. Lấy thí dụ ở Nhà máy dệt Nam-định, Nhà máy chai Hải-phòng... nhiều công nhân còn gần với sinh hoạt gia đình là nông dân ở thôn quê. Hay ở khu mỏ Hồng-gai, cứ đến tháng 5 tháng 10 âm lịch, vào vụ gặt thì hơn 60% tổng số công nhân trở về nông thôn. Tháng ba ngày tám, họ lại kéo ra vùng mỏ bán sức lao động (1). Tính chất bán công bán nông đó ăn sâu trong ý thức giai cấp. Cho nên liên minh công nông đã có một cơ sở gắn bó ngay trong xương thịt từng con người, từng gia đình, tạo nên những truyền cảm sâu sắc trong đời sống.

Điểm thứ ba, chủ nghĩa đế quốc Pháp, với mục đích khai thác nguyên liệu và nhân công, thực hành chính sách bán cùng hóa nông dân, tạo thành một đội hậu bị quân công nghiệp thuộc địa vô cùng lớn mạnh. Đội quân đó bao gồm hàng triệu vô sản và bán vô sản ở thôn quê cùng dân nghèo thất nghiệp ở thành thị. Đội quân này, tuy không được thường xuyên và trực tiếp tham gia sản xuất và sinh hoạt như công nhân công nghiệp, nhưng hệ thống bóc lột đế quốc chủ nghĩa, với một thể hoàn chỉnh của nó (tức là khai thác cả nguyên liệu lẫn nhân công, cả công nghiệp lẫn nông nghiệp, lấy thành thị thu hút nông thôn, phá dần kinh tế tự cấp tự túc ở nông thôn, làm cho tính chất xã hội hóa của sản xuất ngày càng sâu rộng và gây nên tính chất bán công bán nông trong nông dân như trên đã nói), đã tạo cho đội hậu bị quân công nghiệp có ý thức hệ vô sản xen lẫn vào ý thức hệ tiểu tư sản. Đặc điểm này trong thời kỳ 1930-1931 đã phản ánh vào trong Đảng. Lúc đó Đảng chủ trương coi cổ nông ở nông thôn, kể cả phường gặt, phường cấy, v.v... là công nhân nông nghiệp và tổ chức thành Công hội nông nghiệp để lãnh đạo nông dân (*Lược cương cách mạng tư sản dân quyền*, tháng 10-1930) (2).

(1) Theo điều tra năm 1931-1932 ở Khu mỏ Hồng-gai thì :

- tháng 1 âm lịch có 100 công nhân,
 - tháng 5 âm lịch còn 33 công nhân,
 - tháng 7 âm lịch lại lên 66 công nhân.
- (Tập san Văn Sử Địa số 11, trang 58).

(2) Nghị quyết Trung ương lần thứ 2 về « Vấn đề tổ chức » có giải thích rõ : « Công nhân nông nghiệp tức là những người đi cấy thuê, gặt mướn, đi ở, làm việc các trại rẫy, các nhà địa chủ, phú nông, công nhân các đồn điền... » và « phường gặt, phường cấy... thì cứ theo từng phường, từng bọn mà tổ chức... ».

Việc tách bản cổ nông ra khỏi Nông hội để thành lập Công hội nông nghiệp lãnh đạo nông dân thì sau này Đảng đã sửa đổi, nhưng điều đó cũng chỉ rõ, ngay từ đầu Đảng đã thấy tác dụng tiến phong của bản, cổ nông trong nông dân, và ngày nay Đảng ta vẫn lấy bản cổ nông làm chỗ dựa của phong trào ở nông thôn.

Điểm thứ tư, khi lý luận Mác — Lê-nin. truyền vào giai cấp công nhân công nghiệp, thì do các quan hệ hữu cơ kể trên đã tác động mạnh mẽ vào đội hậu bị quân công nghiệp, và đảng của giai cấp vô sản cũng phát triển nhanh chóng trong hàng ngũ này. Thí dụ trong thời kỳ 1930-1931, ở Trung-kỳ, nơi Đảng phát triển mạnh nhất, thì trong 3.000 đảng viên có 3% là công nhân công nghiệp (*Ấn nghị quyết xử ủy Trung-kỳ*, tháng 4-1931). Trong cuộc trường kỳ kháng chiến và cuộc cách mạng phản phong vừa qua, nông dân gia nhập Đảng ngày một đông. Nông dân tham gia Đảng dĩ nhiên là được giác ngộ nhanh chóng và làm khởi công nông liên minh bền chặt thêm nhiều, nhưng cũng không khỏi mang tàn dư của ý thức hệ nông dân vào trong Đảng.

Những yếu tố xã hội kể trên quyết định tính chất bền vững không gì lay chuyển nổi của khối liên minh công nông, đồng thời cũng chỉ rõ tiền đề của việc xây dựng và phát triển của khối liên minh công nông trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ là phải triệt để chống chủ nghĩa đế quốc và thế lực phong kiến. Hai nhiệm vụ cách mạng đó phải tiến hành song song. Nếu quá lệch về bên nào là khối liên minh công nông bị rạn nứt. Cờ nhiên trong hai kẻ thù chính thì đế quốc là kẻ thù chủ yếu nhất, nhưng ngay trong khi tiêu diệt kẻ thù chủ yếu nhất thì nhiệm vụ phản phong cũng phải song song tiến hành trong một chừng mực nhất định để hỗ trợ cho phong trào phản đế.

Về nhiệm vụ chiến lược đó, giữa công và nông có sự nhất trí. Nhưng về chỉ đạo sách lược thì giai cấp vô sản phải chú ý giáo dục, khắc phục khuynh hướng sai lầm tiêu tư sản của nông dân. Giai cấp nông dân, do tính chất của nền sinh sản tiêu tư hữu phân tán và lạc hậu nên nhìn thiên cận, hẹp hòi, không có khả năng nhận thức đúng đắn thực tế khách quan; nhãn quan chính trị có chỗ mâu thuẫn với giai cấp công nhân, nhất là về mặt thực hiện phương châm sách lược.

Những đặc điểm xã hội kể trên đưa đến yêu cầu tất yếu là đảng của giai cấp vô sản Việt-nam, trong khi xây dựng công nông liên minh, xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất và xây dựng Đảng phải hết sức quan tâm đến chống khuynh hướng sai lầm tiêu tư sản trong hàng ngũ đảng viên thường thể hiện ở mặt chỉ đạo sách lược, nó được cụ thể hóa trong khi thực hành đường lối mặt trận của Đảng mà các phần sau chúng tôi sẽ nghiên cứu.

Như thế là khác với các đảng vô sản phương Tây, chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa công đoàn cải lương của tầng lớp công nhân quý tộc xâm nhập vào hàng ngũ Đảng, phá hoại sự thống nhất của Đảng, thì ở Việt-nam, sai lầm tiêu tư sản lại có lúc tồn tại trong Đảng, biểu lộ khác nhau trong từng thời kỳ mà Đảng phải luôn luôn khắc phục. Nhưng do sự thống nhất của phong trào vô sản, sự chỉ đạo tập trung của Đảng nên sai lầm thường là địa phương, cục bộ, nhất thời và không trở thành sai lầm có tính chất đường lối lớn.

Mặt khác, nếu các đảng vô sản của một số nước phương Tây trước tiên phải lấy sự thống nhất phong trào công nhân, thống nhất giữa đảng cộng sản và đảng xã hội... (tỉ như ở Ru-ma-ni, Ba-lan v.v...) rồi mới xây dựng liên minh công nông làm cơ sở cho mặt trận dân tộc thống nhất, thì ở Việt-nam sự thống nhất hành động giữa công nhân và nông dân, việc xây dựng khối liên minh công nông vững chắc ngay từ đầu đã là yêu tố quyết định cho việc xây dựng thành công mặt trận dân tộc thống nhất.

Về mặt chỉ đạo mà nói thì xây dựng công nông liên minh là vận dụng đường lối chiến lược mà phát triển mặt trận dân tộc thống nhất lại là kết hợp phương châm chiến lược với chỉ đạo sách lược. Ta không thể tách rời chiến lược và sách lược; mặt khác, ta cũng không thể tách công nông liên minh ra khỏi mặt trận dân tộc thống nhất. Tóm lại, bất cứ hình thức mặt trận dân tộc thống nhất nào cũng không thể không lấy liên minh công nông làm cơ sở.

Nhưng với ý nghĩa đó, có đồng chí lại cho rằng công nông liên minh cũng là mặt trận dân tộc thống nhất. Chúng tôi thấy cần phải trình bày rõ quan điểm của chúng tôi về vị trí của liên minh công nông trong mặt trận dân tộc thống nhất.

Xét điểm qua phong trào vô sản quốc tế, chúng ta thấy tùy thực tiễn cách mạng của từng nước mà yêu cầu liên minh giai cấp có khác nhau. Ở Liên-xô, cả trong thời kỳ cách mạng tư sản dân chủ chống Nga hoàng cũng như thời kỳ chống đế quốc, phát-xít xâm lấn, giai cấp vô sản cũng chỉ liên minh với nông dân, xây dựng công nông liên minh mà không hề phải thành lập mặt trận dân tộc thống nhất. Khác thế, ở một số nước thuộc địa, nửa thuộc địa như Việt-nam, Trung-quốc..., giai cấp vô sản lại phải lập mặt trận dân tộc thống nhất lấy liên minh công nông làm cơ sở. Vậy điều kiện gì đã quy định sự khác nhau đó? — Chính là vì trong điều kiện thuộc địa, nửa phong kiến như ở Việt-nam, giai cấp tư sản dân tộc còn có tác dụng cách mạng; ngoài ra, một số trung tiểu địa chủ còn có ít nhiều tinh thần phản đế. Giai cấp vô sản có thể thu hút họ vào làm đồng minh quân, sau nông dân và tiểu tư sản. Vì vậy mặt trận dân tộc thống nhất là một liên minh giai cấp rộng rãi, liên minh giữa nhân dân lao động gồm công, nông, tiểu tư sản với tư sản dân tộc và địa chủ phản đế, lấy liên minh công nông làm cơ sở. Trong một khối liên minh rộng lớn như vậy, ta không thể không tìm thấy mâu thuẫn chủ yếu quy định quá trình tồn tại của nó, mà theo ý chúng tôi đó là mâu thuẫn giữa vô sản và tư sản dân tộc (kể cả phú nông). Mâu thuẫn này còn hòa hoãn được trong cả quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc và chỉ cần tiêu diệt khi tiến lên xã hội chủ nghĩa. Trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ, mặt thống nhất là chủ yếu mà mâu thuẫn là thứ yếu. Còn mâu thuẫn giữa công nông với địa chủ phản đế thì cần phải song song giải quyết với nhiệm vụ phản đế ngay trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ, tuy phải tiến hành từng bước một. Hơn nữa liên minh với tư sản là liên minh với ý nghĩa giai cấp (en tant que classe) mà tranh thủ địa chủ phản đế chỉ là thu hút một số cá nhân tiên bộ trong giai cấp địa chủ.

Về vấn đề mặt trận dân tộc thống nhất là liên minh giữa vô sản với tư sản dân tộc (trên cơ sở công nông liên minh), có đồng chí cho

rằng lập luận đó đúng ở Trung-quốc (1) nhưng không đúng ở Việt-nam, vì giai cấp tư sản dân tộc Việt-nam nhỏ bé và không cầm chính quyền. Chúng tôi thấy, chúng ta không chỉ nhìn vào số lượng tư sản dân tộc Việt-nam mà phải định tính chất căn bản của khối liên minh. Trong nước Việt-nam thuộc địa nửa phong kiến, số lượng tư sản dân tộc Việt-nam tuy không nhiều, nhưng cũng đã hình thành một giai cấp; quần chúng tiểu tư sản vô cùng đông đảo đang muốn vươn lên trong khuôn khổ chủ nghĩa tư bản; trí thức, tiểu trí thức mang ý thức hệ tư sản không phải là ít; tầng lớp phú nông ở Việt-nam cũng có một lực lượng nhất định. Trong thời kỳ kháng chiến, Đảng ta còn hồ hào và giúp đỡ tư sản bỏ vốn ra kinh doanh để phục vụ quốc kế dân sinh. Cho nên lấy lý do giai cấp tư sản Việt-nam nhỏ bé mà phủ nhận tính chất cơ bản của khối liên minh là không khách quan. Cờ nhiên, chúng ta không quy tiểu tư sản, trí thức vào giai cấp tư sản, nhưng về sách lược đấu tranh mà nói thì thái độ đối với tư sản thời bây giờ có ảnh hưởng trực tiếp đối với các giai cấp, tầng lớp kể trên.

Những điểm trên chứng tỏ mặt trận dân tộc thống nhất và liên minh công nông là hai thể *thống nhất nhưng không đồng nhất*. Liên minh công nông là kết cấu của một mâu thuẫn không đối kháng, mà mặt trận dân tộc thống nhất lại bao gồm cả mâu thuẫn về cơ bản là đối kháng, nhưng có khả năng hòa hoãn. Công nông liên minh là cơ sở của mặt trận dân tộc thống nhất, có thể ví như nền và nhà; nền có vững thì nhà mới chắc. Ngược lại, nhà muốn cao rộng thì nền phải vững vàng. Do quan hệ hữu cơ kể trên nên hai tổ chức bề ngoài tưởng như là một, nhưng thực chất lại là hai. Vì vậy có quan niệm cho rằng vận động nông dân là công tác mặt trận thì công nông liên minh cũng là mặt trận dân tộc thống nhất. Chúng tôi thấy chẳng những vận động nông dân mà vận động công nhân cũng là công tác mặt trận dân tộc thống nhất. Nhưng công nông liên minh thì chưa phải là mặt trận dân tộc thống nhất.

Nghiên cứu các khối liên minh giai cấp ở Việt-nam chúng tôi dựa vào các quan hệ hữu cơ sau đây:

Trong Mặt trận dân tộc dân chủ, công nông liên minh là cơ sở của liên minh phản đế, phản phong. Nhưng do nhiệm vụ chủ yếu nhất (nhiệm vụ phản đế) của cách mạng quy định nên liên minh phản phong phải tùy thuộc vào liên minh phản đế mà phát triển. Ngược lại, đến thời kỳ cách mạng phản phong phát triển thì đường lối của liên minh phản đế lại có ảnh hưởng đến sách lược của liên minh phản phong.

Trong Mặt trận dân chủ chống phát-xít, liên minh công nông là cơ sở của liên minh phản đế, phản phong và đến lượt nó, liên minh này lại là nòng cốt của liên minh dân chủ chống phát-xít.

Trong Mặt trận yêu nước, xã hội chủ nghĩa, liên minh công nông là cơ sở của mặt trận yêu nước, xã hội chủ nghĩa. Mặt trận yêu nước, xã hội chủ nghĩa, đến lượt nó lại là chỗ dựa cho Mặt trận phản đế phản phong trong toàn quốc.

Sau đây chúng tôi lần lượt đi vào nghiên cứu từng vấn đề cụ thể.

(1) Trong tạp chí *Những vấn đề hòa bình và xã hội chủ nghĩa* số 10-1959 trang 23, đồng chí Lưu Thiếu-kỳ có nói: «Trong cuộc cách mạng dân chủ, chúng tôi đã xây dựng được khối liên minh hết sức chặt chẽ của giai cấp vô sản với quần chúng nông dân đông đảo nên đã có thể giải quyết một cách đúng đắn vấn đề lập mặt trận cách mạng thống nhất với giai cấp tư sản dân tộc».

LIÊN MINH CÔNG NÔNG, CƠ SỞ CỦA MẶT TRẬN DÂN TỘC DÂN CHỦ

Như trên chúng tôi đã trình bày, Mặt trận dân tộc dân chủ là sự kết hợp của ba đường lối liên minh giai cấp (liên minh công nông, liên minh phản đế và liên minh phản phong) thành một thể thống nhất. Ba đường lối đó quan hệ hữu cơ với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau và đấu tranh thúc đẩy nhau phát triển.

Nghiên cứu mối quan hệ giữa công nông liên minh với liên minh phản đế và liên minh phản phong, chúng tôi lấy tài liệu về thời kỳ Mặt trận phản đế 1930 — 1931 làm cơ sở để phân tích.

Điểm lại thời kỳ đó (1930 — 1931), một cao trào cách mạng chống đế quốc phong kiến dâng lên mãnh liệt mà đỉnh cao chói là phong trào Nghệ Tĩnh. Những cuộc biểu tình, đình công ở nhà máy Trường-thị, Bền-thủy kết hợp với những cuộc chiếm đồn điền Ký Viễn, chia thóc của địa chủ cho dân nghèo. Nhân dân đốt phá đồn bót của đế quốc cũng như thiêu hủy huyện đường, bằng triện của bọn quan lại. Cả một phong trào phản đế, phản phong tương tự như vậy nổ ra ở nhiều nơi trong toàn quốc. Tuy mức độ từng địa phương có khác nhau nhưng đều thể hiện rõ đường lối chiến lược của Đảng là đúng đắn.

Tuy vậy, có đường lối chiến lược đúng chưa đủ mà phải có phương châm sách lược đúng mới mong đảm bảo thắng lợi cuối cùng và đỡ tổn xương máu. Như chỉ thị của Thường vụ Trung ương về vấn đề thành lập «Phản đế đồng minh» ngày 18-11-1930 đã chỉ rõ:

«Giai cấp công nhân không đồng minh được với giai cấp nông dân là lực lượng tất yếu của cách mạng thì không đánh đổ được đế quốc Pháp và tội phong kiến phản cách mạng trong nước. Trái lại đồng minh với nông dân mà không có khẩu hiệu chia đất cho dân cày thì dân cày sẽ không hưởng ứng. Như vậy cũng không làm được cuộc cách mạng tư sản dân quyền thành công.

Trên đó là hai động lực chính căn bản cho sự bỏ trí hàng ngũ cách mạng, còn mặt khác nữa là giai cấp vô sản lãnh đạo cuộc cách mạng tư sản dân quyền ở Đông-dương mà không tổ chức được toàn dân lại thành một lực lượng thật rộng, thật kín thì cuộc cách mạng cũng khó thành công (rộng là toàn dân cùng đứng trong một mặt trận chống đế quốc và tội phong kiến làm tay sai phản động hèn hạ; kín là đặt đế công nông trong bức thành dân tộc phản đế bao la)...».

Nhìn vào thực tế phong trào cách mạng 1930-1931 ai cũng phải nhận rằng phong trào chưa rộng và chưa kín. Một mặt, đó là do những thiếu sót của tư tưởng tiểu tư sản trong thực hiện sách lược đề ra từ những đặc điểm xã hội đã nói ở trên. Mặt khác cũng do thời kỳ này, Đảng vừa mới thành lập, đang còn thời kỳ non trẻ. Có đảng viên còn quan niệm Đảng là của quần chúng lao khổ nói chung chứ chưa thấy là của giai cấp vô sản. Đảng viên được giáo dục về thực tiễn đấu tranh nhiều hơn là được giáo dục về lý luận, về tư tưởng sách lược. Cho nên thiếu sót kể trên xảy ra là không thể tránh khỏi; về điểm này chắc nhiều đồng chí thông nhất cùng chúng tôi. Nhưng về việc đánh giá tác dụng của Mặt trận phản đế thì còn nhiều nhận định sai khác nhau.

Chúng tôi thấy, tuy rằng thiếu sót kể trên biểu hiện chủ yếu là ở Trung-kỳ, nhất là trong cao trào Xô-viết Nghệ Tĩnh. Nhưng khi nhận

xét phong trào cách mạng của một thời kỳ, chúng ta xét bề rộng của nó trong toàn quốc, lại đặc biệt phải xét đỉnh cao chói của phong trào, đỉnh mà về thời gian và không gian phong trào lên cao nhất. Hồi đó ở Bắc và Nam-kỳ phong trào phát triển kém Trung-kỳ. Còn riêng ở Trung-kỳ thì phong trào lên cao ở Nghệ Tĩnh, công nông liên minh được xây dựng trong tranh đấu. Nhưng khẩu hiệu « trí, phú, địa, hào, đào tận gốc tróc tận rễ » lại làm cho Mặt trận khó phát triển. Có nơi liên kết được với trí thức, phú nông, hào lý... nhưng cũng là mò mẫm, cảm tính và cá biệt. Cao trào Nghệ Tĩnh khởi đầu từ 1-5-1930 và lên tới đỉnh cao chói khoảng tháng 9, tháng 10-1930 thì đến mãi 18-11-1930, khi phong trào đã bắt đầu xuống, Ban Thường vụ Trung ương, sau khi đã khảo sát tình hình các nơi gửi về (trích chỉ thị 18-11-1930) mới ra chỉ thị uốn nắn lệch lạc kể trên. Chỉ thị nêu rõ : « Từ trước các đồng chí chưa rõ vấn đề này, mà nay cũng vẫn còn mập mờ, nên dù (1) tổ chức cách mạng vẫn đơn thuần là công nông và là một màu sắc nhất định, như : Công hội đỏ, Nông hội đỏ, Thanh niên đỏ, Sinh hội đỏ và Cứu tế đỏ ; do đó thiếu một tổ chức thật quảng đại quần chúng, hấp thu các tầng lớp trí thức dân tộc, tư sản dân tộc, họ là tầng lớp trên hay ở giữa cũng vậy, và cho tới cả những người địa chủ có đầu óc oán ghét đế quốc Pháp, mong muốn độc lập quốc gia, để đưa tất cả những tầng lớp, cá nhân đó vào trong hàng ngũ chống đế quốc Pháp » (2). Chỉ thị cũng vạch ra một đường lối tổ chức « Phân đề đồng minh », tổ chức từ dưới lên, từ trên xuống, v.v... một cách cụ thể. Mặc dầu vậy, đến tháng 3-1931, trong việc thanh Đảng, thanh Hội, Tỉnh ủy Nghệ-an vẫn còn đề ra : « Hội phân đề chưa cần, hãy đình chỉ tổ chức hội đó ».

Những chứng cứ kể trên chỉ rõ là phương châm chỉ đạo chiến lược của Trung ương luôn luôn đúng đắn và về chỉ đạo sách lược, Trung ương có uốn nắn kịp thời. Sai lầm kể trên chủ yếu là thuộc địa phương Trung-kỳ. Nhưng khi Trung ương ra chỉ thị thì phong trào đã có chiều giảm xuống. Nhìn vào toàn bộ phong trào mà đánh giá tác dụng của Mặt trận phân đề, ta phải thực sự cầu thị mà nhận rằng Mặt trận còn kém tác dụng. Cố nhiên thất bại của phong trào 1930-1931 còn do nhiều nguyên nhân, nhưng việc liên minh công nông bị đá kích nặng nề khi thoái trào, những phần tử trung gian dễ dàng bị địch mua chuộc... thì chính là do thiếu sót của công tác Mặt trận phân đề.

Ở đây chúng ta không bàn đến Mặt trận phân đề đã thành hình hay chưa vì khái niệm thành hình mỗi người hiểu một cách khác nhau, mà chỉ cần thông nhất là trong ba nhiệm vụ xây dựng mặt trận thì lúc đó Đảng mới chú ý phát triển được thế lực tiền bộ, chưa tranh thủ (tranh thủ một cách có ý thức) được thế lực trung gian. Vì vậy việc cô lập thế lực ngoan cố cũng ít kết quả.

Tiếp đây, chúng tôi nghiên cứu về quan hệ hữu cơ và ảnh hưởng lẫn nhau giữa liên minh phân đề và liên minh phản phong, và dựa vào tài liệu thời kỳ Mặt trận Việt-minh, Mặt trận Liên Việt để phân tích.

(1) Chữ « nên dù » là nguyên văn bức chỉ thị, chúng tôi thấy có lẽ là sao lại lăm, để chữ « cho nên » thì rõ nghĩa hơn.

(2) Trích « Chỉ thị của Trung ương thường vụ về vấn đề thành lập hội « Phân đề đồng minh » ngày 18-11-1930 ».

Trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, giữa hai nhiệm vụ chiến lược phản đế và phản phong thì nhiệm vụ phản đế chiếm địa vị chủ yếu nhất, nên thời kỳ 1939-1945, Đảng đã tạm gác khẩu hiệu « Tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày » và thay bằng khẩu hiệu « Tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo » (*Cương lĩnh của Mặt trận Việt-minh*). Trong chủ trương cứu nước của Mặt trận Việt-minh, Đảng lại đề ra : « Địa chủ thì quyền sở hữu về ruộng đất vẫn được coi trọng, được khai phá đất hoang ». Do đó trong cao trào cứu nước 1943-1945, Đảng đã lôi cuốn được cả một số trung tiểu địa chủ, hào lý và những trí thức xuất thân từ giai cấp địa chủ tham gia phản đế. Sách lược của liên minh phản đế kể trên được thực hiện thì tất nhiên nhiệm vụ của liên minh phản phong phải hạ thấp. Nhưng trong cuộc đấu tranh để đạt được những yêu cầu dân chủ tối thiểu trước mắt mà Đảng đã đề ra như : « Giảm tô, giảm tức », « Chia lại ruộng công » (*Cương lĩnh của Mặt trận Việt-minh*), thì khối liên minh phản phong vẫn phải giữ vững. Và chính trong khi đặt liên minh phản phong tùy thuộc liên minh phản đế như vậy thì sự đoàn kết giữa bản, cổ, trung nông, sự đoàn kết trong nội bộ khối liên minh công nông lại càng gắn bó chặt chẽ, bởi vì dưới sự chỉ đạo của Đảng, hai giai cấp đó đã nhất trí với nhau về phương châm chiến lược. Nông dân đã nhận thấy rõ chỉ có tiêu diệt được đế quốc, quyền lợi dân chủ mới được đảm bảo.

Ngược trở lại, khi cuộc cách mạng phản phong bắt đầu phát triển mạnh, nhất là từ năm 1952 trở đi, thì trong Mặt trận dân tộc thống nhất, đường lối liên minh phản phong hình thành ra rõ rệt (Mặt trận phản phong) và sách lược của liên minh phản đế lại có ảnh hưởng tích cực đến liên minh phản phong. Đường lối liên minh phản phong được cụ thể hóa như sau : « Dựa vào bản cổ nông, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, liên hiệp với phú nông, xóa bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất có từng bước, có phân biệt, có kế hoạch, có trật tự, có lãnh đạo » và « trên cơ sở thỏa mãn yêu cầu về ruộng đất của nông dân, cần phân biệt đối đãi với các hạng địa chủ, triệt để phân hóa giai cấp địa chủ và chiều cõ địa chủ kháng chiến một cách đúng mức ». Trong đường lối giai cấp này, sách lược tranh thủ quần chúng của Đảng thể hiện ở liên hiệp với phú nông, phân hóa giai cấp địa chủ và tranh thủ địa chủ kháng chiến. Sách lược liên hiệp phú nông, không phải chỉ căn cứ vào chiến lược cách mạng dân chủ (trong đó phú nông còn là bạn đồng minh chiến lược) mà còn căn cứ vào chiến lược cách mạng dân tộc. Bởi vì trong cuộc kháng chiến, phú nông đã có những đóng góp nhất định về sức người, sức của với toàn dân. Họ cùng với tư sản dân tộc đã và đang còn là một thành viên trong lực lượng giải phóng dân tộc. Còn sách lược phân hóa giai cấp địa chủ với ba biện pháp « tịch thu, trưng thu, trưng mua » cũng không phải chỉ xuất phát từ đường lối liên minh dân chủ chống phong kiến mà còn dựa vào sách lược của liên minh dân tộc. Những địa chủ, bản thân hoặc có con em tham gia kháng chiến, nhờ được sự giáo dục của giai cấp công nhân và nhờ được rèn luyện trong đấu tranh, tất nhiên có những tiền bộ nhất định. Họ có thể đi theo con đường mà Đảng chỉ vạch ra. Những điều kể trên biểu lộ rõ tác dụng ngược lại của cuộc đấu tranh dân tộc với cuộc đấu tranh dân chủ, nó quy định sách lược dân tộc trong liên minh dân chủ. Nhưng nếu trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, giai cấp công nhân sẵn sàng hy

sinh quyền lợi của mình để mang lại quyền lợi chung cho dân tộc thì về phía nông dân, do điều kiện giai cấp hạn chế, họ gặp khó khăn trong việc thực hiện sách lược. Nếu giai cấp công nhân không giáo dục, không giải quyết tốt vấn đề này thì chẳng những liên minh phản phong khó phát triển, tầng lớp phú nông sẽ dao động, ngả nghiêng mà cả khối liên minh công nông cũng thiếu vững chắc. Liên minh công nông thiếu vững chắc không phải do mâu thuẫn trong nội bộ của liên minh công nông phát sinh mà do không tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ triệt để của các giai cấp khác như tư sản, tiểu tư sản, các tầng lớp trí thức, nhân sĩ dân chủ, v.v..., tức là công nông liên minh thiếu một bức thành dân tộc phản đế bao la... vậy bọc, như ý nghĩa mà Trung ương đã chỉ ra (chỉ thị ngày 18-11-1930).

Ba đường lối liên minh giai cấp trên quan hệ với nhau một cách hữu cơ và biện chứng như vậy nên trong từng thời kỳ cách mạng nhất định, Đảng đã chú ý vận dụng cả ba đường lối đó mà nếu có thiếu sót chỉ là về phía thực hiện.

LIÊN MINH PHẢN ĐẾ, PHẢN PHONG, NÔNG CỐT CỦA LIÊN MINH DÂN CHỦ CHỐNG PHÁT-XÍT

Trong quá trình phát triển xã hội, chủ nghĩa tư bản « tự do » khi mới nảy sinh phải chống lại thế lực phong kiến đang kìm hãm nó và đến khi già cỗi lại phải chống chủ nghĩa phát-xít, trước sau cũng đều nhằm đảm bảo nền dân chủ tư sản. Cho nên phong trào đấu tranh để đảm bảo nền dân chủ tư sản cũng chia làm hai phạm trù : phạm trù dân chủ chống phong kiến và phạm trù dân chủ chống phát-xít.

Khi chủ nghĩa phát-xít xuất hiện thì trong những nước thuộc địa nửa phong kiến mà cuộc cách mạng dân chủ tư sản do giai cấp vô sản lãnh đạo, hai nhiệm vụ đấu tranh dân chủ đó phải tiến hành cùng một lúc, nhưng mức độ có khác nhau. Mức độ đó do nhiệm vụ đấu tranh dân tộc quy định. Trong phần này chúng tôi chỉ nghiên cứu vấn đề dân chủ chống phát-xít.

Chủ nghĩa phát-xít xuất hiện gây nguy cơ chiến tranh tàn khốc cho nhân loại. Để tránh thảm họa chung đó và để tạo điều kiện cho cách mạng phát triển, giai cấp vô sản thế giới đã kêu gọi liên minh với tất cả các dân tộc, giai cấp, tầng lớp, kể cả những phần tử tư sản ở các nước đế quốc, thành lập Mặt trận dân chủ quốc tế chống phát-xít. Về phía chủ nghĩa đế quốc thì lúc này, mâu thuẫn nội bộ của chúng trở nên sâu sắc hơn bao giờ hết. Một bộ phận tư sản ở các nước đế quốc, trước nguy cơ phát-xít và trước sách lược mềm dẻo của giai cấp vô sản đã tạm thời chọn con đường đi với vô sản chống phát-xít. Chiến lược cách mạng của giai cấp vô sản quốc tế lúc này có thay đổi. Như trong báo cáo của đồng chí Đê-mi-tơ-rốp tại Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ 7, tháng 8-1935, đã chỉ rõ : « Ngày nay, trong nhiều nước tư bản chủ nghĩa, quần chúng lao động, trước mắt phải lựa chọn một cách cụ thể, không phải giữa nền chuyên chính vô sản với chế độ dân chủ tư sản mà là giữa chế độ dân chủ tư sản với chủ nghĩa phát-xít » (1). Ở các nước thuộc địa thì kẻ thù

(1) Đấu tranh chống chủ nghĩa phát-xít — Sự thật xuất bản 1959, trang 149.

chính lúc đó không còn là chủ nghĩa đề quốc nói chung mà là chủ nghĩa phát-xít. Giai cấp vô sản, ngoài việc xây dựng liên minh chặt chẽ với công nông và các lực lượng cách mạng dân tộc khác còn có thể và cần phải liên minh với bộ phận tư sản đề quốc chống phát-xít ở thuộc địa.

Áp dụng vào Việt-nam, Mặt trận dân chủ chống phát-xít được thành lập trong thời kỳ 1937-1939. So với thời kỳ 1930-1931, vấn đề liên minh giai cấp lúc này được đặt ra trong một thực tiễn cách mạng khó khăn hơn, nhưng phong phú hơn. Nó đòi hỏi phải kết hợp được ba trào lưu cách mạng: cuộc đấu tranh dân tộc chống đề quốc, cuộc đấu tranh dân chủ chống phong kiến, cuộc đấu tranh dân chủ chống phát-xít, lấy việc chống phát-xít làm nhiệm vụ chủ yếu.

Như trên chúng tôi đã trình bày, các liên minh giai cấp thuộc phạm trù vô sản đều là những thể thống nhất có mâu thuẫn và dựa trên nguyên tắc đoàn kết đấu tranh để phát triển. Mặt trận dân chủ là một liên minh giai cấp rộng rãi bao gồm các lực lượng dân tộc nằm trong Mặt trận dân tộc thống nhất và các lực lượng dân chủ chống phát-xít ngoài Mặt trận dân tộc thống nhất. Điều kiện quy định sự tồn tại của nó là tính thống nhất và mâu thuẫn giữa nhiệm vụ đấu tranh dân tộc và nhiệm vụ đấu tranh dân chủ chống phát-xít. Các lực lượng dân tộc ở Việt-nam thống nhất với các phần tử tư sản đề quốc chống phát-xít ở Việt-nam (và gián tiếp là với Mặt trận bình dân Pháp) về nhiệm vụ chống phát-xít, nhưng lại mâu thuẫn với nhau về quyền lợi dân tộc. Mâu thuẫn này là mâu thuẫn giữa đề quốc và thuộc địa vốn là đối kháng nhưng tạm thời hòa hoãn. Cho nên phương châm phát triển của Mặt trận là phải đấu tranh giữa lực lượng dân tộc Việt-nam với lực lượng dân chủ chống phát-xít của đề quốc. Pháp ở Việt-nam (đấu tranh có lý, có lẽ trong nội bộ mặt trận) để đưa lại đoàn kết, và đoàn kết phải dựa trên cơ sở đấu tranh. Tức là có đấu tranh, đảm bảo quyền lợi dân tộc trong một chừng mực nhất định làm cho lực lượng dân tộc được nâng cao thì phong trào dân chủ chống phát-xít mới có hiệu quả, nhân dân mới có sức lực để chống phát-xít. Ngược lại có phát triển lực lượng dân chủ chống phát-xít thì mới có điều kiện để đảm bảo quyền lợi dân tộc thoát khỏi họa phát-xít xâm lăng. Bởi vì một khi họa phát-xít lan tới thì cả những quyền tự do dân chủ tối thiểu cũng không còn nữa, mà viễn ảnh độc lập dân tộc cũng mờ mịt, xa xôi. Mặt khác, muốn phát triển lực lượng dân tộc phải bồi dưỡng công nông, củng cố khối công nông liên minh, trụ cột của cuộc cách mạng, mà tiền đề của việc xây dựng và củng cố khối công nông liên minh lại là phải chống đề quốc, phong kiến, dù chỉ trong một chừng mực nhất định. Các nhiệm vụ đó hỗ trợ cho nhau, quan hệ với nhau một cách khăng khít. Nếu bỏ nhiệm vụ này thì kết quả của nhiệm vụ khác sẽ bị hạn chế.

Xét cụ thể Mặt trận dân tộc chống phát-xít thời kỳ 1937-1939. Lúc đó họa phát-xít đe dọa nhân dân Việt-nam. Bọn thực dân thống trị ở Việt-nam phân hóa thành phái phản động thuộc địa và phái chống phát-xít. Nhân dân Việt-nam bắt tay với Mặt trận bình dân Pháp và những phần tử đề quốc chống phát-xít ở Việt-nam chống lại bọn phản động thuộc địa tay sai của 200 gia đình tư bản tài phiệt Pháp và phong thủ Đông-dương chống bọn phát-xít. Mặt trận dân chủ chống phát-xít lúc đó là một liên minh giai cấp rộng rãi. Nhưng lực lượng chủ yếu của khối liên minh không phải nhằm ở các phần tử dân chủ ngoại quốc ở

Việt-nam kể cả Pháp kiều và chi nhánh Đảng Xã hội Pháp, mà phải nhắm vào lực lượng dân tộc ở Việt-nam, chủ yếu là công nông. Do đó, tuy lúc này không đề ra thành lập Mặt trận giải phóng dân tộc, không công khai đề ra khẩu hiệu « độc lập dân tộc », nhưng trên ý thức thì phải lồng được nhiệm vụ dân tộc vào nhiệm vụ dân chủ, phải lồng được Mặt trận giải phóng dân tộc vào trong Mặt trận dân chủ. Cụ thể là, dưới những hình thức đấu tranh dân chủ, ta đòi thống nhất ba xứ ở Việt-nam, đòi quyền bình đẳng trong các dân tộc ở Việt-nam, đòi quyền tự do dân chủ, tự do nghiệp đoàn, đòi tham gia hội đồng dân biểu, hội đồng quản hạt, công nhân đòi thi hành luật lao động, nông dân đòi miễn sưu giảm thuế, bỏ đi phu, đi xâu... và toàn dân đòi đế quốc Pháp phải phòng thủ Việt-nam chống phát-xít cho có hiệu quả. Những yêu sách dân chủ đó bản thân nó cũng là những yêu sách dân tộc, bởi vì nó cũng nhằm đánh vào chủ nghĩa đế quốc và tạo điều kiện cho cách mạng dân tộc phát triển. Nhưng nó phải được đấu tranh để thực hiện, vừa với tinh thần dân chủ, vừa với ý thức liên minh dân tộc mới có tác dụng mạnh mẽ và mới có nhiều kết quả. Bởi vì về yêu cầu dân chủ thì ở mỗi giai cấp, mỗi tầng lớp có một nội dung khác nhau. Thí dụ, công nhân đòi tự do dân chủ, tự do nghiệp đoàn ; nông dân đòi cải tổ dân chủ bộ máy hành chính hương thôn ; tiểu công, tiểu thương đòi tham gia hội đồng thành phố ; học sinh, sinh viên, công chức đòi bình đẳng giữa người Việt và người Pháp trong học tập, thi cử, lương bổng v.v... Nhưng quyền lợi dân tộc, yêu cầu độc lập dân tộc thì ở mọi giai cấp, mọi tầng lớp cách mạng đều là nhất trí.

Điểm lại phong trào thời kỳ đó, khi thế hăng hái đầu tranh của các giai cấp, tầng lớp đã đem lại thắng lợi nhất định, như sơ bộ giành được một số quyền tự do dân chủ, gây được một phong trào quần chúng khá cao sau thời kỳ thoái trào. Nhưng phương hướng đấu tranh chưa thống nhất, sự kết hợp, sự hỗ trợ của phong trào còn có phần chưa chặt chẽ.

— Phong trào công nhân lên cao, có tổ chức, có lãnh đạo như công nhân mỏ Hồng-gai, công nhân nhà máy Trường-thị, v.v... Nhưng bên những cuộc đấu tranh có chỉ đạo chặt chẽ này thì lại có nhiều cuộc đấu tranh của công nhân nhằm chia vào tiểu chủ và tư sản dân tộc. Thí dụ, chỉ riêng trong tháng 1-1937 đã có hàng chục cuộc đấu tranh của 1.800 thợ may ta và may tây ở Hà-nội, Hải-phòng, Nam-định, của hàng trăm thợ làm mũ, thợ cạo, thợ làm hương, thợ mộc, thợ đóng giày, thợ đan bít-tát, thợ làm cổ đèn, v.v... ở Hà-nội, Hải-phòng, Vinh, Huế, Nam-định...(1). Cờ nhiên trong việc đoàn kết với tư sản, công nhân cần phải đấu tranh đòi thi hành những luật lệ dân chủ, đòi cải thiện đời sống, nhưng mũi nhọn đấu tranh phải giành tập trung vào đế quốc, phát-xít. Đấu tranh với tư sản phải trên cơ sở đoàn kết, tránh để địch lợi dụng mâu thuẫn mà chia rẽ hàng ngũ liên minh.

— Phong trào nông dân cũng lên cao, nhưng thiếu thống nhất trong ba xứ. Ở Trung-kỳ, giai cấp vô sản đã biết dựa vào nông dân đưa được đại biểu vào viện dân biểu, hướng dẫn nông dân đấu tranh đòi quyền lợi thiết thực như chia lại công điền một cách bình đẳng, đòi kiểm soát và quyết định sự chi tiêu trong xã và bầu cử hào lý trong xã, cải cách văn hóa

(1) Thời kỳ Mặt trận bình dân — Văn Sử Địa xuất bản — trang 118-119.

xã hội, đi đến đấu tranh đòi giảm sưu, miễn thuế... ở đây, do phát động được nông dân đấu tranh đúng hướng nên đã tranh thủ lôi kéo được một số tư sản, địa chủ tiến bộ.

Nhưng ở Nam-kỳ, phong trào nông dân lại chú ý nhiều vào đấu tranh dân chủ ở Hội đồng quản hạt, mà ít đòi cải tổ dân chủ chính quyền ở hương thôn, tức là ít trực tiếp đấu tranh với chính quyền cơ sở của đế quốc ở hương thôn để phát động phong trào một cách mạnh mẽ.

Ở Bắc-bộ, phong trào tiểu tư sản lên khá cao. Trong cuộc kỷ niệm ngày 1-5-1938 ở nhà Đấu-xảo Hà-nội, dưới sự tổ chức và lãnh đạo của Đảng, hai vạn năm nghìn người, ngoài công nhân còn gồm một số đồng tiểu công, tiểu thương, trí thức, nhà văn, nhà báo, đại diện các tỉnh... họp mít-tinh đòi tự do dân chủ. Ngoài ra còn nhiều cuộc đấu tranh khác của tiểu công, tiểu thương. Nhưng phong trào nông dân thì không được mạnh bằng Trung-kỳ và Nam-kỳ.

Trong toàn quốc thì chủ trương đấu tranh công khai hay bí mật cũng chưa thông nhất. Lúc đầu có nơi tẩy chay hình thức công khai. Về sau có nơi lại nặng về công khai nhẹ về bí mật. (Khi nặng về công khai, nhẹ về bí mật là mắc bệnh công khai chứ không phải chờ đến khi địch khủng bố rút vào bí mật không kịp mới là mắc bệnh công khai). Việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân (như kiểu đội tự vệ đỏ hồi 1930-1931, để sẵn sàng chuyển sang hình thế đấu tranh khác với đế quốc khi cần thiết, vì liên minh lúc đó chỉ là tạm thời) cũng chưa được chú ý, dù trong phạm vi bí mật. Vấn đề phòng thủ Đông-dương cũng chưa được nhất trí.

Nhận định về phong trào hồi đó, trong « Báo cáo chính trị » đọc tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất tháng 2-1951, Hồ Chủ tịch đã nêu rõ :

« Phong trào Mặt trận dân chủ lúc đó khá mạnh mẽ, rộng khắp ; nhân dân đấu tranh công khai. Đó là ưu điểm. Nhưng khuyết điểm là : Đảng lãnh đạo không thật sát, cho nên nhiều nơi cán bộ phạm phải bệnh hẹp hòi, bệnh công khai, say sưa vì thắng lợi bộ phận mà sao lãng việc củng cố tổ chức bí mật của Đảng. Đảng không giải thích rõ lập trường của mình về vấn đề độc lập dân tộc. Một số đồng chí hợp tác vô nguyên tắc với bọn tờ-rôt-kít. Đến khi Mặt trận bình dân bên Pháp thất bại, chiến tranh thế giới lần thứ hai bắt đầu, thì phong trào Mặt trận dân chủ ở nước ta cũng bị thực dân đàn áp, và Đảng cũng bồi rồi một hồi » (1).

Chúng tôi nêu những mặt nhược điểm của phong trào không phải là để phủ nhận mặt tích cực, mặt ưu điểm của phong trào, mà chỉ để chứng minh là phong trào đấu tranh dân chủ của mọi tầng lớp nhân dân lúc đó có lên cao nhưng thiếu một nội dung chung làm cơ sở. Nội dung chung đó chính là liên minh giai cấp với ý thức đấu tranh đảm bảo quyền lợi dân tộc, là liên minh dân tộc. Năm nội dung đó thì ta không công khai để ra lập Mặt trận giải phóng dân tộc, để ra khẩu hiệu phản đế, nhưng mọi phong trào đều dựa vào những quan hệ hữu cơ và biện chứng của các khối liên minh mà phát triển. Cụ thể là phải xây dựng công nông liên minh làm nền tảng cho liên minh phản đế, phản

(1) Báo cáo chính trị. Ban chấp hành Trung ương xuất bản, trang 10.

phong ; phải phát triển liên minh phản đế, phản phong làm nòng cốt cho liên minh dân chủ chống phát-xít. Ba liên minh có dựa vào nhau, đoàn kết với nhau, đấu tranh nhau để phát triển. Phong trào 1937-1939 thiếu một nội dung dân tộc chính là ở ý nghĩa đó.

Sang thời kỳ 1939-1945, tình hình chung có thay đổi. Năm 1939, Mặt trận bình dân Pháp tan vỡ. Chính phủ phản động Đa-la-di-ê lên cầm quyền đàn áp phong trào thuộc địa. Năm 1940, phát-xít Nhật vào Đông-dương. Năm 1941, Mặt trận Việt-minh ra đời thay cho Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế thành lập năm 1939. Tháng 2-1943, Đảng đề ra thành lập Mặt trận dân chủ Đông-dương chống phát-xít Nhật. Điều kiện thực tế lúc này là liên minh dân tộc đã được xây dựng và phát triển mạnh mẽ. Khối liên minh công nông được vững chắc sau những phong trào Bắc-sơn, Nam-kỳ năm 1940. Sách lược mềm dẻo của Đảng đã lôi kéo được tư sản dân tộc, địa chủ phản đế tham gia Mặt trận. Mặt trận dân chủ được đề ra lúc đó nhằm thu hút ngoại kiều như Hoa kiều, Ấn kiều, Pháp kiều dân chủ và còn có khả năng thu hút cả binh lính Nhật chán ghét chiến tranh quay sang hàng ngũ ta. Ngoài ra, một khi Nhật quật ngã Pháp, ta có thể thu hút cả những tàn binh Pháp chống Nhật. Tuy đối tượng nhằm thu hút không nhiều và khả năng có thể thu hút được cũng rất hạn chế, nhưng tác dụng lớn lao của nó là ở chỗ bọn đế quốc Anh, Mỹ, Pháp trong phe Đồng minh, mặc dầu không muốn cho Việt-nam giành được độc lập nhưng chúng không thể coi cuộc đấu tranh của Việt-nam như một phong trào quốc gia riêng lẻ, mà buộc chúng phải công nhận Việt-nam là một trong những lực lượng dân chủ quốc tế chống phát-xít. Cho nên nói Mặt trận dân chủ là hình thức của nội dung dân tộc chính là ở ý nghĩa đó. Có đồng chí cho rằng Mặt trận dân chủ lúc này mới đề ra chứ chưa được thực hiện. Chúng tôi thấy hiểu như vậy là tách rời Mặt trận Việt-minh ra khỏi Mặt trận dân chủ, là chỉ nhìn vào số lượng người phát triển được ngoài Mặt trận Việt-minh mà không nhìn vào tác dụng quốc tế của nó.

Thực ra, ý nghĩa của cuộc liên minh dân chủ của ta đã vượt ra ngoài phạm vi quốc gia, chúng ta đã phối hợp được một cách uyển chuyển và linh hoạt trong phong trào giải phóng quốc gia với phong trào dân chủ quốc tế. Nếu thời kỳ 1937-1939 ta mới bắt tay được với Mặt trận bình dân Pháp thì năm 1943-1945 ta đã tranh thủ được dư luận ủng hộ của thế giới. Bọn phản động trong phe Đồng minh cũng không phủ nhận được sự đóng góp vào phong trào chống phát-xít của cách mạng Việt-nam. Và thắng lợi năm 1945 là thắng lợi của cả liên minh công nông, liên minh dân tộc và liên minh dân chủ, thắng lợi của cả đường lối chiến lược và đường lối sách lược. Tách một trong những cái đó ra là không toàn diện và biện chứng.

LIÊN MINH GIAI CẤP TRONG CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC

Từ ngày hòa bình lập lại, xã hội Việt-nam có hai mâu thuẫn cơ bản : mâu thuẫn giữa một bên là chủ nghĩa đế quốc xâm lược, chủ yếu là đế quốc Mỹ và giai cấp địa chủ phong kiến còn tồn tại ở miền Nam và một bên là nhân dân cả nước ta, dân tộc Việt-nam chúng ta ; và mâu thuẫn

giữa hai con đường là xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ở miền Bắc. Nhân dân Việt-nam phải đấu tranh để giải phóng miền Nam, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, đồng thời đưa miền Bắc tiến lên xã hội chủ nghĩa. Đất nước Việt-nam là một khối thống nhất, dân tộc Việt-nam chỉ có một mặt trận, đó là Mặt trận Tổ quốc Việt-nam. Nhưng do những mâu thuẫn cơ bản kể trên quy định, nên Mặt trận Tổ quốc không còn chỉ là Mặt trận dân tộc, dân chủ (dân chủ tư sản) nữa mà còn bao hàm nội dung dân tộc, dân chủ vô sản riêng cho miền Bắc. Cho nên Mặt trận Tổ quốc ở miền Bắc còn gọi là Mặt trận yêu nước và xã hội chủ nghĩa.

Như vậy là tiến lên chủ nghĩa xã hội chúng ta vẫn cần có mặt trận dân tộc thống nhất. Mặt trận này xuất hiện từ đặc điểm riêng của nước ta, một nước mà quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc chưa kết thúc, một nước mà mâu thuẫn giữa vô sản và tư sản có mặt đối kháng, lại có mặt không đối kháng. Nếu không có những đặc điểm trên thì chỉ cần liên minh giữa giai cấp vô sản với những tầng lớp lao động không phải vô sản, mà chủ yếu là liên minh công nông. V.I. Lê-nin đã nói : *«Chuyên chính vô sản là một hình thức liên minh giai cấp đặc biệt giữa giai cấp vô sản, đội tiền phong của những người lao động, và các tầng lớp lao động phi vô sản đông đảo»* (1). Liên minh giai cấp giữa giai cấp vô sản với các tầng lớp lao động khác cũng là một mặt trận, nhưng là mặt trận xã hội chủ nghĩa. Mặt trận yêu nước và xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc mang những đặc điểm của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam.

Mặt trận yêu nước và xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một liên minh giai cấp rộng rãi, bao hàm hai mâu thuẫn nội tại, mâu thuẫn giữa tính chất xã hội và tính chất tư hữu, tức là giữa vô sản với tiểu tư sản (kể cả nông dân), và mâu thuẫn giữa lao động và bóc lột, tức là giữa nhân dân lao động với giai cấp tư sản. So với Mặt trận dân tộc, dân chủ thì tuy cũng là vũ khí của giai cấp vô sản để đấu tranh diệt tiêu diệt giai cấp, nhưng Mặt trận dân tộc, dân chủ chủ yếu là vũ khí đấu tranh để tiêu diệt kẻ thù ở ngoài mặt trận tức là giải quyết mâu thuẫn bên ngoài, mà Mặt trận yêu nước, xã hội chủ nghĩa trước mắt lại là giải quyết mâu thuẫn bên trong, là để giáo dục các giai cấp bạn và đấu tranh để cải tạo giai cấp nửa bạn nửa thù là giai cấp tư sản. Mặt trận đó cũng làm nhiệm vụ giải phóng dân tộc nhưng với nội dung là đẩy mạnh cải tạo và xây dựng xã hội chủ nghĩa làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất đất nước và chống ngoại xâm. Do đó đường lối đoàn kết đấu tranh, đường lối liên minh công nông đã mang một nội dung mới. Cơ sở của đường lối đó là sự gặp gỡ giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội ở giai đoạn cuối cùng, là sự hòa hợp giữa đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc đang đi gần tới đích cao nhất là tiêu diệt giai cấp.

Chúng ta đều biết, thời đại chúng ta là thời đại mà chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội gặp nhau. Ở Việt-nam, thời đại đó bắt đầu từ năm 1930, khi mà giai cấp vô sản ra nắm quyền lãnh đạo. Nếu trong quá trình đấu tranh dân tộc, chủ nghĩa yêu nước đi công, nông, tiểu

(1) Sta-lin - Vấn đề chủ nghĩa Lê-nin - Sự thật xuất bản tháng 1-1956.

tư sản gặp chủ nghĩa xã hội ngay từ cao trào Xô-viết Nghệ Tĩnh thì ở giai cấp tư sản, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội đến giai đoạn này mới thực sự gặp nhau.

Thực vậy, người tư sản dân tộc Việt-nam do bị đế quốc chèn ép nên có ít nhiều tinh thần yêu nước. Dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, họ đã tham gia cuộc cách mạng phản đế và đồng tình với cuộc cách mạng phản phong. Nhưng mục tiêu của họ chưa phải là thực hiện chủ nghĩa xã hội. Hiện nay dân tộc ta đã giành được độc lập, trước mặt họ hai con đường đặt ra: con đường tư bản chủ nghĩa và con đường xã hội chủ nghĩa. Nếu họ muốn phát triển tư bản chủ nghĩa để duy trì độc lập dân tộc thì là không tưởng. Vì thời đại chúng ta hiện nay không còn là thời đại của chủ nghĩa tư bản « tự do » mà là thời đại đấu tranh giữa hai phe: xã hội chủ nghĩa và đế quốc chủ nghĩa. Nếu không đi con đường xã hội chủ nghĩa thì tất nhiên rơi vào nanh vuốt của đế quốc chủ nghĩa, đưa dân tộc bước vào vòng nô lệ lần thứ hai. Cho nên nhà tư sản ở miền Bắc sở dĩ còn gọi là dân tộc vì nhà tư sản đó còn yêu nước, mà yêu nước là phải tiếp thu cái tạo xã hội chủ nghĩa. Nếu trái lại, thì họ trở thành kẻ thù của dân tộc, và đứng ra ngoài hàng ngũ liên minh. Cho nên trong cuộc liên minh với giai cấp tư sản hiện nay, giai cấp vô sản vừa đoàn kết vừa đấu tranh để liên minh. Giai cấp tư sản vừa đấu tranh để tự cải tạo, vừa đấu tranh để tự phân hóa, rõ ra ai còn yêu nước, ai không yêu nước. Cách mạng là một quá trình đào tạo và đào thải. Kẻ không chịu tiếp thu cải tạo, tự tách mình ra khỏi liên minh sẽ bị cô lập và trở thành đối tượng chuyển chính của giai cấp vô sản.

Trong tình hình đấu tranh cách mạng trước mắt, nói chung giai cấp tư sản đang tiếp thu cải tạo. Phái hữu trong giai cấp tư sản đã bị đánh quỵ sau thời kỳ Nhân văn — Giai phẩm. Sách lược của Đảng lại hết sức mềm dẻo, giúp cho giai cấp tư sản ít phân hóa về phía hữu và chịu tiếp thu cải tạo. Điều kiện căn bản giúp cho cuộc cải tạo hiện nay được tốt là việc cắt đứt quan hệ giữa người tiểu sản xuất với giai cấp tư sản và giáo dục họ tiến theo con đường hợp tác hóa. Vấn đề này thuộc về phương pháp giải quyết mâu thuẫn trong liên minh thứ nhất, liên minh giữa vô sản và những người lao động khác, thể hiện trong phong trào hợp tác hóa công, nông nghiệp hiện nay.

Trong phong trào hợp tác hóa, giai cấp nông dân và giai cấp tiểu tư sản công, thương nghiệp vốn là lao động, dưới sự giáo dục của giai cấp vô sản, họ tán thành chủ nghĩa xã hội. Họ liên minh chặt chẽ với giai cấp vô sản ngay từ trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, và dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, họ vừa thoát ách nô dịch áp bức của đế quốc, phong kiến. Cho nên ở họ, lúc này chủ nghĩa xã hội gắn liền với chủ nghĩa yêu nước hơn bao giờ hết. Trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường ở nông thôn hiện nay, chủ nghĩa yêu nước và lòng căm thù đế quốc đã giúp họ để cao được nhiệt tình cách mạng, khắc phục xu hướng bảo thủ, tư hữu. Nhưng mặt khác, mâu thuẫn trong nội bộ khối liên minh lúc này lại bộc lộ ra hơn bao giờ hết, vì mâu thuẫn này, mâu thuẫn giữa tính chất tư hữu và tính chất xã hội đã đến thời kỳ phải giải quyết. Do tình hình đặc biệt ở Việt-nam như trên đã nói, đội hậu bị quân công nghiệp thuộc địa trước đây chiếm số rất đông và đã

vô sản thôn quê phần lớn đã trở thành bán nông hoặc trung nông lớp dưới. Tuy vậy, ở họ mặt lao động vẫn là chính mà mặt tư hữu là thứ yếu. Họ là chỗ dựa vững chắc của cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp hiện tại. Còn trong công, thương nghiệp thì những tiểu thủ công, dân nghèo thành thị cũng là chỗ dựa tốt cho phong trào hợp tác hóa. Riêng trong số tiểu tư sản khá giả, số trung nông lớp trên thì mặt tư hữu nặng hơn so với bán, trung nông lớp dưới và tiểu tư sản nghèo. Trong Mặt trận xã hội chủ nghĩa, họ là thành phần trung gian đứng trước sự tranh chấp giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản. Cho nên giai cấp vô sản phải tranh thủ giáo dục, lôi kéo họ ra khỏi ảnh hưởng của giai cấp tư sản, cắt đứt quan hệ giữa họ với giai cấp tư sản và dần dần đưa họ vào con đường hợp tác hóa. Như vậy, việc giải quyết đúng đắn mâu thuẫn trong liên minh công nông vẫn là cơ sở để đảm bảo thắng lợi cho cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa công, thương nghiệp tư bản tư doanh. Và công nông liên minh vẫn là cơ sở của Mặt trận yêu nước, xã hội chủ nghĩa. Mặt trận đó lấy cải tạo xã hội chủ nghĩa làm nội dung để đấu tranh, lấy chủ nghĩa yêu nước làm cơ sở để đoàn kết (1). Mặt trận đó đã và đang đem lại những thắng lợi to lớn.

Thắng lợi của Mặt trận xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một cổ vũ lớn lao, là chỗ dựa vững chắc cho phong trào đấu tranh dân tộc, dân chủ của nhân dân miền Nam và như vậy nhiệm vụ đấu tranh dân tộc vẫn gắn bó chặt chẽ cuộc cách mạng hai miền thành một thể thống nhất, mặc dầu hai miền thực hiện hai chiến lược cách mạng khác nhau.

Đền đây, một vấn đề cuối cùng cần được giải quyết, đó là Mặt trận dân tộc thống nhất ở Việt-nam xuất hiện có phải do yêu cầu khách quan của cuộc cách mạng không?

Chúng tôi thấy quá trình đấu tranh cách mạng là quá trình giải quyết những mâu thuẫn xã hội. Mâu thuẫn xã hội xuất hiện từ những quy luật phát triển của xã hội, mà bản thân quy luật là khách quan, không một giai cấp nào tạo được ra quy luật mà chỉ vận dụng được quy luật mà thôi. Quy luật phát triển của xã hội Việt-nam là quy luật cách mạng của một nước thuộc địa nửa phong kiến. Mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Việt-nam là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt-nam với đế quốc và tay sai phong kiến. Như vậy ngoài công, nông thì cả tiểu tư sản, tư sản dân tộc, địa chủ phần đều muốn chống đế quốc và bọn tay sai. Nhưng các giai cấp khác không nhận thức được rõ điểm đó, hoặc có nhận thức thấy một phần nào (tỉ như Phan Bội Châu kêu gọi mọi giới tham gia đánh Pháp), nhưng lại thiếu một quan điểm giai cấp đúng đắn để phân biệt rõ ta, bạn, thù và không nhận rõ được con đường phát triển tất yếu của cuộc cách mạng. Chỉ có giai cấp vô sản Việt-nam, một giai cấp tiên phong nhất, đại diện cho một lực lượng sản xuất mới, mạnh mẽ nhất, lại được vũ trang bằng lý luận Mác — Lê-nin và kinh nghiệm cách mạng vô sản quốc tế nên có khả năng nhận thức được thực tế khách quan, đã vận dụng được chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác vào hoàn cảnh Việt-nam, xây dựng nên một đường lối liên minh giai cấp đúng đắn. Vì vậy, khi nói « Mặt trận dân tộc thống nhất là một vũ khí của giai cấp vô sản » và « Mặt trận dân tộc thống nhất xuất hiện từ yêu cầu

(1) *Tôi nhấn mạnh* — V. T.

khách quan của cuộc cách mạng... (1) là đã mặc nhiên công nhận vai trò tổ chức và lãnh đạo của giai cấp vô sản rồi. Nếu cho rằng nói như trên là phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng, là quan niệm Mặt trận dân tộc thống nhất xuất hiện một cách tự phát thì cũng không khác nào ngày nay có người thắc mắc: «Miền Bắc tiến lên xã hội chủ nghĩa có phải do yêu cầu khách quan không, hay do ý muốn chủ quan của Đảng muốn kéo xã hội lên một khi thực tế khách quan chưa đòi hỏi». Chúng tôi thấy hai cách hiểu như trên, tuy nội dung khác nhau nhưng đều xuất phát từ nguồn gốc là phương pháp nhìn nhận sự vật một cách phiến diện, không thấy rằng chủ quan của giai cấp vô sản vốn đã bao hàm tính khách quan, nên đã đem đòi lập yêu cầu khách quan với năng động tính chủ quan của giai cấp đó.

Tóm lại, đường lối liên minh giai cấp của Đảng là một đường lối đấu tranh xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn cách mạng, là sự kết hợp sâu sắc giữa quyền lợi dân tộc và quyền lợi giai cấp, là sự phối hợp uyển chuyển giữa phong trào quốc gia và phong trào quốc tế, là sự chỉ đạo linh hoạt về chiến lược và sách lược, hay nói chung là một đường lối phát triển cách mạng một cách tự giác, dựa vào quy luật, mà chỉ có giai cấp vô sản mới có thể tiến hành được.

Điểm lại 30 năm lịch sử đấu tranh dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, từ liên minh công nông trong Xô-viết Nghệ Tĩnh đến liên minh xã hội chủ nghĩa ngày nay, toàn dân miền Bắc Việt-nam đã từng bước một giành được độc lập dân tộc, tự do dân chủ và ngày nay được sống hạnh phúc trong đất nước giàu đẹp đang tiến lên chủ nghĩa xã hội, mà cái *mắt* đi chỉ là *mắt* nạn nghèo nàn, đói rách của nhân dân lao động, *mắt* tẻ bóc lột, áp bức xấu xa của giai cấp địa chủ, tư sản. Đó là tính ưu việt của đường lối liên minh giai cấp thuộc phạm trù Vô sản mà không giai cấp nào có được. Nhưng cái được kể trên đã phải đổi bằng xương, bằng máu của giai cấp vô sản và quần chúng cách mạng. Nhân dân miền Nam hiện nay cũng đang đấu tranh anh dũng để giành lấy thắng lợi đó.

30-10-59

(1) Tập san *Nghiên cứu lịch sử* số 1, bài «Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của Mặt trận dân tộc thống nhất Việt-nam» của Văn Tạo.

BA MƯƠI NĂM THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG

LÃ VĂN LÔ

TRẢI qua 30 năm phấn đấu dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng, các dân tộc ở Việt-nam đã làm Cách mạng tháng Tám thành công, đưa kháng chiến đến thắng lợi và ngày nay đang đoàn kết phấn khởi nỗ lực xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giành thống nhất nước nhà. Nhờ có chính sách dân tộc đúng đắn của Đảng, các dân tộc thiểu số trước kia bị đế quốc và phong kiến khinh rẻ, áp bức, bóc lột, chia rẽ, đang vươn lên bước những bước tiến dài để theo kịp đà tiến chung của cách mạng, dần dần xóa bỏ tình trạng nghèo nàn và lạc hậu do lịch sử hàng ngàn năm để lại.

Hôm nay, kỷ niệm ngày thành lập Đảng, chúng ta thử nhìn qua quá trình thực hiện chính sách dân tộc của Đảng trong 30 năm qua, Đảng ta đã đặt vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong điều kiện cụ thể của Việt-nam và trong từng giai đoạn cách mạng như thế nào. Qua đó, chúng ta sẽ có thể rút ra những bài học kinh nghiệm để giúp chúng ta chấp hành chính sách dân tộc của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới là tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước. Vấn đề dân tộc không thể tách rời vấn đề cách mạng, mà là một bộ phận không thể tách rời của vấn đề cách mạng. Cho nên chính sách dân tộc của Đảng cũng phát triển theo các bước phát triển của cách mạng.

..

I. Đảng ta đã sớm đặt vấn đề dân tộc thành một vấn đề quan trọng trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Nước Việt-nam ta là một nước có nhiều dân tộc và trước Cách mạng tháng Tám là một nước thuộc địa và nửa phong kiến. Thực dân Pháp câu kết với giai cấp phong kiến Việt-nam đã áp bức bóc lột nhân

dân các dân tộc, đa số cũng như thiểu số, hết sức tàn nhẫn, kìm hãm bước tiến lên của xã hội Việt-nam. Các dân tộc thiểu số nói chung trình độ thấp hơn lại càng bị chế độ thực dân và phong kiến kìm hãm nặng nề, làm cho xã hội phát triển rất chậm và chênh lệch nhau. Trước Cách mạng tháng Tám, có vùng đã bước sang chế độ phong kiến địa chủ như vùng người Tày, Nùng, Chăm, Khơ-me Nam-bộ, xã hội phát triển tương tự như vùng người Việt ; có vùng còn duy trì chế độ thổ ty, lang đạo, phía tạo, tức là chế độ lãnh chủ phong kiến bóc lột theo lối nông nô thời trung cổ ; thậm chí có vùng còn nhiều tàn dư thị tộc, bộ lạc, sinh hoạt về mọi mặt của nhân dân còn rất thấp, như các vùng dân tộc rẻo cao miền Bắc, vùng dân tộc dọc Trường-sơn và Tây-nguyên. Đế quốc không những duy trì những chế độ lạc hậu để kìm hãm bước tiến lên của các dân tộc, mà còn ra sức chia rẽ, gây hấn thù giữa các dân tộc để thực hiện « chính sách chia để trị » rất thâm độc của chúng.

Nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa quốc tế vô sản để giải quyết vấn đề dân tộc là thừa nhận quyền dân tộc tự quyết và quyền bình đẳng giữa các dân tộc. Nhưng muốn thực hiện nguyên tắc đó trong một nước thuộc địa và nửa phong kiến như nước ta trước Cách mạng tháng Tám, trước tiên là phải xóa bỏ áp bức dân tộc, giải phóng các dân tộc khỏi chế độ thực dân và phong kiến, thực hiện dân tộc độc lập, tự do dân chủ và người cày có ruộng. Thực chất của vấn đề áp bức dân tộc là vấn đề áp bức giai cấp, cho nên phải đánh đổ giai cấp thống trị bóc lột, trước mắt là đế quốc và phong kiến thì mới vĩnh viễn xóa bỏ được mọi sự cách biệt, bất bình đẳng dân tộc, xây dựng tinh đoàn kết hữu hảo và sự hợp tác anh em giữa các dân tộc trong đại gia đình Tổ quốc Việt-nam.

Trong luận cương chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông-dương năm 1930 về cách mạng tư sản dân quyền, nhiệm vụ của Đảng về vấn đề dân tộc đã được ghi rõ :

...« Xứ Đông-dương hoàn toàn độc lập, thừa nhận dân tộc tự quyết ».

Đảng đề ra nhiệm vụ này là căn cứ vào hoàn cảnh thực tế lúc bấy giờ. « Xứ Đông-dương hoàn toàn độc lập, thừa nhận dân tộc tự quyết » có nghĩa là đế quốc phải trao trả chủ quyền cho xứ Đông-dương, các dân tộc ở Đông-dương có quyền tự định đoạt lấy vận mệnh của mình bằng cách tách ra khỏi ách thống trị của đế quốc, thành lập những quốc gia độc lập, hoặc tự do liên hợp thành lập một Liên bang Đông-dương độc lập. Đó là nhiệm vụ của Đảng về vấn đề dân tộc nói chung trong hoàn cảnh các dân tộc ở Đông-dương, kể cả đa số và thiểu số, đang bị đế quốc thống trị.

Trong thực tế đấu tranh cách mạng, đường lối chính sách vận động các dân tộc thiểu số dần dần được cụ thể hóa. Đường lối chính sách đó có thể tóm tắt như sau :

Đoàn kết các dân tộc trên nguyên tắc bình đẳng và tương trợ để tranh thủ độc lập, tự do, hạnh phúc chung.

Trong chương trình hoạt động của Đảng Cộng sản Đông-dương vạch ra năm 1932, Đảng đã phân tích một cách sâu sắc chính sách của thực dân Pháp đối với các dân tộc thiểu số và kêu gọi đứng lên chống kẻ thù chung là đế quốc và phong kiến :

« Từ lúc Đông-dương bị chiếm cứ, đế quốc chủ nghĩa vẫn thi hành chính sách chia rẽ và duy trì lòng ác cảm của dân tộc này đối với dân tộc khác. Đế quốc chủ nghĩa chiếm đoạt đất đai của dân tộc ở miền núi không chịu quy phục. Đế quốc dã man, đàn áp thẳng tay, cố bịt mắt hung tai họ lại. Các dân tộc nhỏ yếu ở Đông-dương dốt nát lạc hậu, không phải vì bản tính họ mà vì chính sách dã tâm của đế quốc vậy. Đế quốc lại bảo tồn chế độ phong kiến... còn ở thượng du, nó lại duy trì các chế độ tù trưởng để áp bức bóc lột cực kỳ dã man và tàn ác. Đảng kêu gọi lao động và các dân tộc thiểu số đứng lên :

— Đả đảo chính sách chia rẽ, chính sách gây oán sinh thù của đế quốc chủ nghĩa.

— Chống sự cướp đất và cưỡng ruộng.

— Bỏ hết thấy các lệ công sưu, công ích cho bọn phong kiến lớn nhỏ. Đánh đuổi hết thấy bọn phong kiến và bọn tù trưởng đã bán mình làm tôi đòi cho đế quốc.

— Bầu ra những Ban ủy viên nhân dân ».

Trong đường lối chính sách vận động các dân tộc thiểu số, Đảng chú ý đem lại quyền lợi thiết thân cho nhân dân các dân tộc :

« Trong mọi hoạt động đấu tranh hàng ngày của Đảng cần yêu cầu quyền lợi cho thanh niên, phụ nữ, cho dân tộc thiểu số và cho quần chúng lao động ngoại kiều » (Nghị quyết của Đại hội Đảng Cộng sản Đông-dương tháng 3-1935).

« Cho dân tộc thiểu số đòi :

— Giảm sưu thuế.

— Ngăn cấm những bọn thực dân chiếm đoạt ruộng đất của họ.

— Cho họ tự do kiếm cây đốn củi.

— Bỏ lệ bắt làm sưu tư ích.

— Bỏ thuế rượu »

(Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Bắc-kỳ tháng 8-1938).

Đảng lại đặc biệt coi trọng việc xây dựng phát triển cơ sở cách mạng ở các vùng dân tộc thiểu số; giáo dục, đào tạo cán bộ địa phương để làm cho các dân tộc dần dần có thể đảm đương được nhiệm vụ tự giải phóng cho mình :

« Phải tổ chức cho kỹ được những phần tử hăng hái của các dân tộc thiểu số vào Đảng »

« Phải đặc biệt chú ý vận động... các dân tộc thiểu số, phải nghiên cứu các phương pháp cụ thể để thực hành nhiệm vụ ấy »

(Nghị quyết của Ban Trung ương Đảng Cộng sản Đông-dương tháng 11-1939).

«Đặc biệt chú ý đào tạo cán bộ địa phương và cán bộ dân tộc thiểu số».

(Nghị quyết của Hội nghị toàn quốc Đảng Cộng sản Đông-dương tháng 8-1945).

Đảng chú ý nhất là nghị quyết của Trung-ương lần thứ 8 năm 1941, và nghị quyết của Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông-dương tháng 8-1945 đã đề ra thêm một số điểm cụ thể về chính sách dân tộc như quyền tự do dân chủ, phổ thông tuyển cử bình đẳng dân tộc, tự do phát triển văn hóa dân tộc và tiếng nói mẹ đẻ, v. v...

Trên đây là sơ lược về đường lối chính sách của Đảng về vấn đề dân tộc trong thời kỳ vận động cách mạng giải phóng dân tộc trước Cách mạng tháng Tám. Nhờ có đường lối chính sách đúng, Đảng đã sớm gây cơ sở cách mạng ở các vùng dân tộc thiểu số. Cơ sở Đảng ở miền núi đầu tiên đã được xây dựng ở Cao-bằng từ năm 1930, ngay sau khi thành lập Đảng, sau đó phát triển ra nhiều tỉnh ở Việt-bắc như Thái-nguyên, Bắc-cạn, Lạng-sơn. Từ năm 1940-1941 trở đi, việc phát triển cơ sở cách mạng ở vùng dân tộc thiểu số càng được chú ý. Căn cứ địa Việt-bắc được xây dựng và phát triển. Ngoài ra các đồng chí đảng viên của Đảng Cộng sản Đông-dương bị đế quốc bắt đi tù đày ở các miền dân tộc thiểu số đã vượt mọi khó khăn nguy hiểm để gây cơ sở cách mạng ở các vùng Sơn-la, Hòa-bình, Yên-bái, Ban-mê-thuột, miền Tây Quảng-ngãi, v.v...

Năm 1941, Mặt trận Việt-minh đã động viên, đoàn kết được rộng rãi các dân tộc, các tầng lớp tham gia phong trào chống Nhật Pháp cứu nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông-dương, các dân tộc thiểu số, sát cánh với đồng bào Việt đã làm cuộc khởi nghĩa Bắc-sơn (9-1945) và cuộc khởi nghĩa Ba-tơ (3-1945) đẩy mạnh thêm cao trào cách mạng chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa. Trong quá trình vận động cách mạng, các đoàn thể cứu quốc, chính quyền cách mạng đã thành lập ở các khu giải phóng đầu tiên xây dựng ở các vùng dân tộc thiểu số như Việt-bắc, Ba-tơ, thay thế cho bộ máy cai trị của thực dân. Việc cải thiện đời sống cho nhân dân ở các khu giải phóng cũng được chú ý như vận động sản xuất, chống khủng bố, bảo vệ tính mệnh tài sản của nhân dân, phá kho thóc Nhật để chia cho dân nghèo, thanh toán nạn mù chữ, v.v... Nhờ đó mà phong trào quần chúng ngày càng lên mạnh, mặc dầu bị đế quốc khủng bố hết sức dã man. Đảng đã động viên, đoàn kết được tất cả các dân tộc từ Bắc chí Nam tham gia Tổng khởi nghĩa, làm Cách mạng tháng Tám thành công.

II. Cách mạng tháng Tám thành công, quyền tham chính của các dân tộc thiểu số đã được thực hiện.

Điều căn bản nhất trong vấn đề cách mạng là vấn đề chính quyền, vấn đề nhà nước, vấn đề đấu tranh giai cấp để giành chính quyền. Cho nên, ngay sau khi mới giành được chính quyền, vấn đề đầu tiên

được chú ý là việc thực hiện quyền tham chính của các dân tộc thiểu số. Đường lối chính sách của Đảng đã được thể hiện trong Hiến pháp đầu tiên của nước Việt-nam Dân chủ Cộng hòa: « Tất cả quyền bình trong nước là của toàn thể nhân dân Việt-nam không phân biệt nòi giống... » và « Ngoài sự bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, những quốc dân thiểu số sẽ được giúp đỡ về mọi phương diện để tiến kịp trình độ chung ».

Từ sau Cách mạng tháng Tám, các cấp chính quyền từ xã đến trung ương đều có cán bộ dân tộc tham gia. Trong cuộc bầu cử đầu tiên Quốc hội nước Việt-nam Dân chủ Cộng hòa, gần 30 đại biểu dân tộc thiểu số đã được trúng cử.

Nhưng tham gia quản lý bộ máy nhà nước mới là bước đầu thực hiện quyền bình đẳng dân tộc. Còn phải tích cực giúp đỡ các dân tộc thiểu số phát triển kinh tế và văn hóa, xóa bỏ quan hệ sản xuất cũ để cho các dân tộc dần dần có đủ khả năng hưởng thụ quyền bình đẳng trên thực tế do cách mạng đã mang lại. Ngay sau khi Tổng khởi nghĩa, việc bãi bỏ chế độ phu phen tạp dịch, xóa bỏ dưới thời thuộc Pháp, việc tạm cấp ruộng đất tịch thu của đế quốc và bọn Việt gian phản quốc cho nông dân nghèo, việc giảm tô 25%, đi đôi với việc động viên hưởng dẫn sản xuất, khuyến khích khai phá ruộng đất hoang, v.v... đã cải thiện một phần đời sống của nhân dân lao động, làm cho mọi người phấn khởi tham gia xây dựng chế độ mới. Đồng thời công tác tuyên truyền, giáo dục được đẩy mạnh làm cho đồng bào các dân tộc thiểu số càng thấy rõ chính quyền cách mạng đem lại lợi ích thiết thực cho nhân dân lao động, khác với chế độ áp bức bóc lột của thực dân và phong kiến. Đường lối đúng của Đảng đã tranh thủ được số đông những nhân vật lớp trên các dân tộc và con cháu của họ ủng hộ và tham gia cách mạng.

III. Đoàn kết, kháng chiến, kiến quốc.

Chiến tranh bùng nổ, nhiệm vụ phản đế và phản phong càng phải tiến hành tích cực hơn để bảo vệ độc lập dân tộc và những thành quả của cách mạng. Nhiều vùng dân tộc thiểu số trước kia là căn cứ địa cách mạng trở thành căn cứ địa kháng chiến. Đặc biệt căn cứ địa Việt-Bắc, nơi tập trung các cơ quan đầu não của Đảng và Chính phủ, đã trở thành nơi trung tâm của cuộc kháng chiến toàn quốc. Công tác vận động dân tộc thiểu số lại càng được chú ý nhằm đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh kháng chiến và kiến quốc. Cơ sở các vùng dân tộc thiểu số được tích cực củng cố để tăng thêm sức chiến đấu của nhân dân, bảo vệ căn cứ địa kháng chiến, xây dựng lực lượng để tiêu diệt sinh lực địch, tiến lên giải phóng vùng đồng bằng và các thị trấn bị giặc tạm chiếm. Những năm đầu kháng chiến, khẩu hiệu diệt giặc đói, giặc dốt, giặc xâm lăng đã được tích cực thực hiện, nhất là ở những nơi tập trung các cơ quan chỉ đạo kháng chiến. Phong trào thi đua xây dựng xã về mọi mặt chính quyền, đoàn thể, dân quân du kích,

tăng gia sản xuất, cải thiện dân sinh phát triển rộng rãi ở nhiều địa phương, gây thêm phần khởi tin tưởng vào chế độ tốt đẹp của chúng ta và thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến.

Tổng kết được kinh nghiệm vận động dân tộc thiểu số từ trước cho tới mấy năm đầu kháng chiến, Đảng đã đề ra được chính sách cụ thể đối với các dân tộc thiểu số trong thời kỳ kháng chiến.

Tháng 2-1951, Đại hội của Đảng đã quyết nghị :

« Các dân tộc sống trên đất Việt-nam đều được bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, phải đoàn kết giúp đỡ nhau để kháng chiến và kiến quốc.

« Kiên quyết chống chủ nghĩa dân tộc lớn và chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, đánh đổ âm mưu gây thù hằn chia rẽ dân tộc của đế quốc và lũ Việt gian.

« Cải thiện đời sống các dân tộc thiểu số, giúp đỡ tiến bộ về mọi mặt, đảm bảo để họ tham gia chính quyền và dùng tiếng mẹ đẻ trong việc giáo dục ở các địa phương dân tộc thiểu số ».

Chính sách đó đã được cụ thể hóa thêm trong Nghị quyết của Bộ Chính trị tháng 8-1952. Nghị quyết này đặc biệt nhấn mạnh : *« Việc vận động các dân tộc thiểu số là một trong những công tác quan trọng vào bậc nhất của Đảng, Mặt trận và Chính phủ. Chính sách dân tộc là một bộ phận quan trọng trong chính sách đại đoàn kết của Đảng »* và đề ra được phương châm, nội dung cụ thể của công tác vận động dân tộc thiểu số.

Cuối năm 1953, trong khi quân đội nhân dân đang anh dũng chiến đấu để giải phóng hoàn toàn miền Tây-bắc, Đảng đề ra nhiệm vụ *« tiến tới lập khu tự trị dân tộc »*.

Thi hành đường lối chính sách của Đảng về vấn đề dân tộc, trong suốt thời kỳ kháng chiến, cán bộ hoạt động ở các vùng dân tộc thiểu số, vùng tự do cũng như vùng địch hậu, đều ra sức xây dựng cơ sở, đào tạo cán bộ, phát triển du kích chiến tranh, chống giặc giữ làng, vận động nguy binh, phá âm mưu « dùng người Việt đánh người Việt » của giặc. Đồng thời ra sức hướng dẫn, giúp đỡ nhân dân sản xuất, thực hành tiết kiệm, mở rộng mậu dịch để tiếp tế muối, vải, nông cụ cho nhân dân, thu mua lâm thổ sản ; phát triển rộng rãi bình dân học vụ, mở thêm trường phổ thông, khai thác và phát huy các vốn văn nghệ dân tộc để giáo dục, động viên nhân dân các dân tộc đoàn kết kháng chiến kiến quốc. Mặt khác Đảng đã lãnh đạo nông dân thi hành nhiều chính sách, biện pháp cải cách dân chủ, hoặc có tính chất cải cách dân chủ như tạm cấp ruộng công, ruộng chức, thi hành chính sách thuế nông nghiệp, khẩn hoang ; phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất ở một số địa phương, làm cho đại bộ phận ruộng đất trước kia do giai cấp bóc lột thống trị chiếm đoạt đã về tay nông dân lao động. Khối đoàn kết thống nhất dân tộc do đó ngày càng được mở rộng và củng cố, đánh tan được âm mưu lập các liên bang Thái, Mường, Tây-ky, tỉnh Nùng tự trị giả hiệu của giặc để chia

rẽ lừa bịp nhân dân các dân tộc hòng làm yếu lực lượng kháng chiến của ta. Thành công lớn lao nhất của Đảng trong việc thực hiện chính sách dân tộc là đã đoàn kết được toàn dân, huy động tất cả cho kháng chiến, đánh bại đế quốc xâm lược, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, lập lại hòa bình ở Đông-dương.

IV. Thực hiện chính sách khu vực tự trị dân tộc và vận động hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp hoàn thành cuộc cải cách dân chủ ở miền núi.

Hòa bình lập lại, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, chủ trương của Đảng « tiến tới lập Khu tự trị dân tộc » đã được thực hiện.

Việc thực hiện chính sách khu vực tự trị dân tộc chỉ là phát triển thêm một bước chính sách dân tộc của Đảng trong điều kiện hòa bình lập lại, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, tạo thêm khả năng cho các dân tộc thiểu số để thực hiện quyền bình đẳng do cách mạng đã mang lại. Việc thừa nhận quyền dân tộc tự quyết đối với các dân tộc ở Việt-nam không thành vấn đề nữa, vì đế quốc thống trị căn bản đã bị đánh đổ, các dân tộc đều có quyền tự do định đoạt lấy vận mệnh của mình và đang đoàn kết phấn đấu để thực hiện một nước Việt-nam thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Các dân tộc thiểu số sống trên đất Việt-nam đã hàng ngàn năm gắn bó với dân tộc Việt anh em về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, và trong một quá trình lịch sử lâu dài đã cùng nhau đoàn kết đấu tranh để bảo vệ và xây dựng đất nước. Nhất là cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là đế quốc và phong kiến trong 30 năm qua đầy gian khổ và vẻ vang dưới sự lãnh đạo của Đảng, càng thắt chặt thêm mối quan hệ tốt sẵn có giữa các dân tộc, gắn bó thêm vận mệnh của họ trong đại gia đình Tổ quốc Việt-nam. Tuy nhiên, giữa các dân tộc vẫn tồn tại những cách biệt, những chênh lệch về trình độ phát triển xã hội do lịch sử để lại, những ảnh hưởng của tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi của giai cấp thống trị. Mặt khác, mỗi dân tộc đều có những đặc điểm về sinh hoạt, văn hóa, ngôn ngữ riêng do một quá trình lịch sử lâu dài cấu tạo nên. Thêm vào đó, do bị đế quốc và phong kiến áp bức bóc lột từ lâu đời, nên các dân tộc thiểu số nói chung đều lạc hậu về mặt kinh tế và văn hóa, không đủ khả năng để hưởng thụ đầy đủ quyền bình đẳng về mặt chính trị, nhất là quyền tham gia quản lý bộ máy nhà nước. Cho nên, dựa vào đường lối của chủ nghĩa Mác – Lênin, kết hợp với hoàn cảnh cụ thể Việt-nam, Đảng đã đề ra chủ trương thực hiện chính sách khu vực tự trị dân tộc là chính sách cơ bản của Đảng để giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt-nam. Chính sách này nhằm làm cho các dân tộc thiểu số tiến bộ mau chóng về mọi mặt để thực hiện quyền làm chủ nhà mình dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, và sự giúp đỡ tận tình của các dân tộc anh em, chủ yếu là dân tộc Việt.

Khu vực tự trị dân tộc căn cứ vào khu vực dân tộc thiểu số ở tập trung và nguyện vọng của đại đa số nhân dân mà thành lập là một bộ phận không thể tách rời khỏi lãnh thổ Việt-nam, chịu sự lãnh đạo thống nhất, phục tùng đường lối chung của Đảng và Chính phủ. Nhân dân trong khu vực tự trị được hưởng những quyền lợi tự trị căn cứ vào đường lối chính sách chung và đặc điểm địa phương mà đề ra, được Đảng và Chính phủ giúp đỡ về mọi mặt để mau tiến kịp trình độ chung.

Thực tế trong mấy năm nay đã chứng minh chính sách khu vực tự trị dân tộc của Đảng rất phù hợp với quyền lợi và nguyện vọng của nhân dân các dân tộc thiểu số đã bị lệ thuộc từ bao đời dưới chế độ áp bức bóc lột.

Việc thành lập các khu tự trị đã làm cho nhân dân các dân tộc thêm đoàn kết phấn khởi, tăng cường thêm ý thức làm chủ nhân ông đất nước, phát huy được mọi khả năng và tinh tích cực của cán bộ và nhân dân địa phương để xây dựng đất nước. Về mặt chính trị, đồng bào các dân tộc đã cùng nhau giải quyết được nhiều mâu thuẫn thành kiến dân tộc do đế quốc và phong kiến gây ra từ lâu đời, càng thêm tin tưởng vững chắc vào chính sách dân tộc của Đảng. Việc khai thác, phát huy vốn cũ dân tộc đang có đã phát triển, việc nghiên cứu đặt chữ và cải tiến chữ dân tộc cũng đang tích cực tiến hành để xây dựng một nền văn hóa với hình thức dân tộc và nội dung xã hội chủ nghĩa.

Hội nghị Trung ương lần thứ 16 đã nêu nhiệm vụ của miền núi là: « *Vận động hợp tác hóa, phát triển sản xuất và kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ* ».

Cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi đang tiến hành và bước đầu đã đem lại những kết quả tốt. Chính sách dân tộc của Đảng phát triển thêm một bước mới trong việc thực hiện quyền bình đẳng dân tộc, đề đưa các dân tộc thiểu số cùng toàn thể nhân dân miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Nhìn qua 30 năm thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, chúng tôi thấy sơ bộ có thể rút ra những bài học kinh nghiệm sau đây:

1. Chỉ có Đảng tiên phong của giai cấp vô sản, vô trang bằng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, mới có thể lãnh đạo đoàn kết các dân tộc bị áp bức đứng lên đấu tranh giải phóng khỏi ách thống trị của giai cấp bóc lột, vì quyền lợi của Đảng, của giai cấp hoàn toàn phù hợp với quyền lợi của nhân dân lao động các dân tộc bị áp bức. Giải phóng các dân tộc bị áp bức tức là đánh đổ được giai cấp bóc lột thống trị đồng thời cũng là giải phóng cho giai cấp mình.

2. Trong công tác vận động cách mạng ở vùng dân tộc thiểu số, việc mở rộng và củng cố mặt trận dân tộc thống nhất hết sức cần thiết. Nhưng thực chất của vấn đề đoàn kết dân tộc là vấn đề củng cố khối công nông liên minh giữa giai cấp công nhân các dân tộc tiên

tiến, chủ yếu là dân tộc Việt với nông dân các dân tộc thiểu số trên hai phần ba đất nước. Khối công nông liên minh có vững chắc thì mới có cơ sở để mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

Lại cần đặc biệt chú ý giúp đỡ các dân tộc thiểu số phát triển kinh tế và văn hóa, nâng cao sinh hoạt, đào tạo cán bộ, để quần chúng lao động các dân tộc có thể hưởng thụ được những quyền lợi mà họ đã giành được, do đó tăng cường thêm khối công nông liên minh, xây dựng sự hợp tác anh em giữa các dân tộc là điều kiện cần thiết cho thắng lợi của cách mạng và của chủ nghĩa xã hội.

Điều quan trọng hơn hết là phải nắm vững lý luận của chủ nghĩa Mác – Lê-nin về vấn đề dân tộc, nắm vững đường lối chính sách dân tộc và học tập những kinh nghiệm quý báu của Đảng ta trong 30 năm qua đã giải quyết một cách rất tài tình vấn đề dân tộc ở Việt-nam, đưa các dân tộc từ những thắng lợi này sang những thắng lợi khác, đi tới những thành công tốt đẹp như ngày nay.

‘ PHẤN ĐẤU ĐỂ TRỞ’ NÊN MỘT ĐẢNG VIÊN CỘNG SẢN

Hồi ký của
TRẦN HUY LIÊU

TÔI không được sung sướng như nhiều đồng chí khác một khi nhảy vào cách mạng thì được gia nhập ngay hàng ngũ của Đảng. Trên con đường tham gia cách mạng theo chủ nghĩa dân tộc, tới khi có khuynh hướng xã hội chủ nghĩa, cho tới khi giác ngộ xã hội chủ nghĩa trên lập trường giai cấp công nhân, tôi đã phải sống với những mâu thuẫn gay gắt, cái mới xung đột với cái cũ, cái cũ chống lại một cách bướng bỉnh, giằng dai và cuối cùng, cái mới dần dần lấn át cái cũ. Trong quá trình trường kỳ xung đột ấy, nghĩa lý Nho giáo của phong kiến gia truyền cộng với tình cảm tiểu tư sản của giai cấp đã giầy vò tôi, cắn rứt tôi, cố níu tôi lại đương lúc ánh sáng của Cách mạng tháng Mười đã tỏa ra khắp năm châu bốn biển, đảng của giai cấp công nhân Việt-nam đã thành lập, lý trí của tôi đã vạch cho tôi rõ lúc này chỉ có một con đường cách mạng chân chính, cách mạng triệt để là cách mạng xã hội chủ nghĩa. Do đó, tôi đến với Đảng không phải bằng con đường bình thản, mà là khuất khúc, gập ghềnh. Ngày nay vinh dự được đứng dưới lá cờ Đảng, đi theo đường lối của Đảng, tôi cảm thấy như đứa con khó khăn mới được gặp mẹ thì khi gặp được mẹ vui sướng biết bao nhiêu ! Bài hồi ký này tôi viết đã lâu, hôm nay đọc lại có sửa đổi đôi chút. Nhưng về phần ý niệm và tình cảm thì vẫn « nguyên phong » không động đến.

* *

Cuộc khởi nghĩa Yên-bái của Việt-nam Quốc dân đảng thất bại một cách mau chóng. Tin ấy đến với chúng tôi, những đảng viên Việt-nam Quốc dân đảng bị bắt trước vụ Yên-bái và lúc ấy đương bị giam ở Hòn-cau, một đảo nhỏ trong quần đảo Côn-lôn, không phải gây một thất vọng, mà nóng vội muốn có ngay một trận báo thù. Âm mưu phá ngục Côn-lôn của Phạm Tuấn Tài và một số người trong Việt-nam Quốc dân đảng cùng Bưu Đình định cử sự vào tháng 7-1930 đã bị bại lộ. Sang đến Hòn-cau, tôi và anh Tài thỉnh thoảng lại ngâm câu thơ cũ:

江東子弟多才俊
Giang-dông tử đệ đa tài tuấn,
捲土重來未可知
Quyển thổ trùng lai vị khả tri. (1)

rồi nhìn nhau gật gù một cách rất thông cảm.

Phần thi thương cảm các đồng chí cũ như anh Học, ông Nhu, anh Phó Đức Chính, anh Nguyễn Văn Viên đã chết vì đảng vì nước, phần thi khí phách cá nhân anh hùng lên tới cao độ, tôi phát tiết ra ở nhiều bài thơ cảm tác:

Núi xanh ngấn ngắt, biển mù khơi,
Trên bãi Hòn-cau một khách ngồi.
Chốn cũ trông về mây khói phủ,
Việc xưa nghĩ lại ruột gan sôi.
Giam cầm chưa đủ dành cho phận,
Gánh vác mong còn có những ai!
Việc đảng việc mình không ngủ được,
Ầm ầm tiếng sóng vỗ bên tai.

và:

Trống trận khua vang khắp địa cầu,
Ta đâu nằm xó mũi Hòn-cau.
Sa cơ vẫn thẹn mình thua sức,
Vì nghĩa thêm thương bạn mất đầu.
Chưa chút công lao trong dịp trước,
Còn nhiều cơ hội với mai sau.
Ai về nhắn hỏi ai trong ấy:
Gánh nặng đường xa đã đến đâu?

Cho đến bài thơ làm sau khi bị ngã lỗ đầu, què chân ở hang Yến Hòn-cau cũng vẫn đượm một khí phách ấy:

(1) Dịch: Giang-dông còn lắm tay tài tuấn,
Cuốn đất trở lại chưa biết chừng.

Non nước trông vời đã bấy lâu,
 Nhào lặn một chuyến dầm kêu đau.
 Mấy lần hang thẳm chìm chào khách,
 Trăm thước non cao đá thử đầu.
 Đờ máu vẫn chưa nhòa vết cũ,
 Nằm gai còn những tỉnh mưu sau.
 Vang trời « hú » với ai đồng chí :
 Phận sự chưa rồi dễ chết đâu !

Tuy vậy, về phương diện tình cảm, nếu cứ một chiều bốc mãi lên mà kết quả là một cuộc manh động thì không nói làm gì. Đảng này, về phương diện tư tưởng cũng mỗi ngày một biến hóa, màu thuẫn biểu hiện ra ngay trong nội bộ.

Nói cho đúng, ngay khi mới gia nhập Việt-nam Quốc dân đảng, tôi đã bắt đầu phai lạt tư tưởng « vị chủng, sùng quốc » (chauvinisme) rồi. Căn cứ vào câu trọng tâm trong bản chương trình hành động của Việt-nam Quốc dân đảng là « trước làm cách mạng dân tộc, sau làm cách mạng thế giới », tôi vẫn tự nhủ mình và tuyên truyền với người khác là : cách mạng thế giới là giai đoạn cuối cùng, cách mạng dân tộc là bước đường trải qua. Ví như người từ Nam-dịnh đi Hà-nội, mục đích là đến Hà-nội nhưng thề nào cũng phải đi qua Phủ-lý... Tôi ghét những người nói huênh hoang làm cách mạng ở đầu đầu. Nhưng tôi cũng không ưa những người theo chủ nghĩa quốc gia với tinh thần bài ngoại. Trong khi làm đại biểu cho đảng bộ Việt-nam Quốc dân đảng ở Nam-kỳ, tôi vẫn chơi thân với Hải Triều và mượn Hải Triều những tài liệu của đảng Tân Việt như *Chủ nghĩa cộng sản A.B.C.*, *Công xã Pa-ri* v.v... truyền bá vào trong đảng. Năm 1929, trong quyển *Câu truyện chung* ký tên Hận nhận xuất bản tại Sài-gòn, quyển này bị thực dân Pháp tịch thu sau khi phát hành được 4 ngày, tôi đã viết những câu : « Lúc này, nếu ai chỉ nói cách mạng quốc gia thì không khỏi chật hẹp cũng như ai chỉ nói cách mạng thế giới thì không khỏi vu khoát (bông lông) ». Tôi tin vào nhận định của tôi cũng như tin vào đường lối của Việt-nam Quốc dân đảng bấy giờ.

Rồi, cái tin tưởng của tôi đã bị phá sản sau những ngày tiếp xúc với một số đồng « đồng chí » của tôi tại Côn-đảo, mà trước tiên là ở Hòn-cau. Những người này đều bị bắt từ đầu năm 1929, trước cuộc khởi nghĩa Yên-bái, hầu hết là những người sáng lập, những tay tổ chức đầu tiên, những ủy viên trung ương hay những cán bộ phụ trách từng địa phương.

Trình độ của tôi lúc ấy chưa cho phép tôi có một quan điểm giai cấp sáng suốt để nhìn người xét việc, mà cứ tin là người trong một đảng, thì tất nhiên tư tưởng và hành động phải giống nhau như hệt. Một ngạc nhiên đã đến với tôi là những nhận định từ trước của tôi đã bị va chạm ngay từ buổi đầu, chung quanh chủ nghĩa cộng sản. Cuộc xung đột tư tưởng chẳng những diễn ra ở dưới bóng dừa, trong vườn chuối của những buổi đi làm « cỏ vè », ở bãi cát, mỏm Bồ-đề, dưới rặng cây vọng-cách của những buổi chiều dạo mát ; mà còn ở cả các cuộc hội nghị, các bản kịch đem diễn, các bài hát phổ biến và sau hết là các báo chí. Lúc ấy, ngoài tờ *Hòn-cau tuần báo* viết bằng tay là cơ quan thông tin tức, nói chuyện vui ra, chúng tôi còn có hai tạp chí *Tiếng sóng biển* và *Bàn góp* là những diễn đàn lý luận. Bài « Phản đối thuần túy quốc gia chủ nghĩa và phiếm thế giới chủ nghĩa » của tôi bấy giờ đã thành một tiêu điểm tranh luận. Thực ra, tôi không gặp những đối thủ trên giấy mực, nhưng đã bị uy hiếp rất nhiều bằng thái độ khiêu khích, bằng vũ lực. Tối hôm 9-2-1931, trong cuộc lễ kỷ niệm một năm cuộc khởi nghĩa Yên-bái, giải thích về chủ trương của đảng và màu cờ nửa đỏ nửa vàng, tôi đã « thắng trận » trên diễn đàn giữa những tiếng vỗ tay vang dậy ; trong đó có cả mấy người trong phe đối lập. Nhưng chỉ mấy hôm sau, một cuộc chát vẫn có âm mưu từ trước đã xảy ra. Tại trụ sở Việt-nam Quốc dân đảng, tôi đương đứng giải thích về quan niệm của mình trước và sau khi vào đảng, thì, chiếc đèn bồng bị tắt phụt, rồi những trục gỗ, thanh củi từ bốn phía lao vào như bão táp hòa lẫn với những tiếng hò hét om sòm. Diễn đàn tranh luận bồng trở nên trường loạn đả. Đêm hôm ấy và những đêm sau, tôi và Nguyễn Phương Thảo (tức Trung tướng Nguyễn Bình sau này) phải thay phiên nhau kẻ thức người ngủ để bảo vệ lẫn nhau, đề phòng một cuộc mưu sát bất ngờ.

Tình thế mỗi lúc một thêm gay go. Người ta hồi hộp chờ đợi một sự biến có thể xảy ra. Phạm Tuấn Tài, một sáng lập viên của Việt-nam Quốc dân đảng và là người lúc ấy được anh em tin nhiệm hơn cả, buộc phải đứng ra trang trải cuộc xung đột này, hay ít ra cũng tìm cách thỏa hiệp tạm thời. Do đó, một trong những câu hỏi được viết ra truyền đi khắp mọi người có đảng tịch Việt-nam Quốc dân đảng là : anh có công nhận chủ trương của đảng đã được vạch ra trong bản chương trình điều lệ lần thứ nhất là trước làm cách mạng dân tộc sau làm cách mạng thế giới không ? Cố nhiên là ai cũng trả lời rằng có.

Rồi đó, một ban phụ trách giải thích chủ nghĩa đảng, căn cứ vào câu trên, được đề cử ra, gồm có 6 người :

Phạm Tuấn Tài
Lê Văn Phúc
Nguyễn Ngọc Sơn
Nguyễn Văn Viễn
Trần Huy Liệu
Nhượng Tống.

Không khi gay go trở nên hòa hoãn dần. Sau những ngày thảo luận không lấy gì làm kịch liệt, tiểu ban đi tới chỗ giải thích chủ nghĩa đảng một cách rất bao quát : « Trước làm cách mạng dân tộc sau làm cách mạng thế giới có nghĩa là trừ bỏ những áp bức về chính trị, kinh tế và xã hội (cách mạng) để mưu hạnh phúc cho người Việt-nam (cách mạng dân tộc) và người thế giới (cách mạng thế giới) ».

Bản giải thích vô thường vô phạt này cũng được hội nghị toàn thể thông qua rất mau chóng. Mọi người như thấy thở một cái « phào ».

Sau đó, ban giải thích tiếp tục làm công việc vạch ra mấy nét lớn về cương vị của quốc gia sau này. Mọi người đồng ý trong một câu : « Quốc gia độc lập ở trong một thế giới hòa bình, hay nói cách khác, một thế giới hòa bình gồm có những quốc gia độc lập ». Nhiều người đã tưởng sự cừu thi về tư tưởng giữa một số đảng viên Việt-nam Quốc dân đảng đến đây là thu xếp xong. Nhưng sự thực, luồng tư tưởng của mỗi người còn bất rã ở mỗi giai cấp, mỗi hoàn cảnh với những khuôn đúc khác nhau. Nó không thể trang trải bằng một câu giải thích hời hợt, cũng không thể « chín bỏ làm mười » trong cuộc đấu tranh về lập trường tư tưởng. Có một điều là : những người thù ghét chúng tôi vì thù ghét chủ nghĩa cộng sản và coi chúng tôi đã bị « nhuộm đỏ ». Nhưng về phần chúng tôi, lúc ấy, chúng tôi còn « cộng sản hơn cả người cộng sản ». Nói rõ hơn, chúng tôi hiểu chủ nghĩa cộng sản không phải trên lập trường giai cấp, mà là say mê vì lý tưởng tốt đẹp của nó. Chúng tôi không biết kết hợp chủ nghĩa ái quốc chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, lại cũng không biết phân biệt chủ nghĩa quốc gia chống đế quốc ở một xứ thuộc địa với chủ nghĩa quốc gia của bọn tư bản cá mập. Chẳng những thế, chúng tôi không biết gì về công tác mặt trận là phải đoàn kết với những phần tử tiến bộ để chống kẻ thù chung là thực dân và đặc biệt ở trong nhà tù, là chống chế độ hà khắc và bảo vệ quyền lợi cho những người bị áp bức. Chúng tôi không

thỏa mãn với câu định nghĩa ở trên. Chúng tôi cứ nhè chủ nghĩa quốc gia, thậm chí hai tiếng « quốc gia » để mặt sát. Thế là những cuộc tranh luận nảy lửa lại diễn ra. Ban giải thích vô hình trung đã tự giải tán. Một bản kịch do Nhượng Tống soạn, tả cảnh một tòa án Ba-lan xử tử bọn cộng sản là bọn phản quốc để ám chỉ chúng tôi với những lời lẽ rất khiêu khích. Gió biển Hòn-cau không làm tan được làn không khí âm ỉ đương bao trùm một phần đảo.

Tuy vậy, phân tích rõ rệt được tư tưởng của chúng tôi bấy giờ là một điều rất khó khăn, phiền phức. Tôi một mặt tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, nhưng vẫn viết báo bài xích những người cộng sản ở bên cạnh chúng tôi ; một mặt khác, chống chủ nghĩa quốc gia, nhưng vẫn không nỡ lia bỏ Việt-nam Quốc dân đảng. Để giải quyết những mâu thuẫn trên, mấy người trong chúng tôi đi đến chỗ dự định là vượt khỏi Hòn-cau để về nước làm việc, cải tổ lại Việt-nam Quốc dân đảng, đổi tên đảng và xây dựng cho đảng một chủ nghĩa mới. Về tên đảng, Phạm Tuấn Tài vẫn luyến tiếc tên cũ nên chỉ tán thành để là Tân Việt-nam Quốc dân đảng. Còn tôi thì muốn đổi là đảng Cách mạng Xã hội Việt-nam hay đảng Nhân dân Việt-nam. Nhưng đến chuyện xây dựng một chủ nghĩa mới cho đảng thì cố nhiên không phải chuyện dễ. Chúng tôi lúc ấy đều có biết ít nhiều về lý luận của chủ nghĩa cộng sản, nhưng điều cần thiết là phải có một vài điểm gì đánh dấu sự sai khác với chủ nghĩa cộng sản. Bàn đi bàn lại những điểm mà chúng tôi « nặn » ra hay vay mượn của một vài chủ nghĩa khác đều thấy không vững, đều bị lý luận của chủ nghĩa cộng sản đánh đổ. Nhưng biết làm thế nào ? Một là chúng tôi cố bám lấy chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi, chống chủ nghĩa cộng sản, nghĩa là đứng trên lập trường của giai cấp tư sản. Hai là chúng tôi muốn dân tộc được giải phóng hoàn toàn, chống đế quốc và phong kiến thì không có lý do gì chống chủ nghĩa cộng sản hay đi con đường nào khác hơn của những người cộng sản. Nói thật tình, chúng tôi « thích thú » chủ nghĩa cộng sản, nhưng vẫn không muốn, hay nói đúng hơn, không nỡ để cho Việt-nam Quốc dân đảng chết. Việt-nam Quốc dân đảng còn muốn sống, còn có đất hoạt động thì phải có cái gì khác với cộng sản. Đồng thời với việc « xây dựng chủ nghĩa », chúng tôi vẫn xúc tiến việc tổ chức vượt ngục, nghĩa là vượt đảo Hòn-cau. Đã có lần, thừa lúc đêm tối, chúng tôi từ mỏm Bồ-đề ở phía đầu bãi mào hiểm bơi ra biển tìm đến chiếc tàu đánh cá của Nhật-bản đậu ở ngoài khơi để xin cho trốn vào, đất liền, nhưng bị cự tuyệt. Từ đó, hy vọng duy nhất của chúng

tôi bấy giờ chỉ còn là đồng bè vượt biển. Cuộc tiến hành hết sức bí mật chẳng những đối với mấy người lính canh giữ trong đảo, mà còn cả với những người trong bọn nhưng ngoài cục.

Điều kiện kiếm tre và đóng bè ở Hòn-cau dễ hơn ở Cồn-lòn nhiều. Trong bọn chúng tôi, mấy người được ủy thác về việc tổ chức cuộc thoát hiểm đã chặt tre tích lũy dấu kín một chỗ rồi bí mật đóng bè, đồng thời chuẩn bị lương thực cũng những vật cần dùng. Tại nhà tù Cồn-lòn, những anh em ra làm ngoài tổ chức được một cuộc thả bè trốn là cả một công trình vĩ đại và gian khổ mà thất bại là thường. Nhưng ở hoàn cảnh chúng tôi lúc đó, công việc tiến hành không gặp gì khó khăn, chỉ cần giữ bí mật là được. Đêm hôm ấy, dưới bóng trăng vắng vạc, sóng biển không to lắm, tại « bãi con » ở phía sau đảo Hòn-cau (1), mấy anh em chuyển bè xuống nước. Bè to hơn những bè trốn ở Cồn-lòn nhiều. Trên bè còn có hàng giậu chắn như một cái chuồng để phòng sóng biển tràn qua không cuốn người và vật dung theo. Thùng nước ngọt được bung bít hàn gắn rất cẩn thận có vòi để uống. Các anh Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Phương Thảo, Tưởng Dân Bảo, Phạm Hữu Phụng, Nguyễn Văn Viên... ung dung xuống bè. Tôi vì vết thương ngã núi chưa khỏi phải ở lại. Ngoài những vật dụng ra, một vật « thiêng liêng » nhất mang theo trong người Phạm Tuấn Tài là bản tuyên ngôn và chương trình hoạt động do chúng tôi xây dựng từ trước. Lúc chia tay, chúng tôi ăn với nhau một con gà luộc rất khoái trá !

Thế nhưng thực dân Pháp đặt chúng tôi ở hòn đảo nhỏ hẻo lánh này có phải hờ hênh quá để chúng tôi được trốn thoát một cách dễ dàng đâu ! Chúng tôi sợ dĩ thả lỏng chúng tôi ở đây là vì đã có một cái bảo đảm cho chúng là dòng nước xoáy lượn chung quanh đảo. Do đó, chiếc bè của mấy anh em lúc đầu mới thả xuống thì theo sóng gió mỗi lúc một xa bờ. Chúng tôi đứng trên nhìn chiếc buồm nâu khuất dần dưới bóng trăng thì thở phào một cái, bụng bảo dạ : ngày mai mấy anh mã-tà (2) ở đây có đốt một ngọn lửa (3) báo về Cồn-lòn thì bè cũng đã

(1) Chúng tôi ở bãi lớn phía trước đảo. nếu không có việc gì ít khi sang tới bãi con sau đảo.

(2) Mã-tà : tiếng trong Nam gọi những lính canh sát hay giám thị làm việc cho bọn thống trị Pháp.

(3) Theo qui ước, vì giữa Cồn-lòn với Hòn-cau không liên lạc được bằng điện thoại nên phải đốt lửa làm hiệu : 3 ngọn lửa là báo hiệu có những vật gì nộp về Cồn-lòn ; 2 ngọn lửa báo hiệu có người ốm nặng ; 1 ngọn lửa là có biến động hay tù trốn.

đi xa rồi. Chúng tôi im lặng trở về nhà ngủ, chờ những sự biến sẽ đưa đến trong sáng mai một khi tin tù trốn đã báo về Côn-lôn.

Theo lệ thường, mỗi buổi sáng dậy có cuộc điểm mặt những người bị giam trong đảo. Hôm ấy, mấy tên lính canh đã hoảng người lên thấy thiếu mặt 6 người. Lục soát một hồi không thấy, chúng vội đi đốt lửa báo về Côn-lôn. Mọi người đổ ra bờ biển, thì, một cảnh đau lòng không ngờ hiện ra là chiếc bè với cánh buồm nâu đương từ từ lượn vào gần đảo theo dòng nước xoáy. Thì ra, kẻ « đồng minh » với bọn đế quốc là dòng nước xoáy ác nghiệt kia nhất định không cho chiếc bè thoát hiểm nên đi một vòng rồi lại quay trở lại, cứ như thế trong vòng lẩn quẩn... Kết quả ra sao, mọi người đều có thể đoán biết. Trước khi bọn thống trị Côn-đảo được tin cho tàu đi lùng bắt, tên Pháp coi chiếc đèn hải đăng ở Bãi Canh, đối diện với Hòn-cau, đã đi ca-nô, bắn súng thị oai chặn chiếc bè lại. Mấy anh em tôi vừa sống những giờ phút trời biển mệnh mang đã trở lại cái đời cùm xích. Cũng may là trước lúc bị bắt, những văn kiện quan trọng đã cho xuống biển cả.

..

Năm 1932, sau việc tù trốn kể trên, bọn thống trị Pháp thấy không thể thả lỏng chúng tôi ở Hòn-cau được nữa, nên bắt chúng tôi về nhốt tại Côn-lôn. Lúc ấy, hàng nghìn chính trị phạm từ các cuộc khởi nghĩa Yên-bái và cao trào cách mạng 1930-1931 do Đảng Cộng sản Đông-dương lãnh đạo đã đầy ngập các khám tù. Côn-lôn dưới chính lệnh hà khắc của thực dân Pháp đã chôn không ít những người con yêu của Tổ quốc ta. Nhưng Côn-lôn, với công tác cách mạng, đã trở nên một trường học lớn để đào tạo cán bộ cung cấp cho phong trào sau này. Do đó, việc rèn luyện lý luận và đấu tranh tư tưởng càng ráo riết. Riêng nhóm Việt-nam Quốc dân đảng sau khi từ Hòn-cau về Côn-lôn, cuộc đấu tranh về tư tưởng lại xoay sang một thế trận khác. Phần lớn những đảng viên Việt-nam Quốc dân đảng ở Côn-đảo bấy giờ đều bị bắt trước hay sau vụ khởi nghĩa Yên-bái nên chỉ biết có chủ nghĩa tam dân là chủ nghĩa chính thức của đảng, mà không hề biết đến những bản chương trình điều lệ thảo ra từ ngày mới thành lập đảng và sau đó, đầu năm 1929. Tình trạng ấy càng làm cho việc thống nhất tư tưởng trong việc nhận định chủ nghĩa đảng thêm phiền phức.

Sau những ngày tranh luận bằng báo chí xuất bản trong nhà tù và thư từ riêng lẻ, một cuộc trưng cầu ý kiến giữa những người bị bắt về Việt-nam Quốc dân đảng tại Côn-lôn gồm cả những án khổ sai, cấm cố, phát lưu ở trại tù (bagne) số 1, số 2, số 3 và rải rác các sở trên đảo đã đi đến tổng biểu quyết. Hầu hết đều tuyên bố theo chủ nghĩa tam dân. Một số ít công nhận chủ nghĩa tam dân là chủ nghĩa chính thức của đảng, nhưng còn phải nghiên cứu rồi sẽ có ý kiến. Thực ra, đám thiểu số này, ngay từ lúc ấy đã không tin tưởng vào chủ nghĩa tam dân rồi, nhưng vì họ muốn « mồm cấp nấp đậy » trong hoàn cảnh khó khăn của nhà tù nên tìm cách « hoãn binh » đẩy thời. Kết quả chỉ có 6 người chúng tôi tuyên bố rõ ràng là không theo chủ nghĩa tam dân, nhưng vẫn đứng trong hàng ngũ Việt-nam Quốc dân đảng.

Sáu người là : Trương Dân Bảo (1)

Nguyễn Văn Viễn (2)

Lê Văn Phúc (3)

Hoàng Thúc Dị (4)

Nguyễn Phương Thảo (5)

Trần Huy Liệu.

Đến đây, Phạm Tuấn Tài và tôi đã đứng trên hai lập trường khác nhau mặc dầu vẫn cùng chung một tâm sự. Thực ra, anh Tài không phải là tin đồ của cụ Tôn Trung Sơn trên lập trường giai cấp thỏa hiệp. Nhưng theo lời anh nói riêng với tôi, thì, dầu sao, chủ nghĩa tam dân vẫn là chủ nghĩa cách mạng, mấy nghìn đảng viên Việt-nam Quốc dân đảng kia vẫn là một lực lượng, ta phải lẩn lụng làm việc với họ, dần dặt họ tiến lên, đừng để họ rã rời, thất vọng rồi đâm ra phiêu lưu. Lời anh Tài nói, tôi nhận là đúng, đúng với cương vị

(1) Trương Dân Bảo sau khi gia nhập Đảng Cộng sản, đã chết tại Nam-bộ trong thời kỳ kháng chiến.

(2) Nguyễn Văn Viễn sau xoay ra thân Nhật, hoạt động trong dịp quân đội Nhật kéo vào Lạng-sơn năm 1940, đã bị chết sau cuộc Cách mạng tháng Tám.

(3) Lê Văn Phúc sau khi được thả về, có tham gia hoạt động trong phong trào Mặt trận bình dân, bị họ lao chết năm 1937.

(4) Hoàng Thúc Dị sau làm chủ nhiệm báo *Việt-nam* của bọn giả danh Việt-nam Quốc dân đảng (bọn Vũ Hồng Khanh) đã bị chết sau Cách mạng tháng Tám.

(5) Nguyễn Phương Thảo sau khi gia nhập Đảng Cộng sản, hoạt động tại chiến khu Đông-triều trong Cách mạng Tháng Tám, sau được điều động vào đánh Pháp tại Nam-bộ, tức Trung tướng Nguyễn Bình.

của anh Tài. Nhưng về phần tôi, trước con mắt những người Việt-nam Quốc dân đảng, tôi đã bị « nhuộm đỏ » (1) từ đầu đến gót rồi, nên nhân chuyện này, tôi cũng không cần úp mở gì nữa.

Thế là, về phần tư tưởng, tôi đã được giải quyết dứt khoát. Nhưng con người của tôi, con người tinh cảm liều tư sẵn cộng với phong thái nhà nho của tôi chưa thể « cưa đứt đục khoát » như thế được. Tôi sinh trưởng trong một gia đình nghèo, rất nghèo, đời tôi đã khổ nhiều vì nghèo nên trên lập trường giai cấp, tôi sẵn sàng đứng về phía quần chúng lao khổ (chưa phải đã đứng trên lập trường giai cấp công nhân). Nhưng ý thức tư tưởng của tôi lại bị ảnh hưởng nhiều của ý thức hệ phong kiến vì đẳng cấp của phụ huynh, vì giáo dục của gia đình. Tôi băn khoăn với câu « gái trinh không lấy hai chồng » để gắn mình với Việt-nam Quốc dân đảng. Tôi khẳng khái khi nghĩ đến những tiên liệt của đảng, bạn cũ của tôi đã từng lấy máu viết nên những chữ « Việt-nam Quốc dân đảng » mà những người còn sống sót như tôi có nhiệm vụ phải làm cho nó sống mãi, mạnh lên. Chẳng những thế, bao nhiêu nỗi niềm riêng đã ràng buộc tôi với những người chết kể sống hàng chục năm trời như một tổ kén mà tôi là con nhộng khó lòng thoát ra. Thêm vào đấy, trong phạm vi chật hẹp của nhà tù, tôi cũng như những người khác va chạm lưng cụng vào những ngưỡng cửa của đảng phái. Trong một phòng, góc sàn này là chỗ nằm của những đảng viên Việt-nam Quốc dân đảng, giáp tường kia là những người bị bắt về cộng sản. Quĩ cứu tế, lớp huấn luyện, cơ quan giao thông, nhất nhất cái gì cũng riêng rẽ cả. Lại còn những cử chỉ cá nhân, mà đây là cơ trực tiếp, đã toát ra những kỳ thị về đảng phái làm cho người ta dễ xa nhau không phải vì lý tưởng, mà là vì cá nhân. Vì vậy, mặc dầu đã thoát ly chủ nghĩa tam dân, chúng tôi vẫn nằm trong tổ chức của Việt-nam Quốc dân đảng. Trong những ngày ấy, tôi đã công nhiên tham gia những lớp nghiên cứu của anh em cộng sản, đồng thời vẫn là ngòi bút chính trên tờ báo của Việt-nam Quốc dân đảng xuất bản tại trại tù số 1 do anh Thè già (ở Vĩnh-bảo) làm chủ nhiệm. Cố nhiên là quan niệm và lý luận của tôi, theo dư luận độc giả, đã « đỏ » nhiều lắm. Đồ thì đỏ, nhưng họ vẫn thích đọc vì lối văn « sừng cò » của tôi, vì tôi vẫn là người của Việt-nam Quốc dân đảng và nhất là, vì đa số cũng không thiết tha gì với chủ nghĩa tam dân

(1) Tiếng thường dùng trong nhà tù.

lắm. Ngoài viết báo ra, tôi còn viết nhiều thư gửi riêng cho nhiều bạn ở trong các khám tù xoay quanh mấy vấn đề lý luận và đường lối cách mạng. Lúc ấy, anh Nguyễn Đức Chính, trong tổ chức Việt-nam Quốc dân đảng, ở bên trại giam những người bị án phạt lưu, cũng ra một tờ báo bằng chữ Pháp để làm diễn đàn phát biểu ý kiến với một tư tưởng tiến bộ và ôn hòa. Đó cũng là một lực lượng dự bị của chúng tôi. Còn phái bảo thủ và quá khích trong Việt-nam Quốc dân đảng thì không cần lý luận gì, chỉ cần dòm thấy ở đó một cái gì đánh dấu khác với chủ nghĩa cộng sản là được rồi.

Đến đây thì ý niệm của tôi đã dần dần cởi mở, cũng như lập luận của tôi đã có chỗ khác trước. Trong những bài báo hay bức thư, tôi đã phân tích sự liên hệ giữa chủ nghĩa với tổ chức. Tôi nhận ra rằng : tổ chức đảng là một phương tiện để tiến hành cách mạng. Cho được đạt tới mục đích, người cách mạng có thể tùy tình thế, chọn phương tiện, chớ không cần phải khư khư bám lấy một phương tiện nào một khi đã thấy là nó bất lực. Một lẽ rất hiển nhiên là : có chủ nghĩa cách mạng rồi mới có đảng cách mạng. Có những tổ chức đảng trước còn cách mạng, nhưng sau trở nên không cách mạng và còn quay ra phản cách mạng nữa là khác. Đã vậy, cái quan niệm « gái trinh không lấy hai chồng » không thể áp dụng trong trường hợp cách mạng. Cố nhiên là người cách mạng phải trung thành với chủ nghĩa mà mình theo và phải có đảng tính rất vững. Nhưng một khi xét thấy hai cái đó đã mâu thuẫn với nhau, đáng dần dần xa với lý tưởng cách mạng mà mình theo đuổi thì mấy tiếng « phản đảng » mà có người buộc cho không có nghĩa là phản cách mạng. Thực ra, ý niệm của tôi bấy giờ mới được đến thế và dùng nó để an ủi mình, khuyến khích mình, để giải đáp những nỗi băn khoăn trong lòng, chớ chưa phải đã biết đi sâu vào quan niệm giai cấp, nhận rõ tính chất giai cấp của Việt-nam Quốc dân đảng và bước đường tiến triển tất nhiên của nó. Rồi, tôi lại nghĩ rằng : những đồng chí tiền liệt của đảng mà tôi đầy lòng yêu quý kia nếu còn sống, nếu vẫn trung thành với cách mạng thì chắc cũng phải tiến hóa theo kịp với trào lưu, đặt chủ nghĩa ngang với mức tư tưởng của thời đại. Tôi run sợ không dám nghĩ đến những bạn tôi đã chết kia nếu còn sống tới ngày nay biết đâu trong đó không có người mà về phương diện tư tưởng đối với tôi đã không thể hòa giải được. Mà cái đó cũng không lấy gì làm lạ !

Đối với những anh em cộng sản cùng ở chung một khám, tôi có cảm tình nhiều nhất với hai người là Bùi Công Trừng và Bùi Lâm. Anh Trừng năm trước đã cùng với tôi viết *Đông Pháp thời báo* ở Sài-gòn và hoạt động trong đảng Thanh niên Việt-nam, bây giờ lại gặp nhau nên từ tình cảm đến lý tưởng rất dễ gần nhau. Còn anh Bùi Lâm, thì, tình tình giản dị và thẳng thắn của anh là một sức hấp dẫn dễ mọi người đều mến anh, muốn gần anh. Thêm vào đấy, anh Tô Chấn, một người do tôi giới thiệu vào Việt-nam Quốc dân đảng rồi bị bắt trong vụ mưu sát Toàn quyền Pasquier, bị kết án chung thân khổ sai đày ra Côn-đảo. Lúc này, anh đã đoạn tuyệt hẳn với Việt-nam Quốc dân đảng và đường hoàng đứng trong hàng ngũ những người cộng sản. Anh biết tôi nhiều nên viết thư khuyên tôi cần có thái độ rõ ràng và kiên quyết trước một tiền đồ cách mạng. Trong người tôi lúc ấy, lý trí và tình cảm chen lẫn nhau, giằng co nhau hình thành một mặt trận cái răng lược !

Đã thế, dòng tư tưởng và tình cảm của tôi không phải chỉ sôi sục ở trong người, mà còn luôn luôn bị kích thích bởi những sự vật ở ngoài. Năm 1934, một việc đáng tiếc đã xảy ra tại nhà tù Côn-đảo là việc đánh nhau giữa hai bên Quốc, Cộng. Ở đây, tôi không kể những nguyên nhân sâu xa và quá trình diễn biến của sự việc, mà chỉ nói cái ảnh hưởng của nó đã dội vào tôi. Việc này xảy ra từ bên trại án phát lưu. Tên Đ..., một tên bị bắt về vụ cộng sản nhưng đã bị khai trừ ra khỏi đoàn thể cộng sản của nhà tù, đã báo với bọn Pháp coi ngục khám bắt một số sách của nhóm Việt-nam Quốc dân đảng giấu tại trong tường. Việc khốn nạn này đã gây lòng công phẫn của những người Quốc dân đảng và cả những người Cộng sản. Hai bên đều cử đoàn đại biểu họp bàn cách đối phó thích đáng. Trong đoàn đại biểu này có cả đại biểu của sáu người trong nhóm chúng tôi. Cuộc thảo luận chưa xong thì một số cực đoan trong Việt-nam Quốc dân đảng thừa cơ hội khích động mọi người đảng viên đứng dậy dùng vũ lực chống cộng. Vì đã chuẩn bị từ trước, họ dùng dao, dùi, đá nhọn mang ở ngoài-vào đột nhiên xô đánh những người cộng sản, nhằm vào những người cầm đầu. Trận ẩu đả tiếp diễn luôn ba ngày, nhiều người bị thương. Cuối cùng, bọn thống trị Pháp phải nhốt riêng mỗi bên mới thôi. Về trại án cấm cố, những anh em Cộng sản và Việt-nam Quốc dân đảng thì không xảy ra chuyện gì, nhưng những biến thiên ở trại bên kia không phải không xúc động dữ dội đến chúng tôi và buộc chúng tôi phải

có một thái độ rõ rệt. Anh Phạm Tuấn Tài lúc ấy đã đi chữa bệnh ở nhà thương, viết thư cho tôi nói chuyện trong khi nằm liệt giường liệt chiếu vẫn phải đề sẵn mấy cái chai ở đầu giường để đề phòng bất trắc.

Sau những trận ẩu đả, thái độ bài cộng của một số quá khích trong Việt-nam Quốc dân đảng càng kịch liệt hơn. Riêng đối với mấy người chúng tôi, họ càng nhìn bằng con mắt thù ghét, nhất là sợ chúng tôi sẽ « truyền nhiễm » cho những người khác trong đảng (1). Về phần tôi, trong quá trình đấu tranh tư tưởng kéo dài tới bốn năm, tôi đã đến lúc phải xác định vị trí cách mạng của mình. Cuối năm 1934, trước ngày mãn hạn tù, tôi đã trang trải một lần cho xong cái giai đoạn cách mạng vừa qua của tôi trong một cuốn sách nhỏ *Tự phê bình*. Bằng quyển sách nhỏ này, tôi đã thẳng thắn kiểm điểm tất cả những quan niệm, hành động của tôi, nói rộng ra là lập trường và đường lối chính trị của Việt-nam Quốc dân đảng. Kèm theo đây một chương phê phán chủ nghĩa tam dân. Quyển sách nhỏ này mặc dầu bị ban giao thông của nhóm Việt-nam Quốc dân đảng hủy hoại đi, không dám truyền cho nhiều người đọc theo yêu cầu của tôi, nhưng nó là bản tuyên bố lập trường và chính kiến của tôi.

Một ngày vào cuối tháng 10 năm 1934, trước ngày xuống tàu về Sài-gòn, tôi không quên xin phép để được đi thăm mộ Hồ Văn Mịch tại nghĩa địa Côn-đảo và Phạm Tuấn Tài bị ho lao nặng phải ở riêng tại trại số 3. Hồ Văn Mịch là người có mặt trong lễ tuyên thệ của tôi vào Việt-nam Quốc dân đảng và là người đảng viên Việt-nam Quốc dân đảng đầu tiên chết ở Côn-đảo. Hôm ấy, trời mưa phùn, tôi đi lút trong đám cỏ cao hơn đầu, sờ lằn và dòm hàng trăm chiếc mộ chỉ hoặc bằng tre hoặc bằng gỗ mới tìm được chỗ Mịch nằm. Tôi không tin hồn Mịch còn sống, nhưng thấy xác Mịch được quây bằng mấy tảng đá ong, có vẻ vững chãi hơn những nấm mồ khác mà phần nhiều đã bị sóng biển cuốn đi, tôi thấy yên lòng. Đứng trước mộ Mịch, tôi như muốn nói với Mịch rằng : tôi vẫn thủy chung như nhất với cách mạng. Nhưng cách mạng tiến lên không ngừng, tôi cũng phải tiến lên không ngừng. Đến thăm Phạm Tuấn Tài ở một gian phòng nhốt những người ho

(1) Sau khi tôi dời khỏi Côn-lôn về ít ngày, anh Tưởng Dân Bảo, một trong sáu người chúng tôi, bị đội Lãng, một phần tử cực đoan trong Việt-nam Quốc dân đảng, bắt thành lính cầm một cái thuôn sắt nhọn sọc trùng sau gáy ngã gục xuống gần chết, rồi Lãng cầm dao tự cắt cổ chết.

lao nặng, tôi không tin rằng còn có thể gặp anh một lần nữa. Lúc tổng biệt, Tài còn nhếch một nụ cười bảo tôi : « Anh trở về trường hoạt động, sẽ được làm theo chí nguyện và lý tưởng của anh. Tôi ở đây còn có nhiệm vụ dẫn dắt một số đồng chí cũ tiến bước cùng mình. Nhưng nếu một ngày kia sự nỗ lực của tôi không có kết quả nữa, tôi sẽ kiên quyết đi với anh » (1).

Bước chân xuống tàu Ác-măng Rút-xô (Harmand Rousseau), chiếc tàu mà cách đây hơn bốn năm trước đã chở tôi và một số đồng chí từ Sài-gòn ra Côn-đảo, tôi nhìn lại nhà tù, nhìn lại Côn-đảo. Nói sao cho hết, viết sao cho hết những điều tôi muốn nói. Côn-lôn là địa ngục trần gian do thực dân Pháp tạo ra. Nhưng Côn-lôn lại là trường đào tạo cán bộ do cách mạng rèn đúc. Hướng về lục địa, tôi như thấy cả một vũ đài rộng lớn đang chờ đợi chúng tôi. Dưới ngọn cờ búa liềm, tôi phải chạy mau tới vì thấy mình chậm bước lắm rồi.

(1) Năm 1937, do sức đấu tranh của nhân dân Pháp và nhân dân Việt-nam, trong phong trào Mặt trận bình dân, anh Phạm Tuấn Tài cùng một số đồng chí trị phạm ở Côn-đảo được thả về nước. Nhưng về đến sở mật thám Hà-nội, anh đã không đủ sức dậy nữa, được đem ngay đi nhà thương Bạch-mai. Gặp tôi, Tài vẫn không nói chuyện chết, vẫn nhếch một nụ cười quen thuộc bảo tôi : « Bây giờ thì phải dứt khoát rồi. Nếu tôi không thể đi với phát-xít được thì chỉ còn cùng các anh phấn đấu dưới lá cờ Mác, Lê-nin ». Ít ngày sau, trước khi nhắm mắt lần cuối cùng, anh Tài đã trao cho tôi một bức thư mà anh đã đem hết tàn lực viết trên giường bệnh. Trong thư, đại ý nói rõ quan điểm của mình và kêu gọi các đảng viên Việt-nam Quốc dân đảng nếu ai thực tâm yêu nước, trung thành với cách mạng hãy dẹp bỏ tư ý tiểu khu và óc đảng phái hẹp hòi, đứng dưới lá cờ Mác, Lê-nin mà phấn đấu để giải phóng dân tộc và tiến lên thế giới đại đồng. Cách mạng trên hết. (Bản di chúc này được khắc bản kẽm in trên báo *Le Travail* (Lao động) hồi ấy, hiện nay còn để ở nhà Bảo tàng cách mạng tại Hà-nội.

CUỘC HỘI NGHỊ QUỐC TẾ LẦN THỨ 5

VỀ LỊCH SỬ PHONG TRÀO

CÔNG NHÂN VÀ CỘNG SẢN HỢP Ở BUY-CA-RÉT

từ 25-8-1959 đến 2-9-1959

VẤN đề giáo dục cho đảng viên các đảng cộng sản và công nhân, cho giai cấp công nhân và cho nhân dân lao động đề nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa là một vấn đề cấp thiết và quan trọng. Và muốn giáo dục cộng sản chủ nghĩa thì không thể thiếu được việc giáo dục qua lịch sử phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân cũng như lịch sử đấu tranh của các đảng cộng sản và công nhân.

Hội nghị quốc tế lần thứ 5 này, do nghị quyết của Hội nghị lần thứ 4 họp ở Béc-lanh (1958), được triệu tập ở Buy-ca-rét.

Hội nghị lần thứ 5 gồm có 63 đại biểu, trong đó có 62 đại biểu của 25 đảng (25 nước): 12 nước xã hội chủ nghĩa và các đảng cộng sản ở các nước Anh, Áo, Bỉ, Ca-na-đa, Xi-li, Đan-mạch, Pháp, Tây Đức, Ấn-độ, In-đô-nê-xi-a, Ý, Nôóc-ve-dơ (Na-uy), Xuy-ét (Thụy-điển), và một đại biểu của tạp chí « *Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội* ».

Có đảng chuẩn bị đề đi như Đảng Nhật-bản, nhưng vì Chính phủ Nhật-bản cản trở không cấp giấy thông hành, nên chỉ gửi được thư đến cho hội nghị.

Hội nghị thảo luận về hai vấn đề chính :

1) Cuộc tranh luận của các đảng cộng sản và công nhân nhằm thống nhất giai cấp công nhân.

2) Nhiệm vụ của khoa học lịch sử trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại hiện đại.

Vấn đề thứ nhất do đồng chí Vát-xi-lich-ki (Vasilichi), Giám đốc Viện Lịch sử Đảng Ru-ma-ni báo cáo rồi tổng kết. Có tham luận của 18 đoàn: Pháp, Đông Đức, An-ba-ni, Việt-nam, Ý, Triều-tiên, Tây Đức, Mông-cô, Tiệp, Ba-lan, Hung-ga-ri, Áo, In-đô-nê-xi-a, Xi-li, Anh, Ca-na-đa, Bun-ga-ri, Ấn-độ.

Vấn đề thứ hai do đồng chí Sa-ta-ghin (Chataguine), tiến-sĩ khoa học lịch sử, Phó giám đốc Viện Mác – Lê-nin trực thuộc Trung ương Đảng Cộng sản Liên-xô, báo cáo rồi tổng kết. Cũng có 18 đoàn tham luận: Hung-ga-ri, Việt-nam, Ba-lan, Tiệp, An-ba-ni, Trung-quốc, Đông Đức, Bỉ, In-đô-nê-xi-a, Mông-cô, Bun-ga-ri, Đan-mạch, Áo, Ru-ma-ni, Liên-xô, Pháp, Ý, Anh.

Vấn đề thứ nhất nêu sự quan trọng và sự cần thiết của việc thống nhất giai cấp công nhân, nhắc lại những kinh nghiệm lịch sử đấu tranh thống nhất giai cấp công nhân trong phong trào cách mạng từ Cách mạng tháng Mười, những kết quả tốt đẹp do việc thống nhất giai cấp công nhân đưa lại cũng như những trở ngại, và cả phá hoại của bọn lãnh tụ hữu phái các đảng xã hội – dân chủ đối với những cố gắng thực hiện thống nhất của các đảng cộng sản và công nhân. Tình hình hiện tại của cuộc đấu tranh cho sự thống nhất giai cấp công nhân thế giới chủ yếu ở việc chống bọn xã hội – dân chủ phái hữu, chống chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa bẻ phái, đề thống nhất hành động chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình.

Vấn đề thứ hai nêu những hoạt động chống chủ nghĩa xét lại của các đảng cộng sản và công nhân trong khối xã hội chủ nghĩa và nêu ba điểm lớn về chống chủ nghĩa xét lại trên mặt trận lịch sử. Điểm trước nhất nói về vai trò những đảng cộng sản trong phong trào công nhân hiện đại, đề bác lập luận của bọn xét lại đòi thủ tiêu các đảng Mác – Lê-nin. Thứ đến điểm nói về những đặc điểm của phong trào công nhân trong giai đoạn hiện nay lên cao như thế nào để chứng tỏ lý luận xét lại về sự hòa hoãn giai cấp, về sự phát triển chủ nghĩa tư bản không có khủng hoảng, chủ nghĩa tư bản nhân dân là không đúng, không có cơ sở nào cả. Điểm thứ ba nhắc lại các con đường chuyển tiếp từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, trong đó phân tích phê phán một số lý luận xét lại về chủ nghĩa tư bản hiện đại, và bác bỏ quan điểm của bọn xét lại, chúng cho là con đường hòa bình, nghị viện để nắm được chính quyền là con đường duy nhất để tới chủ nghĩa xã hội.

Các bản tham luận về hai vấn đề này đều nêu rõ tình hình cụ thể của từng nước, từng đảng trong vấn đề đấu tranh đề thống nhất giai cấp công nhân và chống chủ nghĩa xét lại hiện đại. Hoàn đại biểu Việt-nam đều có tham luận trong hai vấn đề đó.

Qua những vấn đề thảo luận, nổi bật lên sự cần thiết của việc xuất bản những tác phẩm kinh điển cũng như việc biên soạn và xuất bản những cuốn lịch sử các đảng cộng sản và công nhân, lịch sử phong trào công nhân và cộng sản quốc tế, v. v... Và trong những buổi họp các tiểu ban về việc xuất bản, cuốn sách giáo khoa về lịch sử phong trào công nhân và cộng sản quốc tế, về xuất bản tài liệu lịch sử Đảng, về trao đổi kinh nghiệm, đã nêu lên được những kinh nghiệm và những công việc cần phải tiến hành để có thể thực hiện được tốt việc xuất bản những cuốn sách và tài liệu đó góp phần quan trọng vào việc giáo dục đảng viên, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động rộng rãi.

Hội nghị quyết nghị ấn định Hội nghị lần thứ 6 họp vào khoảng tháng 7, tháng 8 năm 1961 với hai vấn đề:

1) Các đảng cộng sản và công nhân đứng đầu cuộc đấu tranh nhân dân giải phóng khỏi xâm lược phát-xít trước và trong Đại chiến thế giới thứ hai.

2) Tình hình xây dựng một cuốn giáo khoa phổ biến về lịch sử phong trào công nhân và cộng sản quốc tế.

Cuốn sách giáo khoa này sẽ do một ban biên tập gồm đại biểu của 8 đảng chịu trách nhiệm xây dựng, nhưng những chương mục và tài liệu thì có phân công (cũng như sẽ mời thêm) cho tất cả các đảng đóng góp.

THÀNH THẾ VỸ

Thông báo

ĐỀ hợp với tính chất và nội dung công tác hiện tại của Nhà xuất bản Văn Sử Địa, kể từ ngày 1-1-1960, Nhà xuất bản Văn Sử Địa đổi tên là **NHÀ XUẤT BẢN SỬ HỌC**. Nhà xuất bản Sử học thuộc Viện Sử học Việt-nam (trong Ủy ban Khoa học Nhà nước) xuất bản những sách nghiên cứu về khoa học xã hội, chủ yếu là khoa học lịch sử.

ĐÍNH CHÍNH

Ở trang 65, dòng cuối cùng, in thiếu một câu, xin đọc là: «... và đã ít nhiều mang ý thức hệ vô sản. Sau cải cách ruộng đất, số vô sản, bán vô sản thôn quê... ».

ИСТОРИЧЕСКИЕ ИССЛЕДОВАНИЯ

Ежемесячный научный журнал Вьетнамского института истории

Главный редактор: ЧАН ХЮИ ЛИЕУ

Адрес редакции: ДРВ, Ханой, улица Хан Тхюен, 16-18. Телефон: 1083

№ 10 январь 1960

СОДЕРЖАНИЕ

ВЬЕТНАМСКИЙ ИНСТИТУТ ИСТОРИИ — Вопрос истории Партии.	1
НГУЕН ХОНГ ФОНГ — Создание Коммунистической партии Индокитая — величайший поворотный шаг в новой истории вьетнамского революционного движения.	6
ВАН ТАН — Вождь Партии.	30
ВАН ТАО — О союзе классов во вьетнамской революции после 1930 года.	50
ЛА ВАН ЛО — 30 лет претворения в жизнь национальной политики Партии	68
ЧАН ХЮИ ЛИЕУ — Бороться за звание члена партии (из воспоминаний)	77
— 5-я международная конференция в Бухаресте по вопросам истории рабочего и коммунистического движения (25-8-1959 — 2-9-1959).	91

ОПЕЧАТКИ

— В № 9 журнала „Исторические исследования“, после статьи Нгуен Хонг Фонга „Развитие товарного хозяйства и проблема формирования капитализма во Вьетнаме в феодальный период“ пропущено („продолжение следует“).

— В этом же номере в „Содержании“ на русском языке пропущено название одной статьи:

ВАН ТАН — К исследованию вопроса о происхождении вьетнамской нации. 26

歷史研究集刊

主任：陳輝燎

越南史學院編輯

地址：河內翰詮街16-18號 — 電話：1083

1960年1月第十期

目錄

論著

- 黨史問題 越南史學院 (1)
- 東洋共產黨的成立是越南近代革命史上
一個偉大的轉捩點 阮紅峯 (6)
- 黨的領袖 文新 (30)
- 論從1930年以後越南革命中的階級聯盟 文造 (50)
- 三十年來黨的民族政策的實現 呂文盧 (68)
- 爲要成爲一個共產黨員而奮鬥(回憶錄) 陳輝燎 (77)
- 從1959年8月25日到9月2日在布加勒斯
特召開的工人和共產主義運動史的
第五屆國際會議 (91)

編者的話

本刊第9期所登載阮紅峰君寫的“封建時期越南商品經濟的發展和資本主義的形成問題”一文是還要繼續登下去的，但我們忽略了在已登載的那部分末後寫上“待續”二字。請讀者們原諒。

REVUE DES ÉTUDES HISTORIQUES

Directeur : TRẦN HUY LIỆU

Rédaction et administration : Institut d'Histoire du Việt-nam

18-18, Rue Hán Thuyên, Hà-nội — Téléphone : 1083

N° 10 — JANVIER 1960

SOMMAIRE

INSTITUT D'HISTOIRE DU VIỆT NAM — De l'histoire du Parti	1
NGUYỄN HỒNG PHONG — La fondation du Parti communiste indochinois, tournant décisif dans l'histoire de la révolution vietnamienne	6
VĂN TÂN — Hồ Chí Minh, leader du Parti	30
VĂN TẠO — De l'alliance de classe dans la révolution vietnamienne depuis 1930	50
LÃ VĂN LÔ — L'application de la politique des nationalités du Parti pendant ces trente dernières années	68
TRẦN HUY LIỆU — Comment je suis devenu communiste (souvenirs)	77
★ La 5e conférence internationale sur l'histoire du mouvement ouvrier et communiste (Bucarest, 25-8 — 2-9-1959)	91

NOTE AUX LECTEURS

CE qui a paru dans notre N° 9 sous le titre « Le développement de l'économie marchande et la question de la formation du capitalisme au Việt-nam sous la féodalité » n'est que la première partie d'une étude de Nguyễn Hồng Phong dont la suite sera publiée dans notre prochain numéro.

VIỆN SỬ HỌC VIỆT NAM

Xuất bản — Kích 16 x 24

In tại nhà in Vũ Hùng 9, phố Văn miếu, Hà-nội



NHÀ XUẤT BẢN VĂN SỬ ĐỊA

16-18, Phố Hàn Thuyên — HÀ-NỘI

ĐÃ XUẤT BẢN:

VIỆT SỬ LƯỢC

Là một bộ sử xưa nhất của nước ta soạn về đời Trần (thế kỷ XIV) nhưng bị thất truyền, không rõ tên tác giả. **Việt sử lược** đã được in ở Trung-quốc từ cuối thế kỷ XVIII, lần đầu tiên được dịch do Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải.

Việt sử lược chép những sự thay đổi trong nước buổi đầu, các vua từ Triệu Đà trở xuống cho đến hết nhà Lý; cuối sách có kê niên hiệu các vua đời Trần. **Việt sử lược** ghi chép tỉ mỉ những sự thay đổi, diễn biến trong nội bộ triều đình phong kiến, những thần thuyết, giai thoại trong dân gian. Ngoài giá trị về sử liệu, **Việt sử lược** còn giúp chúng ta hiểu thêm về đời sống nhân dân dưới thời Lý, Trần.



VIỆT SỬ THÔNG GIÁM CƯƠNG MỤC

Tập XV

SẼ XUẤT BẢN:

DỰ ĐỊA CHỈ

của NGUYỄN TRÃI — PHAN DUY TIẾP dịch



VIỆT SỬ THÔNG GIÁM CƯƠNG MỤC

Tập XVI

Nhà in Vũ Hùng — Hà-nội

Giá: 04.60

CÁC BẠN TÌM ĐỌC:

Báo NGƯỜI GIÁO VIÊN NHÂN DÂN

CƠ QUAN CỦA NGÀNH GIÁO DỤC
VÀ CỦA CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC VIỆT-NAM

NHẪM MỤC ĐÍCH:

- Trao đổi ý kiến và kinh nghiệm; làm sáng tỏ các vấn đề quan điểm, lập trường, phương châm, đường lối và các vấn đề công tác thực tiễn.
- Giúp các bạn giáo viên và cán bộ giáo dục giải quyết mọi mặt công tác và sinh hoạt.

Mỗi tháng ra hai kỳ, ngày 5 và 20, mỗi số 12 trang, giá 0 đ 15



NGHIÊN CỨU VĂN HỌC

Tập san nghiên cứu, lý luận, phê bình, giới thiệu văn học của Viện Văn học (thuộc Ủy ban Khoa học Nhà nước)

Mỗi tháng ra một kỳ vào đầu tháng

THƯ KÝ TÒA SOẠN: **HOÀI THANH**

Số 1 ra ngày 1-1-1960

(Đặc san kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng)

CÓ CÁC BÀI:

Đặng Thai Mai — Vai trò lãnh đạo của Đảng trên mặt trận văn học ba mươi năm nay.

Phạm Bình, Phan Cự Đệ — Mười lăm năm văn học cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Bùi Công Trường — Câu chuyện đấu tranh trong buổi đầu tiên trên mặt trận văn học.

Hoài Thanh — Nhìn lại cuộc tranh luận về nghệ thuật.

Nguyễn Văn Trấn — Tờ báo *Dân chúng*.

Nguyễn Công Hoan — Thời gian Mặt trận Bình dân, tôi đã chịu ảnh hưởng của Đảng.

Vũ Đức Phúc — Thơ và Cách mạng (nghiên cứu tập thơ *Từ ấy* của Tố Hữu).

Trần Minh Tước — Tên cô Tây với chuyện Cao Bá Quát.

Xuân Thủy — Suối reo năm ấy.

Hoàng Như Mai — Văn học Việt-nam sau Cách mạng tháng Tám.

Hà Văn Thư — Mấy nét khái quát về văn học các dân tộc thiểu số Việt-nam từ Cách mạng tháng Tám đến nay.

Tú Mỡ — Từ khi tôi theo Đảng.

Phan Nhân — Giá trị phản ánh hiện thực và tác dụng tuyên truyền giáo dục của thơ ca quần chúng.

Lưu Quý Kỳ — Nguồn trong và nguồn đục trên sông Thơ miền Nam.